

Ngô Trọng Đức soạn
Thích Pháp Chánh dịch

Truyện Lục Tổ Huệ Năng



Tường Quang Tùng Thư 13
Phật lịch 2555 - TL 2012

Tường Quang Tùng Thư

- 1 - **Tại Gia Bồ Tát Giới Bản**, Thích Pháp Chánh dịch và chú giải, 2003
- 2 - **Nhập Bồ Tát Hạnh**, văn xuôi và văn vần, Thích Nữ Trí Hải dịch, 2003
- 3 - **Địa Trì Bồ Tát Giới Bản và Địa Trì Bồ Tát Giới Bản Tiên Yếu**, Thích Pháp Chánh dịch, 2004
- 4 - **Từ Điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam, Tập 1 & 2**, Tiến sĩ Lê Mạnh Thát chủ biên, 2005
- 5 - **Bồ Đề Chánh Đạo Bồ Tát Giới Luận**, Tsong Kha Pa Thượng Sư soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2006
- 6 - **Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập**, Pháp Nhiên Thượng Nhân soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2006. Tái bản lần thứ nhất 2008
- 7 - **Tại Gia Bồ Tát Giới Kinh**, Thích Pháp Chánh dịch, 2006
- 8 - **Phật Nói Kinh Phạm Võng Lược Sớ**, Hoàng Tân Đại Sư soạn, Thích Nữ Trí Hải dịch, 2007
- 9 - **Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ**, Thiện Đạo Hòa Thượng tập ký, Thích Pháp Chánh dịch, 2009
- 10- **Đường Vào Bồ Tát Hạnh Tập Chú**, Bồ Tát Tịch Thiên tạo luận, Thích Pháp Chánh dịch, 2010
- 11- **Niệm Phật Tông Yếu**, Pháp Nhiên Thượng Nhân soạn, Nguyễn Văn Nhân dịch, 2011
- 12- **Tại Gia Bồ Tát Giới Kinh Giảng Lục**, Thái Hư Đại Sư giảng, Thích Pháp Chánh dịch, 2011
- 13- **Truyện Lục Tổ Huệ Năng**, Ngô Trọng Đức soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2012

Giới thiệu

Đại sư Lục tổ Huệ Năng là một nhân vật lịch sử đang đi vào huyền thoại. Sử tích của ngài mặc dù đã được ghi chép trên giấy trắng mực đen là quyển kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn, nhưng những mẫu truyện huyền hoặc về cuộc đời ngài thỉnh thoảng vẫn làm mờ đi phần nào sự thực.

Sự khai ngộ của Lục tổ Huệ Năng khi nghe kinh Kim Cương đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" là một sự kiện lịch sử. Sự kiện đó không những là một biến cố vĩ đại trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, mà cũng là một biến cố vĩ đại trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Điều này đưa chúng ta đến sự ý thức được tầm mức quan trọng của trí tuệ Bát Nhã trong tòa nhà tư tưởng của nhân loại. Đây là một giòng tư tưởng siêu việt giúp hành giả vượt thoát tất cả những sự chấp trước khổ đau, hạn hẹp, dày vò, bức bách. Những sự chấp trước này đã, đang và sẽ trói buộc tất cả mọi người chúng ta trong vòng sinh tử luân hồi. Nếu không có giòng tư tưởng Bát Nhã siêu việt thời gian và không gian này của Phật giáo, nhân loại nói riêng, và chúng sinh nói chung, sẽ vĩnh viễn bị chìm đắm trong những sự trói buộc triền miên.

Truyện Lục Tổ Huệ Năng do cư sĩ Ngô Trọng Đức, một hành giả Thiền tông, sau nhiều năm sưu tầm những dữ kiện lịch sử cùng những mẫu truyện nhân gian đã soạn thành câu truyện về cuộc đời ngài theo một mạch lạc thời gian. Tuy gọi là truyện, nhưng hầu hết dữ kiện trong đây đều được trích lục từ quyển kinh Pháp Bảo Đàn, nên có thể nói truyện tức là kinh được mô tả lại dưới một hình thức dễ hiểu hơn. Lời văn tuy đôi khi có phần dí dỏm, trào lộng, nhưng chung quy vẫn giữ được những sắc thái tôn nghiêm, trang trọng.

Người dịch tuy không chuyên về pháp môn tu thiền, nhưng đối với quyển Kinh Pháp Bảo Đàn dường như đã từng tròng nhiều duyên lành, vì thế đối với lời dạy của Lục tổ Huệ Năng đã đặc biệt quy tâm ngưỡng mộ. Những lời dạy của ngài, chúng ta không nên hiểu một cách hạn hẹp là chỉ dành cho những người tu thiền, mà phải được coi là gia tài chung cho tất cả những người học Phật. Như chúng ta sẽ thấy trong quyển sách này, Lục tổ đã dùng những phương tiện khéo léo để dẫn dắt chúng ta từ sự trói buộc khổ đau ở bờ bên đây đến sự giải thoát tự tại ở bờ bên kia bằng một công cụ tuyệt diệu nhất là sự "phá chấp". Hành giả học Phật thường hay bị mắc vào một lỗi lầm thông thường nhất là "thiên kiến", nghĩa là "chấp vào một bên", hoặc chấp vào lý, hoặc chấp vào sự. Thế nhưng, sự tu hành nếu muốn đạt được kết quả thực tiễn thì phải nên có một sự quân bình giữa lý và sự mà không được bỏ phế bên nào. Không những tu thiền phải nên như vậy, mà tu tịnh, hay tu bất cứ pháp môn nào khác cũng phải nên như vậy. Đây là điều kiện tiên quyết để đạt đến Niết bàn giải thoát. Nếu như đọc Kinh Pháp Bảo Đàn, hoặc đọc các Kinh Bát Nhã, cùng các kinh Đại Thừa mà còn tiếp tục, hoặc tăng gia "thiên kiến", thì e rằng chúng ta đã phụ lòng Lục tổ cùng tất cả các vị Thiện tri thức trong mười phương ba đời.

Đọc truyện tức là đọc kinh, mà mục đích của sự đọc kinh là để chúng ta gần gũi chư Phật, chư Bồ tát, ôn lại lời khuyên bảo, dặn dò của các ngài, hầu có thể tiến bộ, tinh tiến trên con đường giải thoát, và như vậy, hy vọng trong tương lai chúng ta sẽ có cơ duyên được cùng các ngài "sánh vai, đùm đạo". Ước mong quyển sách nhỏ này sẽ đem lại được sự ích lợi cho tất cả chúng ta, những người học Phật.

Xuân Nhâm Thìn, 2012
Tường Quang Tự
Thích Pháp Chánh

Truyện

Lục tổ Huệ Năng

Đại sư Lục tổ Huệ Năng là tổ thứ sáu của Thiền tông Trung quốc. Cha của ngài là cụ Lô Hành Thao, người gốc vùng Phạm Dương, huyện Uyển Bình, tỉnh Hà Bắc, vốn là một vị quan nổi tiếng ở đời vua Đường Cao Tổ, nhưng sau đó bị cách chức và đày đi làm người dân thường ở Tân Châu, miền Lĩnh Nam. Cụ Thao cùng phu nhân là Lý thị đã lấy nhau hơn hai mươi năm mà vẫn chưa có con. Một hôm, phu nhân Lý thị nằm mơ thấy hai bụi cây ở trước nhà nở đầy hoa trắng, sau đó hoa trắng biến thành một đôi hạc trắng vỗ cánh bay vút vào trời cao. Chẳng bao lâu có một mùi hương lạ tràn ngập gian phòng bà, mãi một lúc lâu sau mới từ từ tan đi. Sau khi tỉnh giấc, phu nhân phát giác rằng mình đã có thai.

Tương truyền, phu nhân mang thai sáu năm mới sinh ra Huệ Năng. Đó là năm Trinh Quán thứ mười hai, đời Đường Thái Tông (TL 638). Lúc vừa sinh ngài ra, trên không trung có một luồng ánh sáng chói rực, dường như được phóng ra từ đỉnh đầu của Đức Phật. Trong nhà lại có một mùi hương lạ thơm phưng phức. Sáng hôm sau có hai vị tăng tướng mạo phi phàm tìm đến viếng thăm. Sau khi nói lời chúc mừng, hai vị này nói rằng họ đến với mục đích đặt tên cho đứa bé là Huệ Năng. Huệ có nghĩa là đem Phật

pháp huệ thí, tế độ chúng sinh, còn Năng có nghĩa là có năng lực hoàng dương Phật pháp. Sau khi nói xong, hai vị tăng liền biến mất. Điều này làm cho cụ Thao và phu nhân vô cùng kinh dị.

Huệ Năng chào đời vào lúc ngài Huyền Trang vẫn còn đang đi thỉnh kinh ở Ấn Độ. Ngài lớn lên trong sự chăm sóc nâng niu của cha mẹ. Chẳng may, cha ngài qua đời vào lúc ngài vừa mới lên ba. Mẹ ngài bèn dời nhà đến vùng Nam Hải. Nhờ vào nghề may vá của bà mà mẹ góa con cô

đùm bọc nhau, sống qua những chuỗi ngày gian khổ. Khi Huệ Năng đến tuổi trưởng thành, ngài vào rừng đốn củi gánh ra chợ bán lấy tiền nuôi dưỡng mẹ già.

Một hôm, Huệ năng đem củi đến một quán trọ bán cho một người khách.



Nhận tiền xong, Huệ Năng vừa định đi ra bỗng nghe có tiếng tụng kinh. Ngài tuy từ nhỏ chẳng học được bao nhiêu chữ nghĩa, nhưng khi nghe lời kinh lại có một cảm giác lạ lùng, giống như một người đang ở trong hang tối, vừa đục

một lỗ hổng, bỗng nhiên thấy được ánh sáng chan hòa. Tâm ngài đột nhiên bừng sáng, một niềm vui khó tả tràn ngập trong lòng.

Đang lúc người đó tụng đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm¹", Huệ Năng bỗng thấy chấn động trong lòng. Ngài cảm giác như có một luồng ánh sáng dài muôn trượng chiếu xuyên qua từng lỗ chân lông. Trong giây phút đó, Huệ Năng cảm nhận một cách phảng phất hình như mình đã được khai ngộ. Ngài bèn đặt gánh xuống, vội vàng hỏi xem người khách tên gì, lại hỏi ông ta làm thế nào mà có được bộ kinh đó. Người khách trọ tên An Đạo Thành nói với Huệ Năng là ông đang tụng Kinh Kim Cương, và bộ kinh này được thỉnh từ chùa Đông Thiên, chỗ của ngài Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, ở huyện Hoàng Mai, đất Kỳ Châu. Huệ Năng nghe xong, vô cùng ngưỡng mộ, bèn nao nức muốn đến chùa Đông Thiên theo ngài Hoàng Nhẫn tu học Phật pháp, cầu mong ngài ấn chứng cho sự khai ngộ của mình. Nhưng khi nghĩ đến mẹ già không người sớm hôm phụng dưỡng, ngài bỗng trở nên lo âu, lưỡng lự, không biết phải làm thế nào. Có lẽ do duyên lành đời trước, An Đạo Thành thấy Huệ Năng nghèo khổ không được đi học mà lại có tâm tha thiết mong cầu Phật Pháp bèn rất khảng khái móc ra mười lượng bạc giúp cho Huệ Năng làm lộ phí, lại còn hứa giúp Huệ Năng trong việc chăm sóc mẹ già. Huệ Năng nghe xong rất cảm động liền trở về nhà hỏi ý mẹ. Xếp đặt công việc chăm sóc cho mẹ xong, Huệ Năng bèn từ giã mẹ già lên đường cầu đạo.

¹ Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm: nghĩa là không nên chấp trước vào bất cứ chỗ nào, mà hiển hiện diệu tâm sinh ra vạn pháp.

Nhân vì tấm lòng tha thiết cầu đạo, Huệ Năng đã không quản đường xa xa xôi, tất tả trên non lợi suối, do đó chỉ trong vòng ba mươi ngày, ngài đã đến chùa Đông Thiên ở huyện Hoàng Mai. Khi Huệ Năng tìm vào chùa, vị sư tri khách dẫn ngài vào phương trượng ra mắt Ngũ tổ. Vừa thấy Huệ Năng, Tổ hỏi:

- Chú em là người xứ nào, đến đây làm gì?

Huệ Năng cung kính trả lời:

- Dạ, con là người xứ Lĩnh Nam, đất Tân Châu. Con đến đây chỉ muốn học làm Phật mà không có mục đích nào khác.

- Té ra chú em là dân man di ở vùng tây nam, sống như bọn mọi rợ, làm sao mà có thể giác ngộ thành Phật được?

Huệ Năng nghe xong liền thẳng thắn trả lời:

- Thưa Tổ! Người tuy có Nam, Bắc khác nhau, thế nhưng ai ai cũng có thể thành Phật. Phật tính nào có Nam, Bắc? Những kẻ hình dáng mọi rợ, tuy có khác với dung mạo tôn nghiêm của Ngài, thế nhưng Phật tính của họ so với Ngài đâu có gì khác!

Thực là một sự đối đáp bén nhọn, hợp lý hợp tình. Ngũ tổ trong tâm cảm thấy yêu thích, biết rằng Huệ Năng là kẻ có căn cơ lanh lợi. Tổ muốn kéo dài câu chuyện, nhưng thấy chung quanh có nhiều người, sợ họ nghe Huệ Năng đối đáp nhanh nhẩu lại sinh tâm đố kỵ, bèn bảo Huệ Năng không nên nói nhiều, kể đó kêu người dẫn Huệ Năng ra sau chùa làm công tác. Huệ Năng bèn thưa với Tổ:

- Tâm tính con vốn sáng suốt, thường sinh trí tuệ, biết rõ tất cả các pháp tức là tự tính của tâm. Do tâm tính



này mà thành tựu tất cả phúc điền. Không biết Tổ muốn con làm công việc gì?

Ngũ tổ tấm tắc khen ngợi:

- Chà, chú nhỏ này tâm tính lanh lợi dữ à!

Nhưng Tổ lại e sợ sẽ có nhiều người sinh lòng ganh ghét, bèn bảo Huệ Năng:

- Không cần nói thêm nữa. Đi xuống phòng giã gạo làm việc!

Huệ Năng bèn được người dẫn ra sau

chùa. Có một hành giả² giao phó cho Huệ Năng công việc bửa củi và đập cối giã gạo. Như vậy, thời gian thấm thoát cũng gần tám tháng.

Một hôm, Tổ ra sau chùa, thấy Huệ năng bèn nói:

- Ta thấy con là người trí tuệ, có cái nhìn khác thường không giống mọi người. Trong tương lai con có thể thành tựu, nhưng ta sợ có người sinh tâm ghen ghét tìm cách hại con, vì thế ta đã không nói chuyện với con nhiều. Con có hiểu như thế không?

Huệ Năng nói:

- Dạ thưa, con hiểu ý Tổ, vì thế con cũng không dám tùy tiện ra Pháp đường, tránh không cho kẻ khác sinh tâm nghi ngờ, bàn chuyện thị phi.

Tổ nói:

- Nếu vậy thì tốt. Mai mốt con sẽ có nhiều cơ hội đến nghe ta thuyết pháp. Hiện giờ con nên nhẫn nại một chút, không nên nghĩ nhiều. Có thể chỉ còn một thời gian ngắn nữa cơ duyên sẽ chín muồi.

- Dạ thưa, con biết!

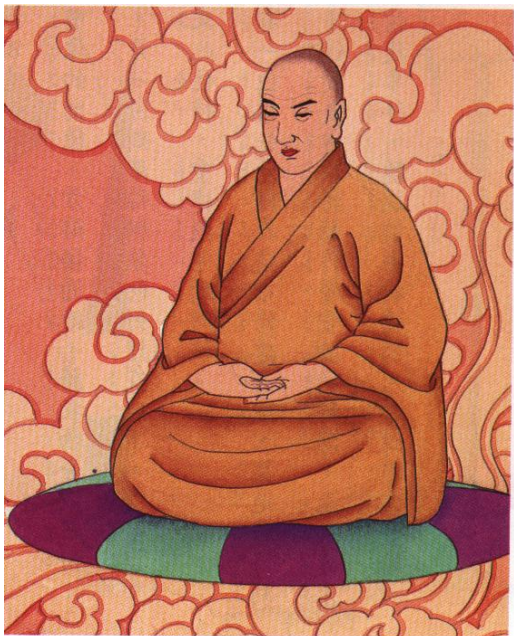
Ngũ tổ bèn trở về phòng của ngài. Từ đó Huệ năng càng trở nên trầm mặc ít nói, chuyên tâm vào công việc đập cối giã gạo của mình.

Ít lâu sau, Ngũ tổ biết cơ duyên đã đến, bèn tập hợp mọi người trong chùa lại. Ngài nói:

- Trên đời này, không có vấn đề nào quan trọng hơn là vấn đề sinh tử. Bất luận giàu nghèo, sang hèn, đẹp xấu, không kẻ nào có thể tránh khỏi vấn đề này. Nghiệp báo là do tự mình gây tạo, tự mình nhận chịu, không ai có thể thay thế cho mình được. Giả sử thân người này mất đi thì có thể trong trăm ngàn kiếp bị đọa vào ba đường ác. Máy ông cả ngày chỉ biết tham cầu quả báo hữu lậu³ trôi người mà không biết siêng năng tu tập trí tuệ, hầu có thể thoát khỏi biển khổ sinh tử. Các ông nên biết rằng, một khi hưởng hết phúc báo trời người thì vẫn có thể bị đọa vào đường ác. Nếu mê mờ tự tính thì dù phúc báo có lớn đến bao nhiêu cũng không cứu mấy ông được. Bây giờ các ông trở về

³ Phúc báo hữu lậu: tức là phúc báo thế gian, không những chỉ có giới hạn, mà còn là nguyên nhân cho sự tiếp tục của sinh tử luân hồi.

phòng, hồi tâm tự quán xét chính mình, khéo dùng trí tuệ sẵn có, mỗi người làm một bài kệ trình cho ta xem. Nếu như có người nào thực sự thấu triệt Phật pháp, ta sẽ đem y bát truyền từ Phật tổ đến nay, trao truyền cho người đó làm tổ đời thứ sáu của Thiền tông. Bây giờ các ông nên lập tức trở về phòng mình làm kệ, không được trễ nải. Nếu còn nghĩ ngợi lâu lã, chắc chắn không thể nào tức khắc thấy được⁴ bản tính của mình. Những người như thế không thể nào gọi là kẻ thấu triệt bản tính!



Sau khi nghe Ngũ Tổ dặn dò, mọi người trở về hậu liêu⁵, chạy đi báo cho người khác biết, bàn luận âm ỉ:

- Chúng ta chẳng nên làm kệ làm gì cho tốn công nhọc sức. Giả sử có nặn hết đầu óc ra làm kệ cũng chẳng ích gì! Thầy giáo thọ⁶ của chúng ta là Thượng tọa Thần

Tú, hiện giờ trong chùa không ai bằng ngài. Nếu y bát

không truyền cho Thượng tọa thì sẽ truyền cho ai bây giờ? Chúng ta nên biết thân phận của mình. Dù có mạo muội làm kệ, chẳng qua cũng chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Chi bằng tiết kiệm sức mình, bỏ qua đừng nghĩ đến chuyện đó nữa!

Mọi người nghe qua đều gật đầu tán thành, tất cả đều bỏ ý định làm kệ trình lên cho Tổ, sau đó cùng nhau phụ họa:

- Chúng ta cùng nhau nhất tâm nhất ý theo học với Thượng tọa Thần Tú, cần gì phải tranh nhau làm kệ cho khổ!

Thượng tọa Thần Tú là người họ Lý, vốn ở vùng Lạc Dương. Từ nhỏ ông đã đọc hết kinh sách của Nho, Lão, v.v..., và đã nổi tiếng là một bậc học vấn uyên bác. Đến khoảng năm mươi tuổi, ông bèn phát tâm xuất gia. Sau khi đến yết kiến Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, Thần Tú chính thức đánh lễ xin xuất gia làm đệ tử của ngài. Hiện nay ông đã được năm mươi sáu tuổi. Tại chùa Đông Thiền, ngoài Tổ Hoàng Nhẫn ra, Thần Tú là người có địa vị cao nhất. Thần Tú thân cao tám thước⁷, lông mày như mày rồng, cặp mắt rất đẹp, uy nghi siêu phàm, phẩm cách, học vấn cùng đạo hạnh đều thuộc hạng ưu tú. Hơn nữa, Thần Tú lại đem tinh thần tha thiết cầu đạo, cần cù khổ nhọc phụng sự cho chùa, do đó rất được Ngũ tổ kính mến. Ngũ tổ đã từng khen ngợi Thần Tú trước mặt mọi người:

- Phật pháp trong chùa Đông Sơn này hoàn toàn nằm trong tay Thần Tú.

⁷ Tám thước tàu dài độ chừng hơn hai thước tây.

⁴ Tức khắc thấy được: dịch từ chữ Hán "đương hạ tức kiến".

⁵ Hậu liêu: phòng ngũ của chư tăng phía sau chùa.

⁶ Thầy giáo thọ: là vị tăng chuyên môn phụ trách việc giảng dạy giáo lý cho chúng tăng trong chùa.

Biến cố làm kệ này đã đem đến cho Thần Tú một cảm tưởng là đang bị áp lực nặng nề. Thần Tú biết rõ là mọi người chỉ hòa nhau làm ồn ào, thực sự, không ai muốn làm kệ. Thần Tú nghĩ thầm:



- Mọi người đều không muốn làm kệ trình cho Tổ là vì mình là thầy giáo thọ của họ. Họ nghĩ rằng mình phải làm kệ trình Tổ là một điều đương nhiên, do đó họ nhân cơ hội này nhường cho mình. Làm sao cho hợp tình hợp lý đây? Nếu không làm kệ, chắc chắn Tổ không thể nào biết được kiến giải của mình sâu cạn thế

nào, vả lại mình cũng chẳng thể nào được Tổ ấn chứng.⁸ Nhưng nếu làm kệ, lại sợ người khác hiểu lầm, cho rằng mình tham ngôi vị tổ sư mà làm kệ. Nếu vậy, chẳng khác nào một kẻ phạm phụ tục tử lại mong tranh giành ngôi vị tổ sư?

Thần Tú suy đi nghĩ lại, lo tới lo lui, đến nỗi cơm nước không ăn, ban đêm lại trần trọc không ngủ được. Qua ít lâu, sau những cơn giằng vật tâm hồn, Thần Tú cuối cùng cũng làm xong một bài kệ. Thần Tú phân vân năm lần bảy lượt, muốn đem kệ trình cho Tổ xem, nhưng mỗi khi đến trước phòng của Tổ, lại có cảm giác hoảng hốt, tâm trạng bàng hoàng, mồ hôi chảy ra như tắm. Thần Tú thầm nghĩ:

- Nếu Tổ thấy bài kệ, giả sử Ngài không hài lòng thì mình phải làm sao?

Cứ như thế cả bốn ngày, Thần Tú đến phòng của Tổ lại quay trở lại, trước sau tổng cộng mười ba lần, mà cũng không dám trình kệ cho Tổ xem, trong tâm càng lúc càng bối rối.

Thần Tú suy đi nghĩ lại, rốt cuộc cũng tìm ra được một biện pháp tốt đẹp. Thần Tú nghĩ:

- Tốt nhất mình đem bài kệ này viết lên bức tường của hành lang. Đợi đến ngày mai, nếu Tổ đi qua chỗ đó, thế nào Ngài cũng thấy. Nếu Tổ khen bài kệ là hay, mình sẽ trình cho Tổ biết là mình viết. Còn nếu Ngài chê là dở, thì có lẽ mình nên âm thầm xuống núi là vừa. Chỉ nên tự trách mình tu học chưa đến nơi đến chốn, uổng phí công lao ở trong núi này mấy năm nay, thọ nhận sự cung kính lễ lạy của người khác. Như vậy cũng không bị mất mặt.

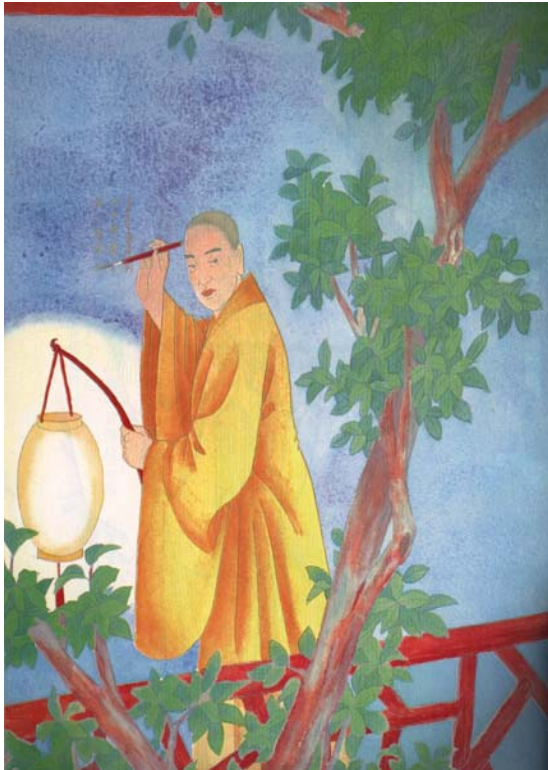
Suy nghĩ như vậy xong, buổi tối hôm đó vào canh ba, Thần Tú nhân mọi người đang ngủ say, bèn vội vàng xách đèn đến bức tường phía nam hành lang, hấp tấp viết bài kệ của mình lên tường:

Thân như cây Bồ đề

⁸ Ấn chứng: chứng nhận cho sự khai ngộ

Tâm như đài gương sáng
Thường thường siêng lau quét
Đừng để dính bụi trần.⁹

Viết xong, Thần Tú len lén trở về phòng không để ai



hay biết. Sau khi trở về phòng, Thần Tú lại tiếp tục ngẫm nghĩ:

- Sáng mai Tổ xem xong, nếu Ngài vui lòng thì mình là kẻ có duyên với Pháp. Còn nếu Tổ không hài lòng, thì chỉ nên trách mình phiền não nghiệp chướng quá nặng, chưa thể khai ngộ, chưa đạt được ý nghĩa chân thực của Phật pháp, âu

cũng là đáng kiếp! Mà thôi, cảnh giới của các bậc thánh chẳng phải là chỗ phàm phu có thể suy lường được.

⁹ Thân như Bồ đề thọ,
Tâm như minh kính đài,
Thời thời thường phát thức,
Vật sử nhạ trần ai.

Cứ vậy cả đêm, Thần Tú tâm hồn ray rức, nằm xuống cũng không yên, tới lui cũng không yên, chẳng hề chớp mắt cho đến khi trời sáng.

Thực sự, Ngũ tổ từ lâu đã biết là Thần Tú vẫn chưa vào đạo, chưa thể minh tâm kiến tính. Sáng hôm sau, khi sai người đi mời cư sĩ Lô Trân đến vẽ hai bức họa Lăng Già Kinh Biến Tướng và Ngũ Tổ Huyết Mạch Đò, Ngũ Tổ cùng Lô Trân đi đến bức tường của hành lang thì ngài phát giác là đã có người viết chữ trên đó. Tổ đến gần nhìn kỹ, té ra là một bài kệ, lúc đó trong tâm ngài đã biết rõ việc gì đang xảy ra. Tổ liền quay lại nói với Lô Trân:

- Kinh Kim Cương có nói: "Hễ có hình tướng đều là hư vọng". Hiện giờ trên tường đã có người viết sẵn bài kệ rồi. Như vậy hai bức họa Lăng Già Kinh Biến Tướng và Ngũ Tổ Huyết Mạch Đò cũng không còn cần phải vẽ nữa. Nên giữ lại bài kệ này cho mọi người cùng đọc tụng, tu hành. Nếu quả thực có người theo đây mà tu, ít ra họ cũng không bị đọa vào đường ác, hơn nữa lại được lợi ích vô cùng.

Nhân đó, Tổ bèn tụ tập tất cả mọi người trong chùa đến trước bức tường có viết bài kệ, bảo họ đốt hương cung kính lễ bái, cùng nhau tụng niệm bài kệ đó. Mọi người đều vâng lời, tiếng tụng niệm lan khắp trong chùa, ê a không dứt. Ngũ tổ lại dặn dò mọi người:

- Các ông cần phải siêng năng đọc tụng bài kệ này, dần dần sẽ có thể minh tâm kiến tính.¹⁰

¹⁰ Minh tâm kiến tính: Tâm địa sáng suốt, thấy được bản tính.



Nghe xong mọi người càng chuyên tâm trong việc đọc tụng. Trên bàn thờ đặt trước bài kệ, cả ngày khói hương nghi ngút. Hơn nữa, số người tò mò đến xem càng lúc càng đông. Mọi người đều khen ngợi bài kệ là tuyệt diệu. Ngũ tổ quay về phòng mình, trong bụng nghĩ thầm:

- Bài kệ này nhất định là do Thần Tú viết. Rất tiếc là

công phu chưa đến!

Nhân đó, nửa đêm Tổ bèn sai người đi gọi Thần Tú đến phòng mình. Tổ hỏi:

- Bài kệ trên tường là do ông viết phải không?

Thần Tú đáp:

- Dạ chính con viết bài kệ đó. Thế nhưng con không dám mơ ước việc thừa kế y bát. Chỉ cầu xin Tổ mở lòng từ bi, xem con có thấy được ý nghĩa Phật pháp hay chưa?

Tổ nói:

- Ông làm bài kệ này, có thể nói là đã đến ngạch cửa, nhưng vẫn chưa thấu được chân như bản tính. Giống như người đang mò mẫm trên mặt cửa, nhưng vẫn chưa tìm được chìa khóa để mở cửa vào nhà. Kiến giải như vậy mà

muốn cầu Vô thượng Bồ đề, e rằng chưa đủ trình độ. Người muốn được Vô thượng Bồ đề phải là kẻ khi nghe một lời, trong khoảnh khắc phải thấy rõ được bản tâm của mình, nhìn rõ tự tính không sinh không diệt của chính mình. Trong tất cả mọi lúc, niệm niệm đều phải thấy rõ tự tính, hiểu rõ rằng tự tính của các pháp vốn không chướng ngại, cũng không biến đổi, nghĩa là các pháp không rời chân như, như như bất động, không sinh không diệt. Cái tâm như như này, tức là xa lìa hai sự chấp trước: chấp ngã và chấp pháp. Nếu thấy được như vậy tức là thấy được Vô thượng Bồ đề. Bây giờ ông hãy trở về phòng, ta cho ông hai ngày để suy ngẫm, làm thêm một bài kệ đem lại cho ta xem. Nếu như kệ của ông thấy rõ được bản tính, ta sẽ đem y bát trao truyền cho ông.

Thần Tú lạy Tổ xong, bèn quay trở về phòng. Trải qua nhiều ngày, tâm trạng lúc nào cũng như người hoảng hốt. Chỉ thấy ông ta ngày thì ngồi lên ngồi xuống, đêm thì trằn qua trở lại. Thế thì làm sao làm được kệ gì mới?!



Hai ngày sau khi bài kệ được viết trên tường, có một sa di đi ngang qua phòng già gạo, vừa đi vừa lớn tiếng ngâm nga bài kệ. Huệ Năng nghe xong biết rằng kẻ làm bài kệ này chưa thấy được bản tính, do đó mới bước tới hỏi:

- Dạ, xin phép được hỏi chú, ai là người làm ra bài kệ này?

Sa di ngạc nhiên:

- Hả! Chùa mình xảy ra một sự kiện lớn lao như thế mà chú không biết? Bài kệ này do Thượng tọa Thần Tú, một bậc đạo cao đức trọng trong chùa làm ra. Mấy ngày trước, Tổ cho mọi người biết rằng không bao lâu nữa Ngài sẽ viên tịch, do đó Ngài nghĩ đến việc tìm người để trao truyền y bát làm Tổ thứ sáu. Tổ bảo mọi người làm kệ trình lên cho Ngài xem, nếu Ngài nhận thấy người nào đã thể ngộ được Phật pháp, Ngài sẽ đem y bát truyền cho người đó. Tổ đã xem qua bài kệ của Thượng tọa Thần Tú và đã tỏ ra rất hài lòng. Ngài bảo mọi người nên đọc tụng, và nói rằng nếu y theo đó mà tu hành sẽ khỏi bị đọa ba đường ác và được vô lượng lợi ích.

Huệ Năng nghe xong liền nói với chú sa di:

- Dạ thưa chú, Huệ Năng ở chỗ này làm việc giã gạo cũng đã hơn tám tháng, nhưng đến nay vẫn chưa biết Pháp đường ở đâu. Xin chú làm ơn dẫn đường cho Huệ Năng đến đó xem bài kệ, không biết chú có đồng ý không. Huệ Năng hy vọng cũng giống như các vị trong chùa này, được đọc tụng bài kệ, hầu kết chút duyên lành với Phật pháp trong đời sau.

Chú sa di nghe xong liền dẫn Huệ Năng đến trước bài kệ. Huệ Năng thành thực nói với chú sa di:

- Huệ Năng vốn thất học, không hiểu mặt chữ, xin phiền chú đọc bài kệ cho Huệ Năng nghe.

Lúc đó có một vị quan biệt giá¹¹ vùng Giang Châu tên Trương Nhật Dụng đứng bên cạnh nghe Huệ Năng nói xong bèn lớn tiếng đọc bài kệ. Huệ Năng nghe xong liền nói với Nhật Dụng:

- Tôi cũng có một bài kệ, xin quan lớn vui lòng viết dùm lên tường.



Trương Nhật Dụng tỏ vẻ không tin, có thái độ gần như khinh thị:

- Hả! Chú cũng biết làm kệ? Đây quả thực là một điều kỳ lạ!

Huệ Năng vẫn điềm nhiên như không có gì, nhã nhặn nói với ông ta:

- Nếu muốn được Vô thượng Bồ đề, điều trước nhất là không nên coi thường kẻ mới vào đạo. Trên đời này không có gì là tuyệt đối cả. Người giai cấp hạ tiện vẫn có thể có trí tuệ cao siêu, còn kẻ giai cấp cao quý vẫn có thể là

¹¹ Biệt giá: là một chức quan nhỏ, người mình gọi là thông phán.

kẻ không có trí tuệ. Nếu tùy tiện coi thường kẻ khác, e rằng sẽ gặt vô lượng tội báo trong đời sau!

Trương Nhật Dụng nghe xong liền đổi thái độ, không còn dám tỏ vẻ khinh mạn, vội vàng nói với Huệ Năng:

- Chú cứ nói hết ra, tôi sẽ viết dùm cho. Trong tương lai nếu chú khai ngộ, xin chú đừng quên độ cho tôi.

Huệ Năng liền đọc kệ:

Bồ đề vốn không cây
Gương sáng chẳng phải đài
Xưa nay không một vật
Chỗ nào dính trần ai.¹²

Trương Nhật Dụng vừa viết xong, nhìn kỹ lại, trong lòng cảm thấy vô cùng khâm phục. Những người đứng chung quanh đó tự nhiên cũng cảm thấy kinh ngạc, không ai mà không trầm trồ khen ngợi cho là kỳ đặc. Tin tức này lan truyền nhanh chóng. Mọi người kẻ đầu rể tai nói với nhau:

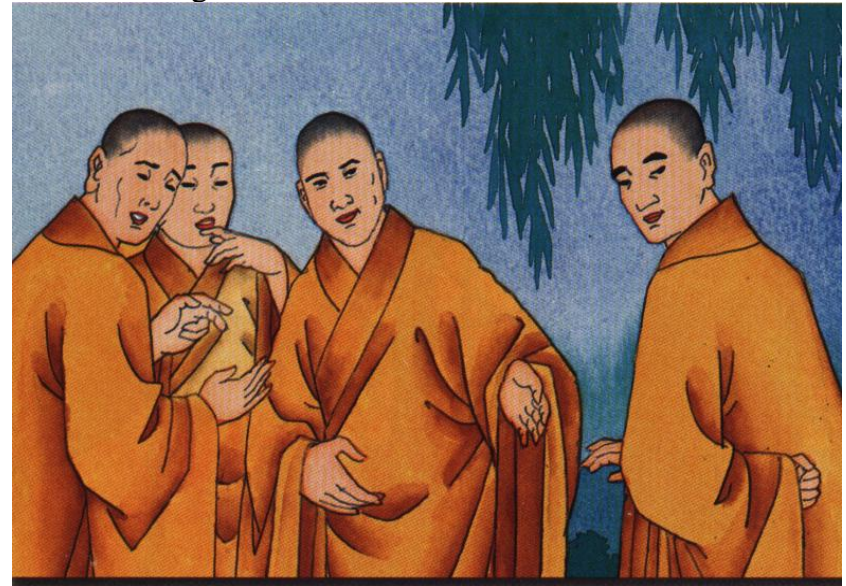
- Chà, hay quá sức tưởng tượng. Chẳng ngờ trong chùa Đông Sơn lại có thánh nhân ẩn nấp!

- Thật là không thể xem mặt mà bắt hình dung. Làm sao mới vừa không gặp mặt chỉ trong vài ngày mà hấn đã trở thành Nhục thân Bồ tát!

- Ngồi tổ đời thứ sáu không chừng sẽ thuộc về hấn!

¹² Bồ đề vốn vô thọ,
Minh kính diệc phi đài,
Bổn lai vô nhất vật,
Hà xứ nhạ trần ai.

- Thực là xui xẻo, Thượng tọa Thần Tú đã gặp đối thủ cao cường rồi!



Như thế, bài kệ của Huệ Năng được loan truyền nhanh chóng, chẳng bao lâu đã đến tai Ngũ tổ. Tổ nghe mọi người xôn xao bàn tán bèn đi ra đến chỗ bài kệ xem việc gì xảy ra. Đến nơi, Tổ ngược xem bài kệ vừa mới được viết lên tường, bỗng nhiên ngài cảm thấy trong lòng khơi dậy một chút xao động. Đầu tiên là một niềm vui, kế đến lại là một nỗi lo âu. Tổ vui là vì biết rằng Huệ năng là một kẻ phi phàm, hơn nữa, khi Tổ gặp mặt Huệ Năng lần đầu tiên táng thảng về trước, ngài đã biết rằng Huệ Năng là một kẻ đã khai ngộ, và Tổ cuối cùng đã tìm ra một người để truyền trao y bát. Thế nhưng, Tổ lại cảm thấy lo lắng, bài kệ của Huệ Năng rõ ràng là một sự trái ngược với bài kệ của Thần Tú, thế nhưng Huệ Năng không thể nào so sánh được với Thần Tú. Tất cả mọi người trong chùa đều công nhận Thần

Tú sẽ là kẻ được truyền y bát làm Tổ thứ sáu, còn Huệ Năng là một người không có một chút quyền thế nào hết, chỉ ở địa vị ti tiện của một kẻ già gạo trong chùa. Giả sử có người ghen ghét muốn hại Huệ Năng, điều này sẽ dễ dàng như trở bàn tay. Nếu như Tổ đem y bát truyền cho Huệ Năng, chắc chắn sẽ đưa đến nhiều sự tranh chấp trong chùa.



Tổ vừa nghĩ đến điều này, như được dẫn dắt bởi linh tính, ngài không một chút do dự, liền cầm một chiếc giầy đang mang, nói với mọi người chung quanh:

- Có gì mà mọi người phải âm ỉ như thế! Bài kệ này rất tầm thường, cũng chưa thấy được

tự tính, không đáng cho mọi người phải xôn xao như thế. Mọi người nên quay về phòng mình, y vào bài kệ của Thần Tú mà tu tập!

Tổ vừa nói vừa lấy gót giầy xóa bài kệ của Huệ Năng. Mọi người nghe Tổ nói như thế, ai cũng cho rằng bài kệ đó cũng chẳng có gì đáng quan tâm, cho nên tất cả đều im lặng quay về phòng mình mà không còn bàn tán xôn xao

nữa. Sau khi Tổ quay về phòng, ngẫm nghĩ đến bài kệ của Huệ Năng, Ngài bỗng cảm thấy rất vui vẻ trong lòng. Tổ nhớ là Huệ Năng đến chùa mới được tám tháng, hai người gặp nhau chỉ hai ba lần, nhưng từ dáng dấp và thái độ, Huệ Năng đã biểu lộ một trình độ tâm linh rất cao xa. Hơn nữa, sự lý giải về thiên định và Phật pháp của Huệ Năng làm cho Tổ cũng cảm thấy kinh ngạc. Nhân đó, Tổ quyết định đem y bát truyền giao cho Huệ Năng.

Hôm sau, vì không muốn ai biết nên Tổ bèn âm thầm đi đến phòng già gạo, thấy Huệ Năng đang bận giặt gạo, trên eo buộc đầy những viên đá nặng.¹³ Ngài bèn lên tiếng an ủi:

- Người tìm cầu đạo pháp, vì Phật pháp mà không màng đến sự gian khổ, giống như vầy chăng!

Huệ Năng nghe tiếng người bèn ngẩng đầu lên nhìn, vừa thấy Tổ, Huệ Năng vội vàng vái chào. Tổ thấy trong cối có gạo bèn hỏi Huệ Năng:

- Gạo già sạch chưa?

Huệ Năng đáp:

- Dạ, gạo đã sạch từ lâu, nhưng vẫn chưa có người sàng.

Tổ vừa nghe xong liền hiểu ý Huệ Năng muốn nói là mình đã khai ngộ, chỉ còn chờ một bậc thầy giỏi đến chỉ điểm mà thôi. Tổ thấy Huệ Năng đối đáp trôi chảy, hơn nữa ngài hiểu rõ nguyện vọng đang tha thiết tìm cầu một bậc minh sư¹⁴ của Huệ Năng. Tổ chẳng nói thêm lời nào,

¹³ Huệ Năng thân thể ốm yếu, không đủ sức nặng để đập cối, do đó phải mang thêm đá trên người để tăng thêm sức nặng.

¹⁴ Minh sư: là vị thầy sáng suốt.



liền đi đến bên cạnh cối giã gạo, lấy tích trượng gõ lên đó ba tiếng, kể đó quay trở về phòng.

Khoảng canh ba, Huệ Năng thức dậy, lần mò trong bóng đêm tìm đến phòng của Tổ. Huệ Năng thấy vẫn còn ánh đèn sáng trong phòng,

hình như Tổ đang đợi mình đến. Huệ Năng bước vào, chấp tay cúi lạy xong, bèn thưa với Tổ:

- Dạ thưa, Tổ gọi con đến lúc nửa đêm, không biết Ngài muốn chỉ bảo việc gì?

Tổ không trả lời, dẫn Huệ Năng vào phòng trong. Sau khi khóa cửa cẩn thận, Tổ vẫn còn sợ người khác trông thấy, bèn đem cà sa che ngang cửa sổ. Sau khi hai người ngồi yên, Tổ bèn nói với Huệ Năng:

- Ta biết căn tính của con không phải người tầm thường, nhưng trong chùa có nhiều thành phần phức tạp, ta sợ có người hại con nên mới sai con xuống làm ở phòng giã gạo.

Huệ Năng thưa với Tổ:

- Dạ thưa con hiểu điều này. Con rất cảm ơn Tổ đã tưởng nghĩ đến con, do đó mỗi ngày con đều tận tâm làm việc, không dám để người khác chú ý.

Tổ nói tiếp:

- Hình như con đã đọc qua Kinh Kim Cương?

Huệ Năng lắc đầu:

- Dạ chưa! Con sinh ra trong gia đình nghèo khổ, không có cơ hội đi học.

- Như vậy, bài kệ con viết đó ...?

Huệ năng hiểu ý Tổ định nói, liền tiếp lời:

- Dạ đúng, bài kệ đó là do con làm ra, nhưng con nhờ người khác viết dùm. Mấy tháng trước, con có nghe người khác tụng Kinh Kim Cương, lúc đó tâm hồn con tràn đầy một sự cảm động không thể tưởng tượng được. Do đó con mới quyết tâm tìm đến đây, hầu mong được nghe Tổ giảng kinh.

Tổ nghe xong, gật đầu khen ngợi:

- Giỏi lắm! Con quả thực là thông minh lanh lợi, lại có tâm tha thiết cầu pháp. Nếu vậy, con nên lắng nghe, ta sẽ giảng Kinh Kim Cương cho con nghe.

Nói xong, Tổ bèn đem Kinh Kim Cương giải thích cho Huệ Năng. Khi Tổ giảng đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm", ngay trong khoảnh khắc đó Huệ Năng hốt nhiên đại ngộ, thấy rõ được ý nghĩa chân thực là tất cả mọi vật đều không rời tự tính. Do đây, Huệ Năng liền thưa với Tổ:

- Chẳng ngờ tự tính xưa nay không sinh không diệt, không dơ không sạch, không thêm không bớt. Không ngờ tự



tính xưa nay vốn không biến động, mà lại có thể sinh ra tất cả các pháp, hoàn toàn không chướng ngại.

Đến đây, Tổ quyết chắc là Huệ Năng đã triệt ngộ bản tính, bèn nói:

- Đúng vậy, nếu không hiểu rõ tự tâm là chân Phật, không hiểu rõ tự tính là

chân Pháp, mà lại cho rằng có Phật ở ngoài tâm, có Pháp ở ngoài tính, nếu đem sự hiểu lầm về tâm tính này mà đi học Phật pháp, hoàn toàn không có lợi ích gì hết. Chỉ có kẻ nào nhận thức bản tâm mình, thấy rõ bản tính mình, mới đáng gọi là bậc đại trượng phu, mới có thể làm bậc thầy của trời người. Đây cũng chính là Phật!

Nói xong, Tổ bèn đem y bát ra, trịnh trọng nâng lên, nói với Huệ năng:

- Đức Thế Tôn trước khi nhập Niết Bàn đã đem Chính pháp giao phó cho Tôn giả Ca Diếp, Ca Diếp giao phó cho A Nan, A Nan lại giao phó cho Thương Na Hòa Tu, cứ như thế chuyển đến tay ta. Hôm nay ta quyết định giao

phó cho con, hy vọng là con sẽ khéo léo giữ gìn, lo việc hoàng dương Phật pháp, cứu độ chúng sinh, đừng cho đoạn tuyệt.

Huệ Năng ngẩng đầu lên nhìn Tổ, lòng bàng hoàng cảm động, không biết phải nói điều gì, chỉ vồn vện kêu lên vài tiếng:

- Thưa Tổ, con ...

Tổ đưa cặp mắt sáng rực nhìn Huệ Năng một cách chăm chú, kể đó ngài đọc bài kệ:

Trong ruộng chúng sinh gieo giống Phật
 Nhân duyên chín mươi sinh quả Phật
 Vô tình không có hạt giống Phật
 Không có tính Phật không sinh Phật.¹⁵

Chỉ thấy Huệ Năng gật đầu, đưa hai tay lên nâng y bát. Tổ nói tiếp:

- Bắt đầu từ hôm nay, con chính thức là Tổ thứ sáu của Thiên tông Đông độ,¹⁶ con có trách nhiệm phải khéo léo

¹⁵ Hữu tình lai hạ chủng,
 Nhân địa quả hoàn sinh,
 Vô tình diệp vô chủng,
 Vô tính diệp vô sinh.

Phật tính, nguyên nhân của sự thành Phật này, thực sự mỗi người đều có đủ. Nhưng kẻ phàm không hiểu rõ điều này, đều cho rằng phải dùng phương pháp này, phương pháp nọ để tìm cầu thì mới thành Phật, do đó mới đem cái tâm mong cầu này đi học tập Phật Pháp. Đương nhiên, sự chứng đắc của họ trong tương lai cũng chỉ là quả báo hữu lậu mà thôi. Thật ra, Phật tính của mỗi người đều đầy đủ, không có pháp nào ở ngoài tâm mà có thể tu thành Phật. Trong Phật tính không sinh không diệt, không có sự tham luyến tất cả cảnh giới, không sinh những vọng tưởng về thấy nghe hay biết, mà các pháp đều bình đẳng như hư không, không nhân, không quả, không tính, không sinh.

hộ trì Phật pháp, làm cho Pháp này đời đời truyền nối, không được đứt cho đoạn tuyệt!

- Dạ thưa Tổ, con xin ghi lòng tạc dạ, không dám quên lời.

Nhân vì sự truyền pháp diễn ra lúc giữa đêm cho nên cả chùa không ai hay biết. Truyền pháp xong, Tổ lại nói tiếp:

- Ngày xưa, khi Tổ sư Đạt Ma vừa đến Trung quốc, vì sợ người khác không tin vào Pháp cùng sự thừa kế, do đó mới truyền y bát của Phật để làm chứng minh cho sự truyền thừa của Phật và tổ. Thật sự, chân lý không có hình tướng, không thể truyền cho nhau được. Các vị tổ sư chẳng qua là dùng những phương tiện khéo léo đem tâm truyền tâm. Vật được truyền thọ chỉ là cái tự tính lý thể của mình. Điều bí mật mà các ngài giao phó cũng chỉ là vật mà xưa nay mọi người sẵn có, tức là kho tàng tự tính của chúng ta, chứ không phải y bát là những vật hình thức bên ngoài. Nhưng những kẻ phàm tục không thể thấy được cái kho tàng tự tính này, mà chỉ bo bo chấp vào hình tướng, do đó y bát này có thể trở thành sự tranh chấp. Từ đây về sau, y bát này không cần phải truyền cho đời sau nữa. Nếu mà còn tiếp tục truyền xuống, e rằng ngay cả tính mệnh của con cũng không được bảo đảm. Bây giờ con phải cấp tốc rời khỏi chỗ này để khỏi mang họa vào thân!

Huệ Năng phân vân:

- Dạ thưa, con phải đi về đâu bây giờ?

Tổ nói:

- Con có thể chèo thuyền rời khỏi chỗ này, đi về phương nam. Nếu đến vùng mà tên có chữ Hoài, thì có thể dừng bước, còn nếu đến vùng mà tên có chữ Hội thì phải nên ẩn dật.

Huệ Năng trả lời:

- Dạ thưa, con nhớ.

Huệ Năng lạy Tổ xong, bèn chuẩn bị quay trở về phòng. Tổ hỏi:

- Khoan đã, con định đi đâu vậy?

- Dạ thưa, con trở về phòng, đợi sáng mai lên đường.

- Không được! Nếu đợi sáng mai làm sao mà còn đi được? Con phải đi ngay bây giờ!

- Đi bây giờ? Thế nhưng con không rành đường. Sợ trong đêm tối sẽ bị lạc trong rừng núi!

Tổ nói:

- Chớ lo, ta sẽ đưa con đi một đoạn.

Nói xong, hai thầy trò trong đêm vắng vội vã xuống núi, đi một mạch về hướng bờ sông. Đến nơi cả hai cùng leo lên một chiếc thuyền nhỏ không chủ, Tổ bèn cầm chèo định đưa Huệ Năng qua sông. Huệ năng thấy vậy bèn nắm lấy mái chèo, vội vàng thưa với Tổ:

- Dạ thưa Tổ ngồi nghỉ, để con chèo thuyền đưa Tổ qua sông.

Tổ mỉm cười nói với Huệ Năng:

- Ta là thầy, con là trò, đáng lẽ ta nên đưa con qua sông mới đúng.

Trong khoảnh khắc, Huệ Năng hiểu rõ ý Tổ, bèn trả lời:

¹⁶ Đông độ: tức là Trung quốc.

- Dạ thưa Tổ, khi con còn mê muội đương nhiên là Tổ độ con, nhưng nay con đã khai ngộ, con phải tự độ chính mình.

Nghe nói xong, Tổ cảm thấy rất là hài lòng, ngài liền xuống thuyền nói với Huệ Năng:

- Nếu vậy ta đưa con đến đây, để con tự qua sông. Từ đây về sau, việc hoằng dương Phật pháp hoàn toàn trông cậy vào con. Con đi rồi, ba năm sau ta sẽ viên tịch. Bây giờ con phải đi nhanh về phương nam, sống ẩn dật ít nhất cũng từ mười đến mười lăm năm, chớ nên hấp tấp đi giảng kinh thuyết pháp. Đợi nhân duyên chín muồi rồi đi ra hoằng dương Phật pháp cũng không muộn. Điều này con nên nhớ rõ, đạo lớn của Thiền tông không lớn mạnh một cách dễ dàng được.

Tổ tiễn Huệ Năng xong liền trở về chùa, liên tiếp mấy ngày Tổ không lên Pháp đường giảng kinh. Mọi người trong chùa đều hoang mang không hiểu việc gì xảy ra, bèn cử người đại diện đến phòng Tổ thăm hỏi:

- Dạ thưa! Mấy hôm nay Tổ không lên Pháp đường giảng kinh, không hiểu Tổ có bệnh hoạn gì không, hay là chúng con có làm điều gì mà Tổ không vừa ý?

Tổ nói:

- Ta chẳng có bệnh hoạn gì cả, mà cũng chẳng buồn giận gì ai hết. Chỉ có điều là y bát đã được truyền về phương nam rồi.

Nghe xong, ai nấy đều hốt hãi, bèn thưa với Tổ:

- Dạ thưa, xin hỏi Tổ ai là người được truyền y bát?

Tổ nói:

- Kẻ có đủ khả năng được truyền y bát.¹⁷

Tin tức vừa loan ra, mọi người đều kinh ngạc trước biến cố vĩ đại này. Thượng tọa Thần Tú mới thật là kẻ đau khổ nhất, ông nghĩ thầm:

- Không ngờ mình lao khổ tu tập bao nhiêu năm như vậy, mà rốt cuộc cũng không được Tổ chấp nhận.

Ôm nỗi khổ đau ray rứt trong lòng, Thần Tú gom góp đồ đạc, sau khi từ biệt mọi người xong, bèn lặng lẽ xuống núi.

Hai sự kiện Ngũ tổ truyền Pháp y và Thần Tú bỏ chùa được nhanh chóng truyền đi khắp nơi, làm cho cả chùa nổi cơn sóng gió. Trong chùa có một vị họ Trần, pháp danh Huệ Minh, là người cảm thấy bất mãn cho sự thiệt thòi của Thần Tú nhiều nhất. Huệ Minh tỏ vẻ rất bất bình, bèn tụ tập một nhóm người chuẩn bị đi tìm đoạt y bát đem trở về chùa. Nhưng Tổ đã truyền y bát cho ai? Mọi người cùng nhau truy xét bèn phát giác là tên "mọi" phương nam làm trong phòng giã gạo đã biệt vô tăm tích từ lúc nào! Lúc đó mọi người quyết đoán là Huệ Năng đã đem y bát về phương nam.

Huệ Minh hàm hừ:

- Thực là đáng ghét, cái tên man di thất học đó lại dám ăn cắp y bát của Thiền tông trốn đi biệt tích. Chắc là hấn muốn làm tổ sư đời thứ sáu? Vậy mà lúc mới đến già vờ hiền từ, nói mình chỉ muốn học làm Phật, ngoài ra không có ý đồ gì khác. Thử xem, ta sẽ đi tìm bắt hấn đem về!

¹⁷ Câu chữ Hán đọc là: Năng giả đắc chi. (Năng giả có hai nghĩa: (1) Người có khả năng, (2) Người có tên Năng.)

Sau đó nhóm người do Huệ Minh cầm đầu ò ạt xuống núi, tìm về phương nam, đuổi bắt Huệ Năng.

Huệ Năng sau khi từ biệt Ngũ tổ, liền vội vã băng rừng lội suối đi về phương nam ngày đêm không nghỉ, trong vòng hai tháng đã đến Đại Dữu Lĩnh. Đây là vùng biên giới của Giang Tây và Quảng Đông. Nếu vượt qua rặng núi này là đến đất Lĩnh Nam, quê cũ của ngài. Do vì đường dài bôn ba, lại thêm nhiều ngày không nghỉ, Huệ Năng cảm thấy mệt mỏi bèn tạm ngồi nghỉ trên tảng đá bên đường. Chẳng ngờ, chưa được bao lâu, đã nghe có tiếng người dưới chân núi đang đuổi theo, ngài cúi xuống nhìn kỹ té ra là Huệ Minh chứ chẳng phải ai khác. Huệ Minh vốn là quan võ cấp bậc tứ phẩm, xuất gia chưa được bao lâu, tính tình vẫn còn rất thô bạo. Huệ Năng thấy ông ta hung hăng chạy lên, trong bụng nghĩ thầm:

- Phải làm thế nào bây giờ?

Ngài vội vàng quay nhìn bốn phía, chỉ thấy toàn là cỏ mọc rậm rì trên những tảng đá hình thù cổ quái, đúng là chỗ ẩn nấp an toàn. Huệ Năng vội vàng lao mình vào bụi rậm ẩn trốn, nhưng ngài lại không mang kịp y bát theo, bọc hành trang vẫn còn nằm nguyên trên tảng đá.

Chẳng bao lâu, Huệ Minh chạy đến, tuy không thấy bóng Huệ Năng, nhưng ông ta biết là ngài đang ẩn nấp gần đó, bèn há miệng định lên tiếng nhục mạ. Thốt nhiên, nhìn thấy y bát còn để trên tảng đá bên vệ đường, Huệ Minh mừng rỡ, vội vàng chạy đến chuẩn bị đoạt lấy đem về. Ô hay, lạ lùng thật! Bọc y bát hình như mọc rễ xuống đất. Huệ Minh gồng hết sức mình cũng không làm cho nó nhúc nhích

được, giống như nhấc lên tảng đá ngàn cân. Lúc đó, Huệ Minh trong lòng bắt đầu lo lắng. Ông ta nghĩ thầm:

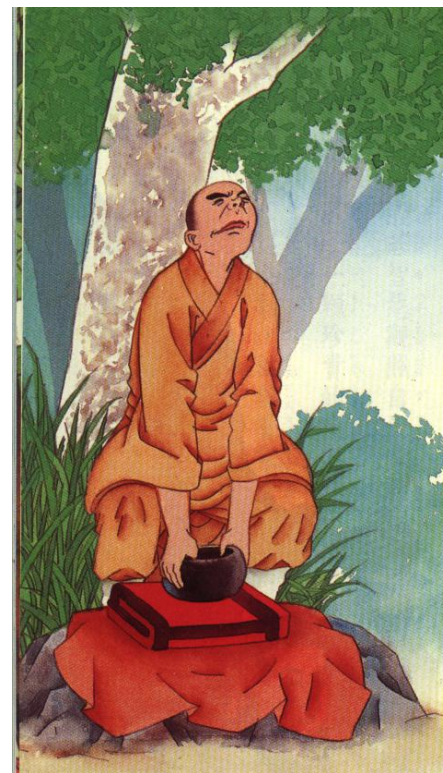
- Quả thực cái tên này được Ngũ tổ truyền y bát là đúng rồi. Nếu không, làm gì mà hắn có pháp lực cao cường như vậy!

Huệ Minh suy đi nghĩ lại, trong lòng càng lúc càng lo âu. Quay nhìn bốn bề, chỉ nghe thấy tiếng rì rào của cơn gió lạnh thổi qua triền núi.

Trên mặt đất, những chiếc lá khô bị gió xoắn, lượn đi lượn lại, tạo thành những âm thanh xào xạc. Lúc đó, Huệ Minh không biết phải làm sao, trong lòng tràn ngập niềm lo sợ. Ông biết rằng y bát này không phải là người nào cũng có thể giành được, bèn lớn tiếng kêu Huệ Năng:

- Hành giả! Hành giả! Làm ơn đến đây, tôi biết lỗi mình rồi! Vả lại, tôi cũng vì Pháp mà đến. Xin hành giả từ bi đến đây thuyết pháp!

Nghe Huệ Minh kêu la có vẻ thảm thiết, Huệ Năng bèn trong bụi rậm từ từ bước ra. Ngài nói với Huệ Minh:



- Y bát chỉ là một vật để làm tin, tại sao thầy lại muốn dùng vũ lực để tranh đoạt?

Huệ Minh tỏ vẻ ngượng nghịu:

- Dạ, dạ! Dạ mong hành giả từ bi nói Pháp cho Huệ Minh nghe.

Huệ Năng nói:

- Nếu như thầy thực tình vì pháp mà đến, như vậy trước tiên thầy phải xả bỏ cái tâm tranh đoạt, buông bỏ tất cả vọng tưởng, trong tâm không một niệm nào khác, tôi sẽ nói pháp cho thầy nghe.

Huệ Minh nghe xong bèn ngồi trầm lặng. Một lúc sau, Huệ Năng nói với ông ta:

- Không nghĩ thiện! Không nghĩ ác! Cái gì là bản lai diện mục của thầy? Cái gì là chân thực tự tính của thầy? Nói mau! Nói mau!

Huệ Minh thốt nhiên có cảm giác như nghe một tiếng sét ngang trời. Ông ta thấy rõ được chân như tự tính trong dáng dấp nguyên sơ của nó. Trong khoảnh khắc đó, Huệ Minh đại ngộ! Cái không phân biệt thiện ác, há chẳng phải là sự biểu hiện của Phật tính hay sao?

Huệ Minh trong lòng tràn ngập niềm cảm động, bèn nói với Huệ Năng:

- Dạ xin hỏi Ngài, ngoại trừ điều mà Ngài vừa nói đó, còn có điều bí mật nào khác mà Ngài có thể dạy Huệ Minh hay không?

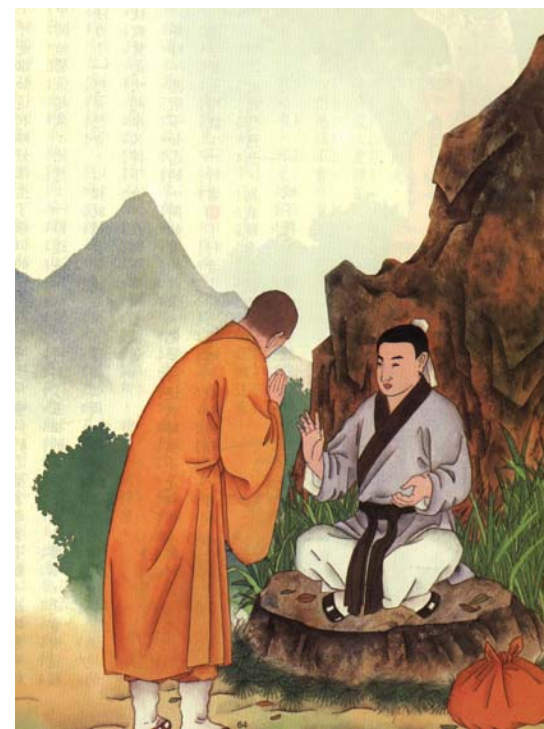
Huệ Năng nói:

- Những điều tôi vừa nói với thầy đã rõ ràng như thế, chứng tỏ là tôi không có dấu diếm điều gì hết. Nếu thầy có thể dùng trí tuệ Bát nhã soi rõ tự tính, thầy sẽ khám phá ra

cái chân lý ẩn tàng, xưa nay trong tâm mình vẫn đầy đủ. Cũng giống như trong đóa hoa sen có chứa hạt minh châu.

Huệ Minh nghe xong, cảm thấy mừng rỡ như một kẻ bần cùng vừa nhặt được một viên ngọc quý. Ông ta cảm động đến rơi nước mắt, nói với Huệ Năng:

- Huệ Minh tuy ở nơi Tổ Hoàng Mai cầu pháp nhiều năm mà cho đến nay vẫn chưa thấy được Phật pháp, không biết bản lai diện mục của mình. Hiện nay nhờ ơn của Ngài nên ngộ được tự tính. Từ trước đến nay, Huệ Minh chưa từng thấy được cái cảm giác khó hình dung như vậy, giống



như người khát uống nước, lạnh nóng tự mình biết. Từ hôm nay trở đi, Ngài là thầy của Huệ Minh.

Nói xong Huệ Minh chấp tay định bái tạ Huệ Năng. Thấy thế, Huệ Năng liền vội vàng đỡ ông ta dậy, ngài nói:

- Thầy và tôi là người đồng môn, việc gì mà phải chấp nhất ai là thầy ai là trò. Chỉ cần chúng ta tuân theo lời dạy của Tổ mà tu hành là tốt rồi.

Huệ Minh lại hỏi:

- Hôm nay Huệ Minh đã ngộ được Phật pháp, không biết phải đi về đâu để quảng độ chúng sinh?

- Thầy đến vùng mà tên có chữ Viên thì có thể tạm ngừng, đến vùng mà tên có chữ Mông thì có thể ở lại.

Huệ Năng ngừng một lúc lại nói:

- Mà này! Thầy xuống núi không nên nói cho ai biết chuyện này để khỏi phiền hà mai sau mà tự làm hại chính mình!

Huệ Minh từ biệt Huệ Năng xuống núi. Xuống đến chân núi Huệ Minh nói với những người trong nhóm vừa mới tìm đến:

- Tôi lên núi tìm cả buổi mà không thấy ai hết, chắc chắn không phải ở chỗ này. Tốt hơn, chúng ta nên theo hướng khác mà tìm.

Sau khi Huệ Minh đi rồi, Huệ năng bèn tiếp tục hành trình về đến Tào Khê.



Huệ Năng từ lúc trở về trú ẩn ở làng Tào Khê, đất Tiều Châu, sự kiện ngài được Tổ Hoàng Mai truyền y bát vẫn không ai hay biết. Có một thư sinh tên Lưu Chí Lược mới gặp Huệ Năng một lần mà đã cảm thấy thân thiết như

bạn lâu năm. Hai người bèn kết nghĩa làm anh em. Chí Lược có một người cô xuất gia làm ni, pháp danh Vô Tận Tạng, thường tụng Kinh Đại Niết Bàn. Vô Tận Tạng nghe cháu nói Huệ Năng là người tinh thông Phật pháp bèn cầm quyển kinh đến tìm Huệ Năng hỏi ý nghĩa. Huệ Năng nói:

- Tôi không biết mặt chữ, xin bà cứ hỏi ý nghĩa trong kinh, tôi sẽ trả lời.

Vô Tận Tạng tỏ vẻ nghi ngờ:

- Mặt chữ còn không biết, làm sao hiểu được ý nghĩa của kinh?

Huệ Năng trả lời:

- Nghĩa lý nhiệm màu của chư Phật đều có đủ trong tất cả các pháp. Tôi tuy không biết chữ, bà cứ đem kinh ra đọc. Tôi nghe qua rồi, tôi sẽ đọc được và sẽ hiểu được ý nghĩa của kinh.

Vô Tận Tạng nửa tin nửa ngờ, bèn đem quyển kinh ra lật từ trang đầu đến trang cuối. Một lúc sau tìm được một đoạn mà bà ấy không hiểu ý nghĩa bèn đọc cho Huệ Năng nghe. Quả thực, Huệ Năng vừa nghe qua liền có thể đọc lại không sai một chữ, mà lại còn giải thích tường tận ý nghĩa của kinh cho bà ấy nghe. Vô Tận Tạng nghe xong, cảm thấy vô cùng kính phục, không ngớt gật đầu khen ngợi:

- Thật đáng bội phục! Quả không hổ danh là học trò của Tổ Hoàng Mai!

Chẳng bao lâu, danh tiếng Huệ Năng truyền khắp trong làng. Mọi người đều đến yết kiến ngài, trong đó có cháu nhiều đời của Tào Tháo là Tào Thục Lương cũng tìm đến cầu Pháp. Sau khi ra mắt Huệ Năng, Thục Lương bèn ở lại cùng ngài đàm luận về những vấn đề nhân sinh vũ trụ.

Thục Lương dần dần đối với Huệ Năng sinh tâm cung kính, ngưỡng mộ, muốn tìm cơ hội báo đáp ân huệ của ngài. Cơ duyên đến thật đúng lúc! Phía trên làng Tào Khê có một ngôi chùa cổ tên Bảo Lâm, nhân vì bị chiến tranh tàn phá, đến nay đã trở thành hoang phế. Tào Thục Lương bèn tụ hợp mọi người trong làng, gom góp tiền bạc vật dụng trùng tu lại ngôi chùa, rồi mời Huệ Năng về đó trụ trì. Ở đây, Huệ Năng bắt đầu công việc hoàng pháp của mình. Thời gian thấm thoát đã qua chín tháng. Thế nhưng, trên đời này chẳng có hạnh phúc nào lâu dài cả. Nhóm người chùa Đông Thiên đi tìm đoạt y bát của Huệ Năng, dù trải qua ngàn dặm sơn khê, rốt cuộc cũng đã tìm đến! Bọn họ dự mưu là đuổi Huệ Năng từ phía trước núi ra đến sau núi, kế đó sẽ đốt rừng, bức bách Huệ Năng phải chạy ra mà túm bắt. Nhưng bọn họ không ngờ rằng Huệ Năng núp vào trong khe đá, may mắn thoát nạn.¹⁸ Nghe nói, hiện nay chỗ ấy có một tảng đá hình giống bò đoàn, trên đó có dấu vết Huệ Năng ngồi kiết già. In trên mặt đá là dấu vết của hai đầu gối, cùng dấu vết của những nếp áo của ngài!

Sáng hôm sau, Huệ Năng từ khe đá chun ra, nhìn về phía chùa Bảo Lâm đã bị thiêu rụi, ngài biết là không thể tiếp tục ở lại được nữa, bèn lần về phương nam. Khoảng ba bốn ngày sau, bất giác Huệ Năng đã đến chỗ giáp ranh của hai vùng Hoài Tập và Tứ Hội¹⁹. Ngài nhớ lại lời dặn dò của Tổ: "Gặp Hoài thì ngừng, gặp Hội thì ở", do đó, ngài bèn ẩn cư tại nơi này.

¹⁸ Sau trận cháy rừng, bọn ác ôn đó cho rằng ngài đã bị chết thiêu, nên đã cùng nhau bỏ đi. (Người dịch)

¹⁹ Hiện nay ở gần biên giới của Quảng Đông và Quảng Tây.



Từ đó, Huệ Năng sống lẫn trong đám thợ săn, giả trang làm nghề săn bắn. Mỗi khi có cơ hội, Huệ Năng thường giảng cho bọn thợ săn nghe về lòng từ bi đối với muôn loài. Bọn họ giao phó cho ngài công việc canh chừng bẫy thú, nhưng mỗi khi thấy có thú rừng lọt vào trong bẫy, ngài lại cảm thấy bất nhẫn

bèn mở bẫy để cho chúng chạy thoát, và do đó, ngài thường bị bọn họ mắng nhiếc và xử phạt. Vì làm nghề săn bắn nên thức ăn chính của bọn họ thường là thịt thú rừng. Huệ Năng trong mỗi bữa ăn, đều nhặt rau rừng, măng tre, v.v..., để vào trong một giỏ tre nhỏ, nhúng trong nồi thịt, nấu chín mà ăn. Nếu bọn họ có hỏi lý do thì ngài trả lời:

- Mỗi ngày tôi chỉ làm công tác nhàn hạ là trông chừng bẫy, chẳng tốn bao nhiêu sức lực, bởi vậy chỉ cần ăn rau cải cũng đủ rồi.

Cứ như thế, thời gian như "bóng câu qua cửa sổ", thấm thoát mà đã gần mười lăm năm. Một hôm, Huệ Năng nghĩ thầm:

- Đã đến lúc phải ra hoàng pháp, không còn có thể ẩn cư lâu được nữa!

Nhân đó, Huệ Năng bèn từ giã đám thợ săn, đi về hướng nam, đến thành phố Quảng Châu. Trước tiên ngài đến chùa Trang Nghiêm. Thấy trong chùa vắng vẻ, chỉ có vài vị tăng, Huệ Năng bèn hỏi thăm lý do thì biết là mọi người đã đến chùa Pháp Tính để nghe pháp sư Ấn Tông giảng Kinh Đại Bát Niết Bàn.

Nghe thế, Huệ Năng bèn hỏi đường đến chùa Pháp Tính. Đến nơi, trông thấy mọi người tụ họp trong Pháp đường, đông đảo không có chỗ chen chân, Huệ Năng bèn len vào đám đông, khó khăn lắm mới tìm được một chỗ đứng ngoài hành lang. Pháp sư Ấn Tông đang ngồi trên pháp tòa, giảng giải ý nghĩa thâm sâu của Kinh Niết Bàn. Ông nói:

- Mọi vật trên thế gian đều do nhân duyên hòa hợp mà sinh ra. Xin hỏi các vị, như vậy là trước phải có nhân, rồi sau mới có duyên? Hay là trước phải có duyên, rồi sau mới có nhân?

Vừa nói đến đó, thốt nhiên có một cơn gió lớn thổi qua làm cho tấm tràng phan treo trước cửa chùa phất phơ lay động. Ấn Tông thấy sự việc xảy ra như vậy, bèn hỏi mọi người:

- Các vị có vừa thấy tràng phan lay động không? Xin hỏi các vị, tràng phan tự nó lay động, hay là có vật gì làm cho nó lay động?

Trong đám đông có người đứng dậy trả lời:

- Tràng phan không thể tự nó lay động mà do gió thổi làm nó lay động.

Vừa nói xong, liền có người khác đứng dậy phản đối:

- Không đúng, chắc chắn là tràng phan tự nó lay động, vì cái tính động đã ở sẵn trong tràng phan, mà không ở trong luồng gió.

Cứ thế, hai người chẳng ai nhường ai, lời qua tiếng lại làm âm ỹ cả lên. Pháp sư Ấn Tông ngồi trên giảng tòa chẳng biết phải làm sao, vì cả hai bên ai cũng có lý cả. Hơn nữa, pháp sư đối với vấn đề này cũng chưa có lời giải vững chắc.



Bất chợt, từ góc ngoài Pháp đường có một âm thanh sang sảng vang lên:

- Không phải gió đang lay động, không phải tràng phan đang lay động, mà chính là tâm hai vị đang lay động!

Nghe Huệ Năng nói một câu vừa đơn giản vừa rõ ràng, mọi người trong Pháp đường đang ồn ào âm ỹ liền trở nên im thin thít. Tất cả đều quay đầu tìm xem ai là người vừa nói câu đó, thấy Huệ Năng trong bộ quần áo dân quê lam lũ, đáng đáp tầm thường,

mọi người đều chung hứng, nửa tin nửa ngờ. Chỉ có Pháp sư Ấn Tông là người thấy rõ hơn ai hết, ông ta kè tai nói nhỏ với thị giả:

- Đợi cho ta giảng kinh xong. Bây giờ ông nên đi mời vị cư sĩ đang đứng cạnh góc tường ngoài hành lang đến phòng ta chờ một chút.

Ấn Tông nói xong, bèn kết thúc buổi giảng kinh, yêu cầu mọi người trở về suy ngẫm vấn đề đang được thảo luận vừa rồi. Ấn Tông quay về phòng, mời Huệ Năng an tọa xong, kể đến hỏi ngài về những ý nghĩa thâm sâu của Phật pháp. Huệ Năng trả lời suông sẻ, ý nghĩa sâu xa, hợp tình hợp lý, mà lại ít dùng chữ nghĩa trong kinh luận. Điều này làm cho Ấn Tông vừa kinh ngạc vừa kính phục. Ông ta biết người đang đối diện mình không phải là một nhân vật tầm thường, bèn hỏi:

- Hành giả chắc chắn không phải là một kẻ tầm thường. Từ lâu tôi có nghe rằng y bát của Tổ Hoàng Nhẫn đã được truyền về phương nam, chẳng biết có phải là hành giả hay không?

Huệ năng trả lời:

- Dạ, kẻ tầm quý này không dám.²⁰

Ấn Tông nghe nói, biết Huệ Năng là người được truyền y bát, ông bèn phá lệ, vội vàng quỳ xuống làm lễ ra mắt²¹, kể đó thỉnh cầu Huệ Năng đem y bát ra cho mọi người chiêm ngưỡng lễ lạy. Ấn Tông hỏi Huệ Năng:

²⁰ Tầm quý: Hổ thẹn, cảm thấy không xứng đáng. Đây là lời nói khiêm nhường.

²¹ Theo giới luật, các bậc xuất gia không được lễ lạy người tại gia, dù đó là cha mẹ mình, nhưng Huệ Năng là kẻ được truyền y bát, trên

- Ngũ tổ Hoàng Nhẫn lúc đem y bát truyền cho Ngài, Tổ còn có dặn dò gì thêm nữa không, như vấn đề thiền định giải thoát chẳng hạn?

- Tổ chẳng có dặn dò điều gì đặc biệt cả!

Ấn Tông tỏ vẻ nghi ngờ:

- Thế à! Làm sao có thể như thế được?

Huệ Năng thấy Ấn Tông không hiểu ý mình, liền nói tiếp:

- Chẳng qua, Tổ chỉ nói đến ý nghĩa "kiến tính thành Phật", còn như vấn đề thiền định giải thoát, Tổ chưa đề cập đến.

Ấn Tông vẫn chưa hiểu rõ, bèn tiếp tục hỏi:

- Kẻ tu hành tọa thiền, do công phu của thiền định mà được giải thoát. Đây là sự kiện mà mọi người đều biết đến, tại sao Ngũ tổ lại không đề cập đến vấn đề này?

Huệ Năng trả lời:

- Phật pháp là pháp bất nhị²², còn sự tu thiền định cầu giải thoát đã bao hàm hai pháp: một là kẻ muốn cầu sự giải thoát, hai là pháp đem đến sự giải thoát. Đây không phải là chỗ cứu cánh của Phật pháp, cho nên Tổ không nói đến.

Ấn Tông lại hỏi:

cương vị ngài đã là một vị tổ sư của một tông phái, thành thử Ấn Tông mới đánh lễ ra mắt.

²² Pháp Bất nhị: Chư pháp thực tướng như như bình đẳng, không có phân biệt, cho nên gọi là bất nhị. Kiến tính tức là thiền định giải thoát. Thiền định giải thoát đều ở trong kiến tính. Phân ra thì là ba (kiến tính, thiền định, giải thoát), hợp lại thì là một. Nếu chỉ nói giải thoát thiền định mà không nói đến kiến tính, thì có hai pháp. Còn chỉ nói đến kiến tính mà không nói đến thiền định giải thoát thì là pháp bất nhị.

- Nếu vậy, như thế nào mới gọi là pháp môn bất nhị trong Phật pháp?



Huệ
Năng nói:

-
Pháp sư
mỗi ngày
đều giảng
Kinh Niết
Bàn, chắc
cũng biết
rằng "sự
thấy rõ
Phật tính"
tức là pháp
bất nhị.

Mọi người xưa nay đều vốn đầy đủ Phật tính, và Phật tính này cũng không vì chúng sinh tạo nghiệp mà tăng thêm hoặc giảm bớt. Như trong Kinh Niết Bàn, Bồ tát Cao Quý Đức Vương đã từng hỏi Phật: "Bạch đức Thế Tôn, những kẻ phạm bốn giới trọng²³, hoặc những kẻ tạo năm tội nghịch²⁴, cùng những kẻ nhất xiển đề²⁵, bọn họ có phải vì tạo ác nghiệp mà làm thiện căn Phật tính đoạn tuyệt hay không?" Phật đáp: "Thiện căn có thể phân làm hai loại:

²³ Bốn giới trọng: tức là giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối.

²⁴ Năm tội nghịch: tức là giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm thân Phật chảy máu (hoặc phá hủy tượng Phật) và phá hòa hợp tăng.

²⁵ Nhất xiển đề: tức là kẻ không tin lời dạy của chư Phật, thiện căn hoàn toàn bị đoạn diệt.

thường và vô thường. Nhưng Phật tính không phải thường, cũng không phải vô thường, cho nên không bị đoạn tuyệt, đây gọi là pháp môn bất nhị. Lại nữa, có thể đem sự vật phân thành thiện và bất thiện, đây là hai pháp. Thế nhưng Phật tính không phải thiện, cũng không phải bất thiện, không có phân biệt thiện ác, đây là pháp môn bất nhị". Các vật trên thế gian bị người đời phân chia thành muôn sự muôn vật, như đẹp, xấu, hay, dở, ... Đối với cái nhìn của người phàm thì có hai sự khác biệt, nhưng người trí tuệ hiểu rõ Phật pháp, biết tất cả đều do nhân duyên sinh ra, đều không có tự tính, cho nên họ không có sự phân biệt. Cái chân tính không phân biệt này chính là Phật tính!

Huệ Năng giảng giải những điều mà Ấn Tông mới đề cập đến trong buổi giảng kinh vừa rồi, chẳng khác nào như chính ngài đang ở trên giảng tòa giảng cho mọi người nghe. Đến đây, Ấn Tông đối Huệ Năng hoàn toàn kính phục, trong lòng ông tràn ngập một niềm vui chưa từng có, bèn chắp tay cung kính khen ngợi Huệ Năng:

- Chúng tôi giảng kinh chẳng khác nào đá sỏi không có giá trị, còn Ngài giảng kinh thì giống như vàng ròng quý báu!

Nhân vì Huệ Năng vẫn chưa chính thức xuất gia, cho nên Ấn Tông bèn chọn ngày chuẩn bị làm lễ xuất gia cho ngài. Ngày mười lăm tháng giêng năm Nghi Phụng thứ nhất (TL 676), Pháp sư Ấn Tông chính thức làm lễ xuống tóc cho Huệ Năng, và xin lạy ngài làm thầy. Ngày tám tháng hai năm đó, Ấn Tông mời nhiều vị cao tăng đến làm



lễ truyền giới. Trong buổi lễ truyền giới, ngài Luật sư²⁶ Tuệ Tịnh ở chùa Linh Quang, đất Tô Châu, làm Yết ma A xà lê²⁷, tuyên bố nhân duyên xuất gia của Huệ Năng. Ngài Luật sư Trí Quang ở chùa Tổng Trì làm Hòa thượng Đàn đầu. Ngài Luật sư Thông Ứng ở chùa Thiên Hoàng, đất

Kinh Châu, làm Giáo thọ A xà lê. Ngài Luật sư Kỳ Đa La, người Trung Ấn Độ, làm Tuyên luật sư, và ngài Mật Đa Tam Tạng, người Tây Ấn Độ, làm Tôn chứng sư.

Tại đây, nơi mà ngài Pháp sư Trí Dược đã trồng cây Bồ đề, và ngài Pháp sư Cầu Na Bạt Đà đã từng lập giới đàn,

²⁶ Luật sư: Trong Phật pháp, các vị tỳ kheo, một cách khái quát, có thể phân làm ba loại: pháp sư (chuyên môn nghiên cứu kinh tạng), luật sư (chuyên môn nghiên cứu luật tạng) và luận sư (chuyên môn nghiên cứu luận tạng). Còn các vị thông suốt cả ba tạng kinh, luật, luận thì được tôn xưng là Tam tạng pháp sư.

²⁷ Yết ma: yết ma là tiếng Phạn, tiếng Hán dịch là tác nghiệp, tức là một nghi thức tuyên cáo làm các sự việc như sám hối, thọ giới, v.v...

Huệ Năng đã chính thức thọ giới cụ túc.²⁸ Điều này ứng nghiệm với lời tiên đoán hơn một trăm năm về trước của hai ngài Trí Dược và Cầu Na Bạt Đà.²⁹

Sau khi thọ giới hai tháng, tại chùa Pháp Tính, Lục tổ Huệ Năng nối tiếp Tứ tổ Đạo Tín, Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, chính thức khai thị pháp môn thiền Đông Sơn.

Mùa xuân năm Phụng Nghi thứ hai (677), Lục tổ rời chùa Pháp Tính, chuẩn bị trở về chùa Bảo Lâm. Hôm tiễn biệt, có hơn một ngàn người xuất gia, tại gia cùng nhau rầm rộ đưa Lục tổ về Tào Khê. Ngài Luật sư Thông Ứng cùng hơn một trăm đệ tử cũng theo Tổ về Tào Khê tu học.

Sau khi về đến chùa Bảo Lâm, Lục tổ cảm thấy cảnh chùa quá chật hẹp, không đủ dung chứa số người đến cầu học đông đảo như thế bèn nghĩ cách mở rộng cảnh chùa. Nhưng vì chung quanh đều là đất của người khác, nên Lục tổ không còn cách nào hơn là đi tìm người chủ đất tên Trần Á Tiên thương lượng về vấn đề này. Vị chủ đất này tính

²⁸ Giới cụ túc: Giới luật của tỳ khưu, tỳ khưu ni là phương tiện đầy đủ có thể đưa đến Niết Bàn, cho nên gọi là cụ túc.

²⁹ Chùa Pháp Tính ở phía tây bắc thành phố Quảng Châu. Đời Lưu Tống, có ngài Tam tạng Pháp sư Cầu Na Bạt Đà La đến trụ tại chùa. Ngài xây một pháp đàn, và dựng bia với lời dự đoán: "Đời sau sẽ có một vị nhục thân Bồ tát thọ giới cụ túc ở đây". Đời Lương Vũ Đế, lại có ngài Tam tạng Pháp sư Ấn độ tên Trí Dược cũng đến nơi này, tự tay trồng một cây Bồ đề, đồng thời dựng bia, và tiên đoán: "Sau này một trăm bảy mươi năm sẽ có một vị nhục thân Bồ tát ở dưới cây Bồ đề này khai diễn Phật pháp Đại thừa, cứu độ vô lượng chúng sinh". Sau đó ngài Trí Dược đến Tào Khê bảo dân làng xây chùa Bảo Lâm, v.v...

tình rất tử tế và ngay thẳng, vừa nghe Lục tổ đến tìm mình xin đất, ông ta liền hỏi ngài muốn cần bao nhiêu đất mới đủ.

Lục tổ nói:

- Tôi chỉ cần một khoảnh đất lớn như tấm tọa cụ này là đủ, không biết thí chủ có vui lòng bố thí hay không?

Á Tiên liền hỏi:

- Dạ thưa, không biết tấm tọa cụ của Tổ bao lớn?



Lục tổ bèn đem tấm tọa cụ ra cho Á Tiên xem, ngài nói:

- Không lớn bao nhiêu cả. Chỗ mà tôi muốn chỉ lớn bằng tấm tọa cụ này, đủ chỗ cho tôi ngồi thiền hai buổi sớm chiều mà thôi.

Á tiên nghe nói, không thể nhịn cười được, bèn lớn tiếng cười ha hả. Ông ta cảm thấy

rất hứng thú, bèn trả lời:

- Dạ không sao, tùy ý Tổ chọn lựa khoảnh đất mà Ngài vừa ý!

Nghe xong, Lục tổ bèn dẫn Á Tiên đến đỉnh đồi cao nhất trong vùng Tào Khê. Chỉ thấy Lục tổ mở tấm tọa cụ ra ném lên không trung. Lạ thay! Tấm tọa cụ nhỏ như vậy, càng lúc càng trở thành to lớn giống như quả bóng được bơm hơi, chẳng mấy chốc đã bao trùm hết vùng Tào Khê. Hơn nữa, lại thấy bốn vị Thiên vương đứng hầu ở bốn góc.

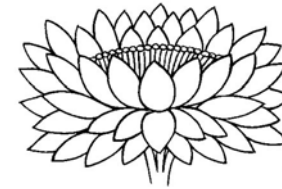
Á Tiên thấy được thần thông của Lục tổ như thế, biết Tổ là một bậc chân tu thực chứng, chứ không phải là kẻ tầm thường, bèn nói với ngài:

- Dạ thưa Tổ, con đã thấy rõ pháp lực của Ngài thực là vô biên. Thế nhưng mờ mả của tổ tiên đều ở chỗ này. Con xin giữ lại ít đất hương hỏa, còn bao nhiêu xin nguyện cúng dường cho Ngài hết.

Lục tổ nói:

- Tốt lắm, tốt lắm! Đó là sự đương nhiên.

Sau đó, Lục tổ đi xem xét khắp vùng, nơi nào phong cảnh thanh tú ngài đều lập một cảnh chùa. Trước sau, ngài lập được mười ba cảnh chùa như thế.



Trước chùa Bảo Lâm có một hồ nước trong vắt. Có một con rồng sống dưới đáy hồ, thường thường hiện lên quấy phá. Mỗi lần xuất hiện, rồng thường thổi gió lớn,

khiến cho mặt hồ nổi sóng như gặp cơn bão dữ. Mọi người trong chùa đều sợ hãi, không ai dám đến gần bờ hồ.



Một hôm lúc rờng đang xuất hiện, Lục tổ bèn ra bờ hồ rầy máng:

- Mây là đồ côn trùng nhỏ nhít mà cũng dám đến đây tác yêu tác quái. Mây chỉ biết hiện thân lớn để dọa người khác, mà không biết hiện thân nhỏ để làm việc thiện. Nếu mây thực sự cao cường thì có thể biến nhỏ biến lớn. Mây hãy thử biến nhỏ cho ta xem. Nếu được mới gọi là rờng thần.

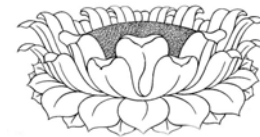
Vừa nghe xong, rờng liền biến mất. Chẳng bao lâu trên mặt nước yên lặng

xuất hiện một con rắn nhỏ như sợi dây bện bằng cỏ bơi về phía Lục tổ. Ngài bèn đem bình bát ra, cúi xuống bên bờ hồ, nói với rờng:

- Biến nhỏ biến lớn cũng chưa kỳ lạ, mà y có đủ can đảm nhảy vào trong bình bát của ta hay không?

Rờng nghe Lục tổ thách thức bèn bơi đến trước mặt ngài, nhảy ngay vào trong bình bát không chút do dự. Lúc đó Lục tổ thổi phào một tiếng, mang bình bát quay trở về chính điện, vẻ mặt tươi cười rạng rỡ. Rờng nằm trong bình bát cảm thấy rất hoang mang, vùng vẫy tìm cách thoát ra, nhưng làm cách nào cũng vô ích. Nó không biết phải làm sao, bèn nằm yên lặng, không còn dám cựa quậy. Lục tổ bèn lên tòa thuyết pháp cho rờng nghe. Nghe xong, rờng liền thoát hóa³⁰, biến thành một cụm khói xanh bay đi, chỉ để lại một bộ xương rờng dài độ bảy tấc. Về sau, vì muốn kỷ niệm, người trong chùa lấp hồ lại cho bằng, và xây một cái tháp sắt nhỏ để thờ bộ xương rờng này.

Lục tổ trở về chùa Bảo Lâm chưa bao lâu, danh tiếng của ngài đã được truyền lan khắp nơi, và điều này đã làm cho thánh địa của Thiên tông càng lúc càng trở nên hưng thịnh.



Vào đời Đường, Tào Khê thuộc về đất Tiều Châu, huyện Khúc Giang. Lúc đó quan thứ sử Tiều Châu tên Vĩ Cừ là một Phật tử thuần thành. Nghe tin y bát của Thiên tông đã được truyền về phương nam, lại nghe người kế thừa y bát là Lục tổ Huệ Năng đang trụ trì chùa Bảo Lâm ở Tào Khê, Vĩ Cừ cảm thấy rất hoan hỷ. Đây quả là cơ hội

³⁰ Thoát hoá: Cởi lột, biến thành vật khác.

hiếm có, do đó ông ta bèn hướng dẫn một nhóm quan lại đến chùa Bảo Lâm, thỉnh Lục tổ đến chùa Đại Phạm ở thành phố Khúc Giang khai thị Phật pháp cho nhân dân vùng đó. Sau khi nhận lời mời của Vĩ Cừ, Lục tổ đã đến chùa Đại Phạm. Tại đây ngài lên tòa thuyết pháp. Mở đầu ngài nói đến gia thế của mình, về chuyện mình đã đi cầu pháp ở Tổ Hoàng Mai, sự thừa kế y bát, cùng sự kiện sau khi được truyền y bát, ngài đã trải qua bao nhiêu sự gian nan khốn khổ. Ngài nói rằng trước khi ngài đến chùa Pháp Tính, sinh mệnh của ngài bị đe dọa bởi sự nguy hiểm, cũng giống như chỉ mảnh treo chuông, không biết sẽ bị đứt lúc nào.

Kế đó Lục tổ nói:

- Hôm nay tôi có cơ hội được cùng các vị ngồi nơi đây đều là do pháp duyên lành mà chúng ta đã cùng nhau gây tạo trong nhiều đời, đó là phước báo của mọi người đã nhiều đời trong quá khứ cúng dường Phật, vun trồng thiện căn. Do nhân duyên này mà các vị ngày hôm nay mới có cơ hội đến đây nghe được pháp môn truyền tâm đốn giáo này. Pháp môn này là do các bậc thánh nhân xưa đã đời đời truyền lại cho đến ngày hôm nay, chứ không phải do Huệ Năng tự đặt ra. Nguyên rằng mọi người sau khi nghe pháp môn đốn giáo này, đều có thể khiến tâm thanh tịnh, dẹp trừ sự nghi ngờ. Dùng tự tính Bồ đề này đều có thể thành Phật.

Đại chúng nghe Lục tổ giảng xong, mọi người đều cảm thấy hoan hỉ, bèn lễ tạ mà lui ra.



Ngày hôm sau, thứ sử Vĩ Cừ thỉnh Lục tổ giảng thêm, Lục tổ bèn lên tòa nói với mọi người:

- Trước hết, các vị nên đem tâm thanh tịnh, cùng nhau niệm Ma ha Bát nhã ba la mật đa.

Kế đó ngài nói tiếp:

- Các vị thiện tri thức, tất cả chúng sinh xưa nay vốn có đủ trí tuệ giác ngộ. Chỉ vì tâm địa bị mê hoặc, cho nên không cách nào tự mình giác ngộ, mà phải nhờ vào sự giúp đỡ của các vị thiện tri thức. Phải biết rằng Phật tính của kẻ ngu si cùng người trí tuệ không có gì khác biệt. Bây giờ tôi sẽ vì các vị giảng pháp Ma ha Bát nhã ba la mật này, các vị nên chú tâm nghe tôi nói.

Các vị thiện tri thức, người thế gian tuy cả ngày miệng niệm "Bát nhã, Bát nhã", nhưng bọn họ không biết rằng Phật tính của mình đã có sẵn Bát nhã. Đây cũng giống như có nhiều người không chịu ăn, dù cả ngày nói tên những món sơn hào mỹ vị, cũng chẳng làm cho bọn họ no bụng được. Học Phật cũng vậy, nếu cả ngày cứ nói lý thuyết mà không chịu khó tu hành thì có nói đến trăm ngàn vạn năm cũng không cách nào thấy được tự tính của mình. Điều này không giúp ích được gì cho mình cả!

Kế đến Tổ giải thích ý nghĩa của chữ "Ma ha Bát nhã ba la mật":

- Các vị thiện tri thức, Ma ha Bát nhã ba la mật là tiếng Ấn Độ, tiếng Đường³¹ dịch là Đại trí tuệ đáo bỉ ngạn³². Học tập Phật pháp phải chân thực buông xả sự trói buộc thế gian, nhìn thấu sự vật mới được, không phải chỉ là dùng miệng tụng niệm mà thôi. Nếu chỉ dùng miệng tụng mà không đem trí tuệ Bát nhã ra tu hành thì vẫn còn là kẻ đầy dẫy những vọng tưởng vô minh. Nếu học Phật như thế, chắc chắn là sẽ không đem đến hiệu quả nào hết. Cũng giống như sương mai buổi sớm, điện xẹt ngang trời, chỉ xuất hiện hoặc có mặt trong chốc lát rồi biến mất không còn gì. Trái lại, nếu miệng và tâm có thể hợp nhất, trong ngoài đều nhất trí thực hành, như vậy thì có thể thấy được tự tính. Tự tính tức là Đức Phật chân thực của mình. Nếu rời bỏ tự tính thì cũng chẳng có Phật. Đức Phật có nói rằng ai ai cũng có thể thành Phật. Chỉ cần các vị "tu hành tự tính", đem luồng sáng của trí tuệ quay lại chiếu rọi chính mình, quay lại tìm cầu chính mình, không nên đi tìm Phật pháp ở ngoài tâm mình. Nếu được như vậy chắc chắn sẽ thành Phật.

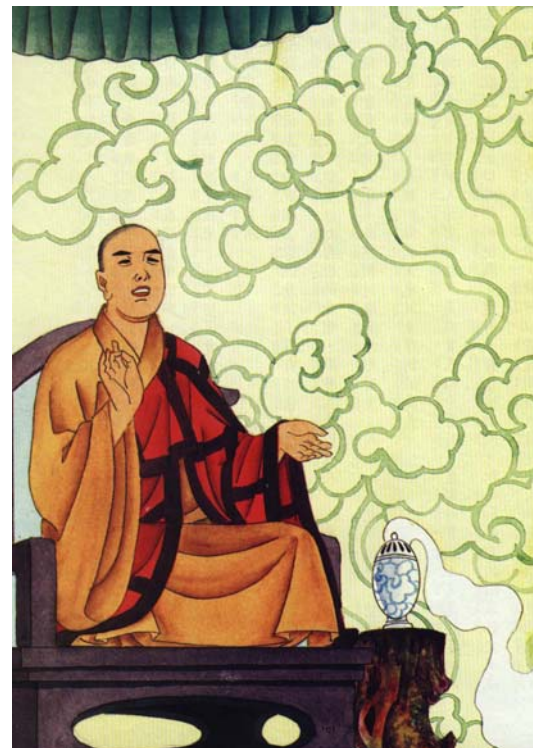
Chữ "Ma ha" có nghĩa là gì? Ma ha dịch là đại (lớn). Điều này muốn nói là tâm mình phải nên rộng lớn như hư không, không có giới hạn, không có sự khác biệt về kích thước, hình dạng, màu sắc, mà cũng không nên phân biệt trên dưới, ngắn dài, cũng không có sự vui sướng hoặc giận dữ, cũng không có sự phân biệt thị phi, thiện ác, đầu đuôi, ... Cõi nước của chư Phật cũng rộng lớn như hư không. Cái

³¹ Tiếng Đường: tức là tiếng Tàu đời nhà Đường.

³² Đáo bỉ ngạn: có nghĩa là "đến bờ bên kia". Bờ bên kia tức là sự giải thoát.

điều tính mà chúng ta vốn có cũng là không, xưa nay chưa từng được pháp nào hết. Cho nên nói:

Tự tính như hư không
Chân, vọng đều ở trong
Thấy rõ tự tính mình
Tất cả đều sẽ thông.



Tự tính chân không chính là như vậy. Thế nhưng, cũng nên nói rõ, các vị ở đây nghe tôi giảng về Không, không nên chấp trước vào cái "không". Điều quan trọng nhất là không nên chấp trước vào cái "không"! Nếu như việc gì cũng không nghĩ đến, đem tất cả mọi vật trừ khiến làm cho không, tâm không mà thân cũng không. Đem cái quan niệm mọi vật đều không như vậy mà tu tập thiền định mong đạt được kết quả thì cũng chỉ được một loại "vô ký không" mà thôi. Kẻ lạc vào vô ký không này, bên ngoài thì có vẻ như đoạn hết trần duyên vọng tưởng, kỳ thực vẫn chưa thấy được chân tâm, mà vẫn còn ở trong trạng thái u mê. Tuy là

người đang sống mà chẳng khác gì đã chết, việc gì cũng chẳng biết.

Các vị thiện tri thức! Hãy nhìn thế giới mà chúng ta đang sống, vạn vật bao la, như mặt trời, mặt trăng, các vì sao, núi, sông, đất, người lành, người dữ, v.v..., không có vật nào mà không ở trong hư không. Hư không cũng không nói: "Ông là người ác, tôi sẽ đuổi ông đi mau ra khỏi hư không, ông là người lành, tôi sẽ mời ông đi mau vào hư không". Hư không không biết phân biệt như vậy. Còn tự tính chúng ta thì sao? Cũng giống như hư không bao hàm tất cả vạn vật.

Các vị thiện tri thức, như tôi vừa nói qua, các vị nên hiểu rõ tự tính vô cùng to lớn của mình bao hàm tất cả các pháp. Tất cả các pháp đều do tự tính mình sinh ra. Kẻ giác ngộ được ánh sáng tự tính này, khi thấy người khác có những hành vi, hoặc thiện, hoặc ác, hoặc tốt, hoặc xấu, không còn sinh ra ý tưởng ưa thích hoặc chán ghét, trong tâm không còn chấp trước. Tâm kẻ ấy cũng giống như hư không rộng lớn, đây gọi là đại (lớn), cũng tức là ý nghĩa chân thực của Ma ha.

Các vị thiện tri thức, người trí tuệ học Phật, thường thành thực với lòng mình, thực tiễn tu hành, còn kẻ mê vọng lại chỉ nói lý thuyết, chỉ thích giảng nói toàn ba mớ "khẩu đầu thiên"³³ mà thôi. Lại còn một loại người mê chấp, ngồi thiền với cái quan niệm tất cả đều là không, cho rằng việc gì cũng không nên nghĩ đến, việc gì cũng không nên làm, và cho rằng đây là sự chứng đạo, khai ngộ. Đối với hạng

³³ Khẩu đầu thiên: Chỉ nói thánh nói tướng mà không chịu thực tế tu hành.

người này, không nên nói Pháp cho họ. Vì sao? Vì bọn họ đã chấp trước vào cái gọi là "ngoan không"³⁴ và vô ký không. Đây là bọn tà tri tà kiến, chứ không phải chính tri chính kiến.

Lục tổ lại nói:

- Các vị đều là người trí tuệ, nên biết rằng tâm lượng của chúng ta rộng lớn bao trùm cả pháp giới này. Các vị có thể hiểu rõ cảnh giới của Phật pháp rộng lớn bao trùm tất cả. Một khi chân tâm phát sinh tác dụng, chúng ta có thể thấy rõ tất cả mọi vật trên thế gian này, giống như tấm gương lớn soi sáng vạn vật. Vật đến thì ảnh hiện trên gương, vật đi thì trong gương trống rỗng. Đối với mặt gương, vạn vật đi lại tự do mà không có chướng ngại. Lại giống như mặt trăng trên không, tuy chỉ là một, nhưng nó sẽ chiếu đến bất cứ mặt nước nào, dù là mặt biển, mặt ao, mặt sông, mặt hồ. Mỗi nơi đều hiện ảnh của mặt trăng, cho nên số mặt trăng hiện trên mặt nước là vô lượng. Đây không phải là ý nghĩa "một là tất cả, tất cả là một" hay sao? Nếu có thể nhận rõ tự tính mình thì có thể tự do tự tại đối với tất cả sự vật, mà không bị chúng làm trở ngại. Đây chính là trí tuệ Bát nhã.

Tất cả trí tuệ Bát nhã đều từ bản tính sinh ra, mà không phải từ sự vật bên ngoài. Do đó, chớ nên dụng tâm sai lầm, tìm cầu nơi sự vật ở ngoài tâm mình, như vậy mới gọi là người khéo dùng cái chân tâm của mình. Nếu mà dụng tâm đúng thì tất cả mọi sự vật đều chân thực. Sự to lớn của cái tâm này, không phải là kẻ có trí khôn vật, hoặc

³⁴ Ngoan không: Cho rằng tất cả đều là không, không nhân không quả (một loại đoạn kiến).

bạn bàng môn tả đạo³⁵ có thể hiểu rõ được. Tuyệt đối không nên chỉ có miệng nói "Phật tính hư không", nhưng trong tâm lại không theo lời dạy mà tu hành. Điều này cũng giống như người dân quèn mà tự xưng mình là vua, rốt cuộc cũng chẳng thực hiện được sự mơ ước hão huyền đó.

Này các vị, ý nghĩa rốt ráo của Bát nhã là gì? Bát nhã là tiếng Ấn Độ, tiếng Đường gọi là diệu trí tuệ. Nếu có người, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào, mỗi ý niệm đều minh bạch rõ ràng, không có mê muội vô minh, dùng trí tuệ xử lý tất cả mọi sự, đây gọi là người tu hạnh Bát nhã. Nếu có một niệm vô minh sinh khởi thì cái trí tuệ đó liền tiêu mất. Nói tiêu mất cũng chỉ là tỉ dụ, chứ không phải cái trí tuệ chân thực hoàn toàn đoạn tuyệt. Bởi vì trí tuệ chân thực không sinh không diệt, làm sao mà tiêu mất được! Đây chỉ có nghĩa là lúc đang ngu si thì Bát nhã không hiển hiện được, phải đợi đến hết ngu si thì trí tuệ mới hiện trở lại. Người đời vì ngu si mê muội thành thử không có cách nào biết được sự tồn tại của Bát nhã. Bọn họ thường thường miệng nói trí tuệ Bát nhã, trái lại trong tâm chấp trước những việc ngu mê, vậy mà vẫn tự cho là mình đang tu hạnh Bát nhã! Bát nhã không có hình tướng. Nếu trí tuệ phát sinh mà không còn vô minh thì gọi là Bát nhã. Khi hiểu rõ như vậy thì gọi là trí tuệ Bát nhã.

Còn Ba la mật có nghĩa gì? Đây là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là đến bờ bên kia. Nếu nói rõ hơn, có nghĩa là đã rời sự khổ đau sinh diệt, giải thoát sinh tử luân hồi. Bờ bên kia là gì? Nếu chúng ta đem phiền não ra tỉ dụ với biển lớn, thì bờ bên này tức là sinh tử, còn bờ bên kia tức là Niết Bàn.

Chúng ta tại sao vẫn ở chỗ này chịu khổ não sinh tử luân hồi? Bởi vì chúng ta vẫn còn vọng niệm phiền não. Nếu chúng ta khởi tâm chấp trước mọi việc trên đời, thì chúng ta sẽ sinh khởi đủ thứ vọng niệm. Những vọng niệm này giống như gió lớn, làm cho mặt nước xưa nay vốn yên lặng, bỗng nhiên nổi lên từng đợt sóng to. Những đợt sóng trời ngập này tức là phiền não không ngừng sinh diệt, làm cho chúng ta bị khốn khổ. Nhưng ngược lại, nếu chúng ta có thể buông bỏ sự chấp trước thì những cơn sóng phiền não này sẽ không còn sinh khởi nữa. Lúc đó mặt nước sẽ phẳng lặng trở lại, và chúng ta có thể đến bờ bên kia mà không bị trở ngại.

Các vị thiện tri thức! Kẻ mê muội không giác ngộ, tuy miệng nói chuyện Phật pháp, nhưng trong tâm lại đầy dẫy vọng tưởng. Nếu học Phật như vậy, chắc chắn là không được gì hết. Chỉ có kẻ nào niệm niệm đều y theo trí tuệ Bát nhã mà thực hành, không làm điều ngu si, mới có thể y theo chân tính mình mà tu hành. Nếu hiểu rõ điều này, tức là hiểu rõ ý nghĩa của Bát nhã. Nếu không theo đây mà tu thì gọi là kẻ phạm phu; y theo đây tu hành, tự thân sẽ thành Phật.

Lục tổ lại nói:

- Phạm phu tức là Phật, phiền não tức là Bồ Đề. Phật là từ địa vị phạm phu, tu tập hạnh Bát nhã mà thành Phật. Phạm phu chúng ta nhân vì một niệm ngu si, không biết tu tập pháp Bát nhã, không biết thực hành hạnh Bát nhã, cho nên bị tình dục trói buộc mà trở thành phạm phu. Còn nếu chúng ta biết rõ điều này, sau khi đã giác ngộ, chúng ta sẽ giống như Phật, cho nên nói phạm phu tức là Phật. Phiền

³⁵ Bàng môn tả đạo: Chỉ chung cho những kẻ không tin Phật pháp.

não cũng như vậy. Nếu chúng ta khởi một niệm chấp trước vào sự vật, ngay lúc đó sẽ sinh ra biết bao nhiêu phiền não, nếu có thể buông bỏ được niệm chấp trước này thì phiền não sẽ không sinh ra, do đó nói phiền não tức Bồ Đề, nghĩa là phải xem cái tâm chúng ta chuyển biến như thế nào!

Các vị thiện tri thức! Điều mà tôi giảng vừa rồi tức là Ma ha Bát nhã ba la mật, là pháp tôn quý nhất, cao thượng nhất, đệ nhất trong Phật pháp. Chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều từ đây mà sinh ra. Các vị nếu muốn học tập, phải dùng đại trí tuệ phá trừ năm uẩn phiền não trần lao, làm cho ba độc tham sân si biến thành giới định tuệ. Tu hành như thế nhất định sẽ thành Phật.

Các vị thiện tri thức! Pháp môn này là từ một Bát nhã sinh ra tám vạn bốn ngàn trí tuệ. Vì sao? Bởi vì người thế gian có tám vạn bốn ngàn phiền não khác nhau. Nếu người thế gian không có phiền não thì lúc nào cũng sẽ tự nhiên phát hiện tự tính trí tuệ của mình, mỗi niệm đều không rời tự tính Bồ đề của mình. Người nào hiểu rõ pháp môn này, sẽ không còn sinh khởi vọng niệm. Nếu tâm không còn so đo chấp trước, không sinh khởi vọng niệm, tùy theo hoàn cảnh ứng dụng tự tính chân như của mình, dùng trí tuệ quán chiếu tất cả, đối với tất cả các pháp, dù sắc hay tâm, đều không tham luyến cũng không nhàm ghét. Đây gọi là thấy được tự tính mà thành Phật.

Các vị thiện tri thức! Kẻ nào muốn tiến vào nhất chân pháp giới³⁶, cùng Bát nhã chính định³⁷, nhất định

³⁶ Nhất chân pháp giới: tức là chư pháp thực tướng.

³⁷ Bát nhã chính định: còn gọi là Bát nhã tam muội, nghĩa là khai trí tuệ, thấy được thực tướng của các pháp.

phải tu hạnh Bát nhã. Đọc tụng Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật thì có thể thấy rõ tự tính mình. Phải nên biết rằng công đức của Kinh Kim Cương là vô lượng vô biên. Điều này, trong kinh đã nói rõ ràng, ở đây không thể nói hết được. Pháp môn này là giáo pháp tối thượng thừa, chuyên vì người đại trí tuệ mà nói, vì người căn tính thượng đẳng mà nói. Kẻ nào căn tính trí tuệ thấp kém, nghe pháp môn này sẽ nghi ngờ không tin. Vì sao? Ví như trời mưa trên cõi Diêm Phù Đề, thành thị, làng xóm đều bị chìm ngập cuốn trôi trong giòng nước lũ, giống như cọng cỏ, lá cây. Nhưng nếu trời mưa xuống biển lớn thì nước biển sẽ không có sự tăng giảm. Cũng vậy, những kẻ có căn tính Đại thừa, hoặc tối thượng thừa, nghe Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật thì liền có thể khai ngộ, và nhân đây biết rõ tự tính mình vốn có sẵn trí tuệ Bát nhã. Đây là do thường dùng trí tuệ Bát nhã quán chiếu sự vật, chứ không phải do sự dùi mài chữ nghĩa mà hiểu được. Cũng giống như nước mưa từ trên trời rơi xuống, không phải không có nguyên nhân, mà là do trời rồng làm ra, khiến cho tất cả chúng sinh, tất cả cây cỏ, hữu tình vô tình đều nhờ vào nước mà sinh trưởng, phồn thịnh. Trăm ngàn giòng nước đều chảy vào trong biển lớn, nhập thành một thể. Bốn tính trí tuệ Bát nhã của chúng sinh cũng giống như thế.

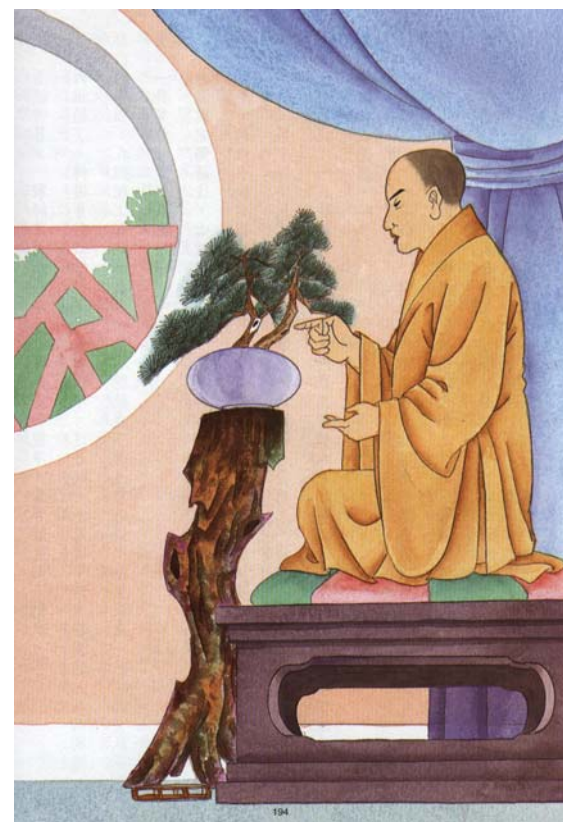
Các vị thiện tri thức! Người căn tính hạ liệt giống như cây cỏ nhỏ. Cây cỏ nhỏ một khi gặp cơn mưa lớn đều bị gãy ngã, không còn có thể tiếp tục sinh trưởng. Người căn tính hạ liệt nghe pháp môn lớn này cũng giống như vậy. Thực ra, người căn tính hạ liệt cũng vốn có đủ trí tuệ Bát nhã giống như người đại trí tuệ, không có gì khác biệt. Nếu

vậy, tại sao họ nghe pháp lớn mà không thể khai ngộ? Điều này là do sự chấp trước tà kiến của họ quá sâu nặng, phiền não tập khí đầy dẫy. Giống như mây đen che mặt trời, nếu mây không bị gió thổi tan, thì ánh sáng mặt trời sẽ không soi sáng được mặt đất. Trí tuệ Bát nhã, xưa nay vốn đủ, không có phân biệt nhỏ lớn; chỉ vì chúng sinh mê, ngộ khác nhau, mà đưa đến trí tuệ khác biệt. Nếu mê muội bản tâm, sinh khởi tà kiến, chỉ tu hành bề ngoài, bỏ tâm mình mà tìm Phật, thì rốt cuộc cũng không thấy được tự tính của mình, đây gọi là kẻ căn tính hạ liệt. Còn nếu hiểu rõ pháp môn đốn giáo này, không chấp trước vào sự tu hành bề ngoài, trong tâm giữ gìn chính kiến, tất cả phiền não trần lao không làm mình nhiễm ô, đây gọi là kẻ khai ngộ, thấy được tự tính.

Các vị thiện tri thức! Đối với cảnh giới trong tâm ngoài tâm phải đều không chấp trước, đi lại tự do trong sinh tử. Nếu có thể trừ khiến tâm chấp trước của mình thì có thể thông đạt lý vô ngã, không còn sự chướng ngại. Nếu có thể tu hạnh Bát nhã như vậy, tức là không còn gì khác biệt với những điều mà Kinh Bát Nhã đã nói.

Các vị thiện tri thức! Tất cả kinh điển cùng văn tự giáo pháp Đại thừa, Tiểu thừa, mười hai phần giáo³⁸ đều là tùy theo căn cơ chúng sinh cao thấp khác nhau mà thiết lập. Nhân vì căn tính chúng sinh có thẳng, có liệt, thành thử Phật mới giảng nói những kinh điển này. Nếu như không có người thế gian, thì cũng không có tất cả mọi vật. Cho nên phải biết tất cả các pháp đều từ người thế gian mà được

³⁸ Kinh điển Phật giáo tùy theo thể tài mà phân ra làm mười hai loại khác biệt, chứ không phải chỉ có mười hai bộ như nhiều người lầm tưởng.



sinh ra, tất cả kinh điển đều vì người thế gian mà giảng nói. Bởi vì trí tuệ của người đời khác biệt, cho nên mới có kẻ ngu người trí, kẻ ngu si gọi là tiểu nhân, người trí tuệ gọi là đại nhân. Người ngu hỏi pháp nơi người trí, người trí giảng pháp cho người ngu. Nếu người ngu thốt nhiên tỏ ngộ, tâm địa sáng suốt, thì lúc đó sẽ không còn khác biệt với người trí nữa.

Các vị thiện tri thức! Lúc chưa giác ngộ, Phật cũng là chúng sinh, một niệm giác ngộ, chúng sinh cũng là Phật. Cho nên biết vạn pháp là ở trong tự tâm của mình. Nếu vậy, tại sao không từ tự tâm của mình mà trực tiếp thấy rõ chân như tự tính. Kinh Bồ Tát Giới³⁹ nói: "Cội gốc của giới tức là tự tính thanh tịnh không nhiễm ô". Nếu có thể biết rõ tự tâm, thấy rõ tự tính, đều có thể thành Phật đạo. Kinh Duy Ma

³⁹ Kinh Bồ Tát Giới: tức là kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới.

Cật nói: "Ngay lúc đó bỗng nhiên sáng suốt, quay nhìn bốn tâm của mình". Nghĩa là thấy rõ bốn tâm của mình tức là chân Phật.

Các vị thiện tri thức! Tôi ở nơi Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, chỉ nghe ngài thuyết pháp một lần liền được khai ngộ, ngay lúc đó thấu được chân như bốn tính. Vì thế mới đem pháp môn đốn giáo này lưu truyền rộng rãi, làm cho kẻ học đạo cũng có thể tức khắc ngộ được Bồ đề. Mỗi người tự quán chiếu bản tâm mình, thấy được lý tính vốn có của mình. Nếu như tự mình không thể khai ngộ thì cần phải tìm các vị thiện tri thức khác, nghĩa là những kẻ thấu hiểu pháp Tối thượng thừa để họ trực tiếp chỉ dẫn đường chính cho mình. Vị thiện tri thức này là một đại sự nhân duyên⁴⁰, nghĩa là dạy dỗ, chỉ dẫn làm cho chúng sinh thấy được tự tính, vì thế tất cả thiện pháp sinh ra đều là nhờ vào thiện tri thức.

Xưa nay mọi người đều có sẵn Phật pháp trong tự tính của mình, nếu vì ngu mê mà không thể tự ngộ thì phải tìm cầu thiện tri thức chỉ dẫn mới có thể thấy được. Nếu ai có thể tự giác ngộ, thấy được tự tính của mình, kẻ đó biết rõ là mình không cần phải tìm kiếm các vị thiện tri thức ở ngoài. Còn nếu chấp trước là nhất định phải nương nhờ vào thiện tri thức mới tìm được sự giải thoát thì điều này quyết chắc là một sự sai lầm. Tại sao? Vì trong tự tâm của mình vốn có sẵn lực lượng trí tuệ của Chính nhân Phật tính, có thể làm cho mình tự giác ngộ. Nếu mình lại khởi tà kiến, làm mê muội tự tâm của chính mình, vọng tưởng điên đảo, thì bên ngoài dù có thiện tri thức dạy dỗ chỉ dẫn, cũng

⁴⁰ Đại sự nhân duyên: Ở đây là dẫn ý của kinh Pháp Hoa, nghĩa là vì một nhân duyên to tát mà chư Phật xuất hiện thế gian.

không thể cứu mình được. Nếu như có thể sinh khởi trí tuệ chân chính, quán chiếu sự vật, thì chỉ cần trong một sát na, có thể hoàn toàn tiêu diệt vọng niệm, do đây mà thấy được tự tính, và nhân sự khai ngộ này mà có thể trực tiếp tiến lên địa vị của Phật.

Các vị thiện tri thức! Do sự quán sát của trí tuệ, có thể làm cho chúng ta nhìn thấu được sự vật trong ngoài, nhận rõ chân tâm vốn sẵn có của mình, tức là đạt được sự giải thoát tự tại vô ngại vốn sẵn có của mình. Nếu được giải thoát vô ngại tức là nhập vào Bát nhã chính định. Bát nhã chính định tức là nhất tâm vô niệm. Tại sao gọi là vô niệm? Đối với các pháp sắc, thanh, v.v..., tất cả cảnh giới mà mình thấy biết, tâm không ô nhiễm chấp trước, đây gọi là vô niệm. Lúc chân tâm phát sinh tác dụng, có thể biết rõ rằng cái tâm này bao trùm tất cả mọi nơi, nhưng cũng không chấp vào bất cứ nơi nào. Chỉ cần giữ cho tâm mình thanh tịnh, khiến cho sáu thức lúc được sinh khởi từ sáu căn, đối với sáu trần không còn khởi niệm tham nhiễm chấp trước. Ra vào tới lui tự do tự tại, thông dụng tự nhiên, mà không bị trì trệ chướng ngại. Đây tức là Bát nhã tam muội, tự tại giải thoát, cũng gọi là "vô niệm hành".⁴¹ Nếu chấp trước vào quan niệm sai lầm là việc gì cũng không nghĩ tưởng đến, khiến cho tâm niệm đoạn tuyệt, thì sự hiểu biết sai lầm như thế sẽ làm chướng ngại cho mình. Đây gọi là bị pháp trói buộc, cũng gọi là biên kiến.

Các vị thiện tri thức! Kẻ nào thể ngộ được pháp vô niệm này, có thể thông đạt tất cả pháp mà không chướng

⁴¹ Vô niệm hành: sống trong cảnh giới mà mọi hành động đều không chấp trước, đều vô niệm.

ngại. Kẻ thấu rõ pháp vô niệm, tự mình đã thấy được cảnh giới chư Phật. Kẻ thấu rõ pháp vô niệm, cũng giống như đạt đến địa vị của Phật.

Các vị thiện tri thức! Đời sau nếu có kẻ nào ngộ được pháp của tôi, nên phát nguyện đem pháp môn đốn giáo này, ở nơi những kẻ có cùng ý hướng, có cùng tâm nguyện, cùng nhau phát tâm tín thọ, phụng trì, giống như phụng sự Đức Phật. Kẻ nào tinh tiến mà không thoái chuyển, nhất định sẽ tiến nhập thánh vị. Kẻ nào có thể nhập thánh vị, phải nên đem cái tâm ấn đã được mật truyền cho mình truyền thọ cho kẻ khác, chớ nên đem chánh pháp của tông môn mà ẩn giấu. Đối với kẻ thuộc tông phái khác, không phải cùng ý hướng, tâm nguyện với mình, thì không được vọng truyền⁴² mà làm tổn hoại pháp môn họ đã tu từ trước, rốt cuộc cũng không lợi ích gì cả! Đáng sợ hơn hết là có một số người ngu si, vì không hiểu rõ ý nghĩa chân thực của tông môn mà quay lại phỉ báng. Tôi có một bài kệ vô tướng, các vị phải nên ghi nhớ đọc tụng, bất luận kẻ tại gia xuất gia, chỉ cần y vào bài tụng vô tướng này tu hành là đủ. Nếu như tự mình không chịu tu hành, chỉ nhớ suông những lời tôi nói cũng không ích lợi gì. Hãy nghe tôi đọc kệ:

Thuyết pháp thông, cùng tự tâm thông
Giống như mặt trời trụ trên không
Ta chỉ truyền thọ pháp đốn giáo
Ra đời cứu độ, phá tà tông.
Xưa nay pháp không phân đốn tiệm
Mê, ngộ nên thấy có nhanh chậm
Duy có pháp môn kiến tính này

⁴² Vọng truyền: Truyền thừa không đúng người, không đúng chỗ.

Người ngu không thể nào hiểu rõ.

Nói ra, tuy là trăm ngàn lời

Hợp lại, lý thể chỉ là một

Trong nhà đen tối nhiều phiền não

Cần có mặt trời trí tuệ soi.

Tà niệm mà đến, phiền não đến

Chính niệm mà đến, phiền não trừ

Hai tướng tà chính đều không dụng

Thanh tịnh đến cảnh giới Niết Bàn.

Bồ đề vốn là tính giác ngộ

Nếu mà khởi tâm tức thành vọng

Tịnh tâm nằm ẩn trong vọng tâm

Tâm niệm nếu chính, không ba chương.⁴³

Người đời nếu muốn tu Phật đạo

Tất cả pháp môn đều không ngại

Thường thường nên thấy rõ lỗi mình

Tức là sẽ cùng đạo tương ưng.

Chúng sinh đều đầy đủ Phật tính

Tu hành, chớ gây người phiền não

Nếu bỏ Phật tính mà tu hành

Cả đời cũng không thấy được đạo.

Bôn ba lặn lội hết một đời

Rốt cuộc chỉ tự làm áo não

Nếu như muốn thấy chân thực đạo

Hành vi chính trực tức là đạo.

Nếu mà tự mình không đạo tâm

Như kẻ đi đêm không thấy đạo

Nếu mình là kẻ chân tu hành

⁴³ Ba chương: tức là phiền não chương, nghiệp chương, báo chương.

*Không thấy lỗi lầm của thế gian.
Nếu mình chỉ thấy lỗi người khác
Tức là chính mình có lỗi
Mặc người có lỗi, mình không lỗi
Nói lỗi người khác tức mình lỗi.*

*Chỉ nên trừ bỏ tâm thị phi
Tức là phá được giấc phiền não*
Dù ghét, dù thương cũng chẳng màng
Duỗi thẳng hai chân, nằm tự tại.
Nếu nghĩ đến việc độ người khác
Tự mình phải có đủ phương tiện
Đừng để người khác khởi lòng nghi
Tức là tự tính mình hiển hiện.
Phật pháp thường ở nơi thế gian
Chẳng rời thế gian cầu chính giác
Nếu bỏ thế gian cầu Bồ đề
Cũng giống như đi tìm sừng thỏ.
Chính kiến là trí tuệ xuất thế
Tà kiến là mê muội thế gian
Tà chính hai bên đều quét sạch
Bồ đề tự tính sẽ hiển hiện.
Bài tụng này là pháp đốn giáo
Cũng được gọi là thuyền pháp lớn
Mê nghe không ngộ, phí nhiều kiếp
Kẻ trí đốn ngộ trong sát na.

Cuối cùng Lục tổ nói:

- Hôm nay tôi ở chùa Đại Phạm giảng pháp môn đốn giáo, bố thí cho tất cả chúng sinh trong pháp giới. Nguyện

cho kẻ nào nghe được đều sẽ thấy được chính pháp, viên thành Phật đạo.

Lúc đó, thứ sử Vĩ Cừ, cùng mọi người nghe Tổ nói bài tụng vô tướng xong, ai cũng đều tự phản tỉnh, thấu rõ tâm tính mình. Tất cả đều tán thán:

- Thật là tuyệt diệu! Không ngờ có Phật xuất hiện ở đất Lĩnh Nam hoang vu man dã này. Chúng ta thực là có phúc báo vô tận!



Một hôm, thứ sử Vĩ Cừ tổ chức trai tăng, cung thỉnh Lục tổ cùng đại chúng tham dự. Sau khi dùng trai xong, Vĩ Cừ thay mặt mọi người cung kính thỉnh cầu Lục tổ lên tòa thuyết pháp. Vĩ Cừ cùng các vị quan liêu và mọi người cung kính đánh lễ, kể đó ông ta hỏi Tổ:

- Đệ tử chúng con nghe Tổ giảng pháp thật là tuyệt diệu không thể nghĩ bàn. Hiện nay có một điểm nghi vấn, cầu mong Tổ mở lòng từ bi giải thích cho chúng con.

Lục Tổ nói:

- Có vấn đề gì cứ nói ra, tôi sẽ hết sức mình vì các vị mà giải thích.

Vĩ Cừ hỏi:

- Tổ hiện nay thuyết pháp so với lúc Sơ tổ Đạt Ma truyền tâm pháp có phải là giống nhau hay không?

Lục tổ nói:

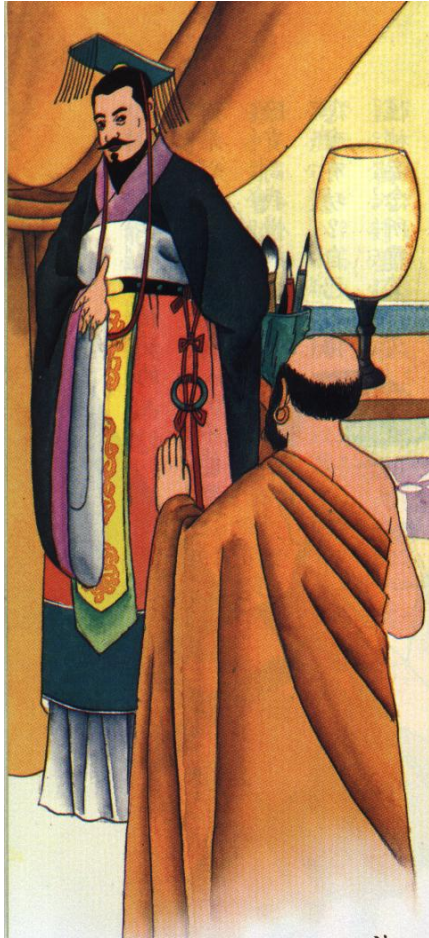
- Đúng vậy! Điều tôi đã nói chính là Tổ Đạt Ma dùng tâm ấn tâm, là pháp chỉ thẳng vào tâm, thấy tính thành Phật.

Vĩ Cừ nói:

- Đệ tử nghe nói lúc Tổ Đạt Ma vừa từ Quảng Châu đến Nam Kinh để hóa độ Lương Vũ Đế, Vũ Đế từng hỏi Tổ Đạt Ma: "Tôi cả một đời xây cất chùa chiền, bố thí tài sản, cúng dường chư tăng. Xin hỏi những việc như vậy được công đức gì?" Tổ Đạt Ma trả lời: "Chẳng có công đức gì hết!" Đệ tử không hiểu rõ điều này, cúi xin Tổ giải thích.

Lục tổ trả lời:

- Không nên nghi ngờ lời nói của Tổ Đạt Ma! Đúng là không có công đức. Nên biết rằng xây chùa, cúng tăng, đây là trồng phúc điền, không thể gọi là công đức. Công đức chân chính ở trong tự tính pháp thân của chúng ta mà không phải ở trong sự tu phúc báo thế



gian. Vũ Đế vì không hiểu rõ cho nên hiểu lầm phúc báo là công đức.

Như vậy công đức là gì? Nếu có thể khám phá Phật tính của mình, đây là công. Có thể nhìn chúng sinh một cách bình đẳng (không còn phân biệt), đây là đức. Khi một kẻ đạt đến trình độ niệm niệm đều thấy được Phật tính của mình mà không chướng ngại, cái Phật tính chân thực tồn tại này phát sinh tác dụng kỳ diệu, đây là công đức. Bên trong, tâm khiêm hư là công; bên ngoài, hành vi giữ lễ nghi là đức. Không rời bỏ Phật tính của mình là công, lúc Phật tính phát sinh tác dụng, không bị vọng niệm chuyển đổi là đức. Nếu muốn cầu công đức pháp thân, y theo phương pháp này tu hành thì đây là công đức chân chính.

Người tu công đức, trong tâm không có những niệm tà vạy, khinh thị người khác. Đối với tất cả chúng sinh đều có cái nhìn bình đẳng, tôn kính. Ngược lại, nếu trong tâm thường khinh thị người khác, không thể đoạn trừ tập khí cống cao ngã mạn, như vậy làm sao mà có công? Phật tính mình bị vọng niệm che lấp, làm sao mà có đức? Đây chính là hậu quả của sự tự cao tự đại. Bởi vậy mới nói: *Mỗi tâm niệm của mình đều không có sự phân biệt cao thấp, sang hèn là công. Tư tưởng, hành vi đều ngay thẳng, không lơ lửng là đức. Tự mình tu sửa tâm tính là công, tự mình cải đổi hành vi là đức.* Công đức chỉ có thể tìm được nơi Phật tính của mình, chứ không phải do bố thí của cải, cúng dường tăng ni mà có được. Cho nên phúc đức và công đức có sự khác biệt. Chính Lương Vũ Đế không hiểu ý này, chứ không phải Tổ Đạt Ma trả lời không đúng.

Vĩ Cừ lại hỏi:

- Đệ tử thường thấy các vị tăng ni cũng như cư sĩ tại gia trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, phát nguyện cầu sinh Tây Phương Cực Lạc. Xin phép hỏi Tổ, không biết tu hành phương pháp này, có thực là vãng sinh thế giới Cực Lạc hay không?

Lục tổ trả lời:

- Ông hỏi vấn đề này rất hay. Ông nên cẩn thận chú ý nghe tôi nói. Đức Phật lúc còn ở thành Xá Vệ, nói đến Tây Phương Cực Lạc, mục đích là muốn hướng dẫn, dạy dỗ chúng sinh. Trong kinh có viết rõ ràng, nói thế giới Cực Lạc cách đây không xa. Nếu theo khoảng cách mà nói có mười vạn tám ngàn dặm. Điều này có nghĩa gì? Nên biết chúng sinh và Phật vốn không xa cách, bởi vì có mười ác, tám tà⁴⁴ làm cách biệt, cho nên trí tuệ chúng sinh không cách nào hiển lộ, vì vậy mới cho rằng Tây Phương Tịnh Độ xa tít không thể đến được. Đây là đối với chúng sinh căn cơ thấp mà nói. Nhưng cũng có những người trí tuệ cao siêu là những kẻ bỏ ác làm lành, biết rằng tâm mình tịnh tức Phật độ tịnh, cho nên đối với những người này, nói rằng Tây Phương Tịnh Độ ở trước mắt.

Nói tóm lại, tuy căn tính của mọi người có lợi, có độn khác nhau, nhưng Phật pháp không có gì khác biệt. Chỉ vì do sự mê chấp và khai ngộ khác nhau, cho nên khả năng thấy bản tính mới có mau, có chậm. Kẻ mê chấp hy vọng

⁴⁴ Mười ác: ngược lại với mười điều thiện, nghĩa là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời đâm thọc, nói lời thô ác, nói lời vô nghĩa, tham, sân và si. Tám tà (Hán: bát tà): ngược lại với bát chính, nghĩa là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mệnh, tà phương tiện (tương phản của chính tinh tiến), tà niệm và tà định.

nờ niệm Phật cầu sinh tịnh độ, còn kẻ đã khai ngộ thì biết rằng trước hết phải làm tâm mình thanh tịnh, chỉ cần tâm tịnh thanh tịnh, thì lúc đó mình đã đến cõi Tịnh độ của Phật.



Lục tổ sợ mọi người chưa hiểu bèn nói tiếp:

- Ví như Thứ sử Vĩ Cừ là người phương đông, nếu Thứ sử có thể làm cho tâm mình thanh tịnh, không có tạp niệm tà niệm, thì cũng không có tội lỗi. Các vị thử nghĩ xem, người phương đông tạo tội, niệm Phật cầu sinh phương tây. Vậy tôi hỏi thử các vị, người phương

tây tạo tội thì cầu sinh về chỗ nào? Người phàm ngu si không hiểu rõ tự tính cho nên mới nguyện đây nguyện kia, còn người trí tuệ đến đâu cũng đều an lạc, đối với họ chỗ nào cũng là tịnh độ thanh tịnh, cho nên mới có câu: "Tất cả mọi chốn thường an lạc."

Do đây, chỉ cần tâm của Thứ sử không còn chỗ nào bất thiện thì thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ không xa, còn nếu trong tâm của thứ sử mà còn những điều tà ác thì dù thứ sử có niệm Phật cầu vãng sinh, cũng không thể nào đạt

được ý nguyện của mình. Cho nên hiện nay tôi muốn khuyên nhắc các vị, trước hết phải diệt trừ mười điều ác, tu mười điều thiện; đây cũng giống như đã đi về Tây Phương được mười vạn dặm đường. Kế đó diệt trừ tám điều tà, đây cũng giống như đi hết đoạn đường tám ngàn dặm còn lại. Nếu niệm niệm đều thấy được Phật tính của mình thì những điều mình làm mình nghĩ luôn luôn sẽ ngay thẳng, bình đẳng. Nếu được vậy, chỉ trong khoảnh khắc có thể đến Tây Phương Tịnh Độ, có thể tức khắc thấy được Phật A Di Đà.

Kế đó Lục tổ hỏi mọi người:

- Hiện nay tôi muốn cùng với các vị, trong khoảnh khắc, đem Tây Phương Cực Lạc dời đến trước mặt để cho mọi người có thể nhìn thấy. Các vị có muốn thấy không?

Mọi người nghe rằng có thể nhìn thấy được thế giới Tây Phương Cực Lạc đều vui mừng. Tất cả cùng nhau cúi lạy Lục tổ, nói:

- Nếu ngay chỗ này có thể thấy được Cực Lạc, thì cần gì phải phát nguyện vãng sinh nữa. Cúi mong Tổ từ bi thị hiện Tây Phương Cực Lạc cho mọi người được thấy.

Lúc đó Lục tổ nói:

- Các vị thiện tri thức! Sắc thân của chúng ta cũng giống như một tòa thành lũy. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cũng giống như cửa ngoài, còn ý cũng giống như cửa trong của thành. Tâm là phần đất phía trong thành, còn chân như tự tính của chúng ta thì cũng giống như quốc vương thống trị thành lũy. Nếu như tự tính rời bỏ tâm địa⁴⁵ thì cũng giống như thành lũy mất đi quốc vương, lúc đó thành lũy của

thân tâm sẽ bị hủy hoại⁴⁶. Cho nên muốn cầu thành Phật, phải hướng vào chân như tự tính của mình mà cầu. Tuyệt đối không nên tìm cầu ở ngoài tâm mình. Đang khi chân như tự tính bị mê mờ thì Phật biến thành chúng sinh. Đợi đến lúc chân như tự tính được giác ngộ thì chúng sinh biến thành Phật. Nếu có thể sinh khởi tâm từ bi, các vị sẽ là Bồ tát Quán Thế Âm, nếu đối với tất cả chúng sinh đều có thể hoan hỷ bố thí một cách bình đẳng, các vị sẽ là Bồ tát Đại Thế Chí, nếu có thể làm cho tâm mình thanh tịnh, tự thân sẽ là Phật Thích Ca, nếu có thể ngay thẳng bình đẳng, tự thân sẽ là Phật Di Đà.

Đang khi trong tâm có sự phân biệt chấp trước nhân ngã thì cũng giống như mình đắp lên một quả núi Tu Di, tự làm trở ngại con đường thành Phật của mình. Nếu trong tâm khởi niệm tà ác thì cũng giống như mình bị rớt vào biển lớn, đang bị phong ba bão táp. Phiền não trong tâm cũng giống như sóng lớn đang vỗ mạnh, còn những ý niệm độc ác trong tâm cũng giống như rồng dữ đang nhe nanh múa vuốt. Nếu tâm lơ lửng, lừa bịp thì cũng giống như quỷ thần đang tác quái, làm cho chúng ta mê muội tự tính. Nếu chúng ta còn bôn ba luân chuyển trong cõi trần lao này thì cũng giống như cá, rùa đang bơi lặn trong biển, tuy cả ngày bận rộn bơi qua bơi lại mà không có mục tiêu, lại cũng không biết mình bận rộn việc gì? Trong tâm nếu khởi sân hận thì cũng giống như tạo ra một địa ngục lớn. Còn kẻ ngu si thì cũng chẳng khác gì súc sinh!

Các vị thiện tri thức! Nếu thường tu thập thiện thì thiên đường sẽ đến nhân gian. Trừ bỏ sự phân biệt chấp

⁴⁵ Nghĩa là chúng sinh mê mờ tự tính.

⁴⁶ Ví như chúng sinh bị đọa ba đường ác.

trước nhân ngã thì núi Tu Di chướng ngại con đường thành Phật của mình sẽ sụp đổ. Nếu trừ bỏ niệm tà thì nước biển khô cạn. Trong tâm không còn sinh phiền não thì sẽ sóng lặng gió yên. Trừ bỏ tâm độc ác thì trong tâm không còn cá rùa. Làm thức tỉnh đức Như Lai tự tính trong tâm mình thì có thể phóng ra ánh sáng dài muôn trượng. Ở ngoài thì có thể chiếu sáng sáu căn, làm cho thanh tịnh không nhiễm, phá trừ sự tham luyến của sáu cõi trời dục giới. Ở trong thì có thể phá trừ tham sân si, khiến cho tội ác địa ngục đều tiêu trừ. Nếu vậy, từ trong ra ngoài, ánh sáng đều chiếu khắp, và như thế so với Tây Phương Tịnh Độ cũng không có gì khác biệt. Nếu như không theo đây mà tu hành, làm sao mà đến được thế giới Cực Lạc?

Mọi người sau khi nghe Lục tổ chỉ điểm đều hiểu rõ tự tính chân thực cao quý của mình. Do đây tất cả đều cung kính cúi lạy Lục tổ, đồng thanh nói rằng:

- Phổ nguyện cho tất cả chúng sinh, kẻ nào nghe được pháp môn này đều sẽ sớm được khai ngộ, cùng nhau chứng được quả Bồ Đề.

Lục tổ nói:

- Các vị thiện tri thức! Nếu các vị thực tình muốn tu hành, ở nhà cũng có thể tu mà không cần phải xuất gia vào chùa. Người tại gia nếu có thể y theo pháp mà tu hành thì cũng giống như người phương đông mà có tâm thiện, tuy ở phương đông cũng như ở tịnh độ. Còn người xuất gia mà không chân thực tu hành thì cũng giống như người phương tây mà trong tâm vẫn còn niệm ác. Đương nhiên đây chỉ là thí dụ, người ở Tây Phương Tịnh Độ trong tâm quyết

không có niệm ác. Chỉ cần tự tâm các vị thanh tịnh không nhiễm, tức là tự tính Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

Vĩ Cừ lại hỏi:

- Người tại gia làm thế nào tu hành, kính xin Tổ từ bi chỉ bảo.

Lục tổ nói:

- Tôi sẽ nói một bài tụng vô tướng cho các vị nghe. Nếu y vào đây tu hành thì cũng giống như cùng với tôi ở chung một chỗ, còn nếu không theo đây tu hành thì dù có cao đầu xuất gia cũng chẳng ích lợi gì. Lắng nghe tôi nói:

Tâm bình đẳng, cần gì trì giới

Hành chính trực, cần gì tu thiền

Biết thâm ơn, hiếu dưỡng mẹ cha

Biết nhân nghĩa, trên dưới thương nhau

Muốn khiêm nhường, dưới trên hòa thuận

Học nhẫn nhục, chớ nói lỗi người

Nếu siêng như cọ cây tìm lửa

Trong bùn quyết sẽ sinh liên hoa

Thuốc đắng ắt là món thuốc hay

Lời khuyên thẳng là lời chân thực

Biết sửa lỗi là người trí tuệ

Giấu lỗi lầm, không phải người hiền.

Mỗi ngày đều làm lợi kẻ khác

Thành Phật, không phải do bố thí

Bồ đề, nên hướng vào tâm tìm

Cần gì tìm hảo huyền bên ngoài

Nghe xong, phải nương đây tu hành

Thiên đường sẽ hiện trước mắt mình.

Sau cùng Lục tổ lại nói:

- Các vị thiện tri thức! Chỉ cần mọi người y theo bài kệ này mà tu hành, tự nhiên sẽ có thể thấy được tự tính, trực tiếp đi trên con đường thành Phật. Nhớ kỹ, nhớ kỹ! Tu hành phải tự y vào tâm mình. Người khác không thể nào giúp các vị. Tôi muốn trở về Tào Khê. Nếu các vị còn thắc mắc thì nên đến Tào Khê hỏi tôi.

Lúc bấy giờ, thứ sử Vĩ Cừ cùng mọi người, nghe Lục tổ nói xong, tất cả đều mở rộng được tầm mắt của mình, thu thập được nhiều lợi ích, và đều quyết tâm y giáo phụng hành.



Một hôm, Lục tổ giảng pháp cho đại chúng, ngài nói:

- Các vị thiện tri thức! Pháp môn mà tôi truyền thọ này dùng thiền định và trí tuệ làm căn bản. Các vị không nên hiểu lầm, cho rằng thiền định và trí tuệ là hai sự kiện khác biệt. Sự thực, thiền định và trí tuệ đều cùng một thể. Thiền định là bản thể của trí tuệ, còn trí tuệ là tác dụng của thiền định. Lúc trí tuệ hiện tiền, thiền định đã được bao hàm trong trí tuệ. Tương tự, khi đang thiền định thì trí tuệ cũng tùy thời hiện tiền. Nếu hiểu rõ điều này mới gọi là tu hành

định tuệ một cách quân bình⁴⁷. Người học Phật tuyệt đối không nên nói: "Trước phải có định lực, rồi sau mới phát sinh trí tuệ", hoặc nói: "Trước phải có trí tuệ, rồi sau mới phát sinh định lực". Bởi vì kẻ nào ôm giữ cái nhìn như vậy sẽ phát sinh những tình trạng trong ngoài bất nhất. Ví như ngoài miệng thì nói ngọt ngào, nhưng trong tâm chứa toàn điều ác. Những kẻ như thế, nếu nói họ có định tuệ cũng là phí lời. Bởi vì định tuệ không quân bình thì cũng giống như nói suông về định tuệ mà thôi⁴⁸. Chỉ có kẻ lời nói cùng nội tâm đều thiện, trong ngoài đồng nhất, mới có thể coi là định tuệ quân bình.

Như những điều đã giảng nói ở trên, tự mình phải hiểu rõ, tự mình lo tu hành, không phải chỉ là "đấu võ mồm" với kẻ khác về sự trước sau của định tuệ. Bởi vì, một khi trong tâm khởi lên ý niệm hơn thua thì sẽ sinh ra ngã chấp và pháp chấp, kể đó lại sinh đủ loại chấp trước và phân biệt. Như vậy, không thể nào có định lực, và trí tuệ cũng theo đó mà tiêu tán.

Các vị thiện tri thức! Tôi đã giảng nhiều về vấn đề liên quan đến định tuệ, nhưng rốt ráo phải dùng sự vật cụ thể nào để có thể hình dung định tuệ? Ở đây tôi sẽ lấy đèn và ánh sáng làm ví dụ. Thắp đèn thì ánh sáng sẽ đến, tắt đèn thì bóng tối sẽ trở lại. Đèn là bản thể của ánh sáng, ánh sáng là sự biểu hiện của đèn. Tên gọi tuy có hai loại, thực sự, chỉ là hai mặt khác nhau của cùng một thực thể. Bản thể của cả hai là đồng nhất. Vấn đề định tuệ mà tôi đang nói đây cũng giống như vậy.

⁴⁷ Nghĩa là nên không quá thiên lệch về bên nào

⁴⁸ Nghĩa là không có định, cũng chẳng có tuệ.



Lục tổ lại nói tiếp:

- Thế nào gọi là Nhất hành tam muội? Nhất hành tam muội có nghĩa là tại bất cứ nơi nào, bất luận là đi, đứng, nằm, ngồi, ..., trong bất cứ lúc nào cũng giữ tâm mình chính trực (ngay thẳng). Kinh Duy Ma Cật nói: "Chính trực tức là đạo trường, trực tâm tức là tịnh độ". Tuyệt đối

không nên trong tâm thì xiểm trá, dua nịnh, gian dối, lươn lẹo, còn ngoài miệng thì nói là chính trực. Lại cũng không nên miệng nói nhất hành tam muội, mà trên thực tế lại không chịu dùng tâm chính trực tu hành. Nếu muốn đạt đến nhất hành tam muội, không những phải đem tâm chính trực đối xử với người với vật, mà còn phải không nên chấp trước, không nên so đo. Có những kẻ ngu si không hiểu, chấp trước quan niệm của mình, cho rằng chính trực tức là ngồi yên không động, không khởi vọng tưởng, và cho đây là định lực, là nhất hành tam muội. Kẻ nào có kiến giải như

vậy, có thể nói rằng họ cũng giống như là cây, đá, không những sai lầm, mà trong tương lai trên con đường tu hành lại vì những sự sai lầm này mà tự tạo ra rất nhiều trở ngại.

Các vị thiện tri thức! Đạo là gì? Cái gọi là đạo, đáng lẽ phải linh động, thông suốt, giống như giòng nước chảy. Tại sao hiện nay lại trái ngược, đình trệ không thông? Kinh Kim Cương có nói: "Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm". Chỉ khi nào cái tâm này không có chỗ trụ, nghĩa là không chấp trước vào cái có, cũng không chấp trước vào cái không, cũng không chấp trước vào pháp, thì cái đạo của mình mới giống như dòng nước lưu thông không ngừng được. Khi mà cái tâm này chấp trước vào pháp, thì gọi là pháp chấp, giống như con tằm làm kén, tự mình trói buộc chính mình. Nếu nói thường ngồi yên không nhúc nhích là nhất hành tam muội, thì khi xưa lúc ngài Xá Lợi Phất đang ngồi tĩnh tọa ở trong rừng, ngài Duy Ma Cật quyết chắc đã không trách mắng rằng: "Ngài ngồi ngay đơ như thế này có ích lợi gì? Cũng chẳng khác gì cây chết!" Điều này chứng tỏ rằng ngồi cứng đơ chẳng phải là phương pháp tu hành chính xác.

Lại có một số người khác dạy ngồi thiền, bắt đầu bằng phương pháp quán tâm, quán tịnh, cố gắng giữ cho tâm không khởi vọng niệm. Phương pháp này thực sự cũng không có gì là sai lầm, nhưng những người tầm thường không hiểu ý nghĩa thâm sâu của nó bèn cho rằng chỉ cần ngồi quán tâm làm cho không động, như vậy sẽ có công phu, sẽ có thiền, và do đây sinh ra bao nhiêu sự chấp trước điên cuồng. Có rất nhiều người y vào pháp ngồi thiền, rồi tự cho rằng mình khai ngộ. Chẳng biết họ làm thế nào để khai ngộ, vậy mà vẫn cứ tự cho rằng mình khai ngộ. Bởi vậy có rất

những người nhân vì tu tập không đúng phương pháp mà sinh ra khùng khùng điên điên. Vậy mà họ còn đem phương pháp đó dạy cho kẻ khác. Làm cho chúng ta đi đến đâu cũng thấy nhiều kẻ nhân vì tu thiền mà bị "tẩu hỏa nhập ma".⁴⁹ Do đó chúng ta có thể kết luận rằng phương pháp tu tập này hoàn toàn sai lầm.

Lục tổ lại nói:

- Các vị thiện tri thức! Phật giáo xưa nay vốn chẳng có pháp gì kêu là tiệm hay đốn. Nhưng vì căn tính của chúng sinh khác nhau, hoặc thông minh lanh lợi hoặc chậm lụt ngu si mà pháp có khác nhau. Người căn tính chậm lụt phải học dần dần chậm rãi mới có hy vọng thành tựu; không giống như người căn tính lanh lợi, chỉ cần trong phút chốc liền có thể khai ngộ. Thực ra, chỉ cần nhận thức bản tâm mình, soi rõ bản tính mình. Không luận xưa nay căn tính thế nào, đến cuối cùng vẫn có thể khai ngộ thành Phật, kết quả không gì sai khác. Hôm nay chúng ta thấy có những danh từ đốn tiệm khác nhau, chẳng qua là những tên gọi tạm thời dùng để thích nghi với tình trạng hiện tại mà thôi.

Các vị thiện tri thức! Pháp môn đốn giáo mà tôi truyền thọ, từ các vị tổ sư nhiều đời đến nay, một mực đều dùng vô niệm làm tông chỉ, vô tướng làm bản thể, vô trụ làm căn bản. Ở đây nói vô tướng, có nghĩa là tuy chung dụng với cảnh vật (hình tướng), mà vẫn có thể rời tướng (không chấp trước vào hình tướng). Nói vô niệm, có nghĩa là tuy sinh khởi ý niệm, nhưng đều không có tà niệm. Còn nói vô trụ, tức là tự tính của chúng sinh, cũng gọi là Phật

tính. Cái Phật tính này, xưa nay vốn không tương ưng với các pháp thế gian như thiện ác, đẹp xấu, nhân đến người thân kẻ thù, ..., cho nên lúc xảy ra các việc như cãi cọ, ẩu đả ..., phải nên quán sát những sự việc này là huyễn hóa không có thực; không nên chấp trước, lại cũng không nên nghĩ đến việc trả thù, hoặc làm tổn hại người khác. Niệm niệm đều có thể buông bỏ, không còn hoài niệm đến quá khứ thì đây gọi là vô trụ. Nếu không như vậy thì niệm trước, niệm giữa, niệm sau sẽ liên tục không dứt, do đây sẽ sinh khởi vô lượng vô biên phiền não, và trở thành một sự trói buộc. Chỉ cần có thể đối với các pháp, niệm niệm đều không chấp trước, tự nhiên sẽ không bị trói buộc. Đây tức là ý nghĩa của vô trụ làm căn bản.

Kế đến, đối với ngoại cảnh, rời bỏ tất cả hình tướng, không để cho hình tướng nhiễm ô tâm mình, đây gọi là vô tướng. Nếu có thể như vậy, thì tự tính pháp thể của mình tự nhiên sẽ thanh tịnh, cho nên gọi là dùng vô tướng làm bản thể. Lại nữa, đối với tất cả cảnh giới, tâm không bị ngoại cảnh làm ô nhiễm, đây gọi là vô niệm. Vô niệm, không chỉ là tâm mình rời bỏ tất cả ngoại cảnh, mà còn phải làm sao khi cảnh giới xuất hiện, tâm không còn bị dao động, không sinh vọng tưởng mới được. Không nên cho rằng tất cả cái gì cũng không tưởng nghĩ đến thì có thể trừ diệt vọng niệm, đây là quan niệm sai lầm. Các vị thử nghĩ, nếu trong tâm không còn nghĩ tưởng gì hết thì có khác gì người chết. Mà giả sử có chết thì cũng sẽ đi đâu thai vào cõi khác. Rốt cuộc, chẳng phải là cũng tiếp tục sinh tử, tiếp tục vọng niệm hay sao? Cho nên các vị học Phật phải suy ngẫm kỹ lưỡng, và hiểu rõ điều này. Không thể tự mình hiểu sai, lại còn đi dạy

⁴⁹ Tẩu hỏa nhập ma: nói nôm na là thần kinh thác loạn.

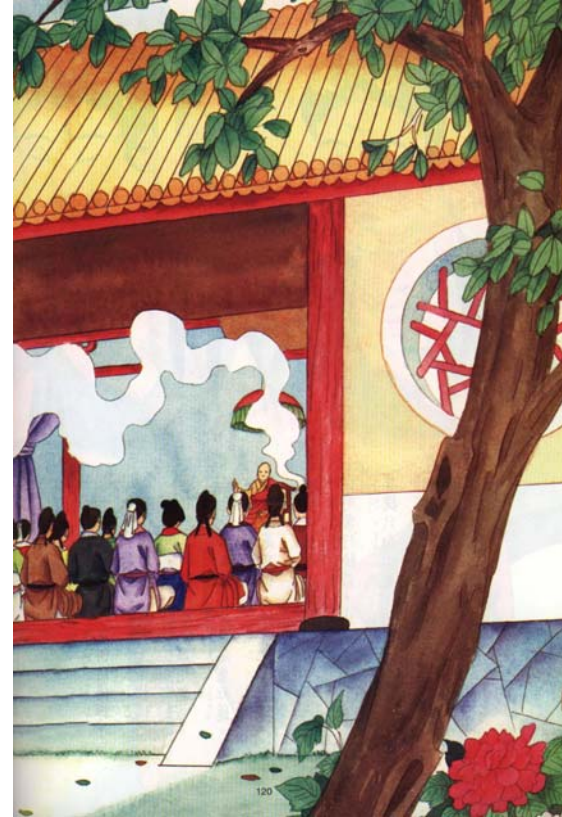
cho kẻ khác những sự sai lầm này. Đây là điều không tốt! Có nhiều người vì ngu si, không hiểu ý nghĩa chân thực của Phật pháp, trái lại còn phỉ báng kinh điển, cho là kinh nói sai lầm. Điều này không thể chấp nhận được.

Các vị thiện tri thức! Tôi thiết lập vô niệm làm tông chỉ cho Phật pháp là vì có một số người, miệng thì ưa nói "kiến tính, kiến tính", nhưng trên thực tế lại không chịu khó tu hành. Những người này không có chút định lực nào cả, mỗi khi đụng cảnh liền sinh tâm động niệm, mà thường thường toàn là những niệm bất chính, và do đây mà sinh ra biết bao nhiêu phiền não. Thực ra, tự tính vốn là thanh tịnh, không có nhiễm ô, mà cũng chẳng có cái được thêm, hay bị bớt. Nếu có người nói càn là mình đã chứng đắc, lại nhân đây mà nói những điều càn rỡ về họa phúc thì các vị phải nên hiểu rõ là bọn này còn đầy phiền não tà kiến, chứ không phải thực sự giác ngộ.

Kế đó Lục tổ nói tiếp:

- Các vị thiện tri thức! Tôi vừa nói về chữ "vô (không có)", không có cái gì? Còn nói đến chữ "niệm", niệm vật gì? Ở đây nói không có, tức là không có hai tướng sai biệt, không có những tâm tà vạy, trần lao vọng tưởng. Còn niệm tức là niệm chân như tự tính. Chân như tự tính tức là Phật tính của chúng ta, nó là thể của niệm, còn niệm là tác dụng của chân như. Cái niệm sinh ra bởi chân như, không giống như cái niệm sinh ra do sự kích thích của ngoại cảnh đối với mắt tai mũi lưỡi. Nếu chân như Phật tính mà mất đi, thì chúng ta cũng giống như đất đá không khác. Giả sử có mắt tai mũi lưỡi đi chãng nữa, cũng chẳng phát sinh được tác dụng gì! Dù là sáu căn mất tai mũi lưỡi thân ý nhờ cái niệm

sinh bởi chân như mà có được sự thấy nghe hiểu biết, nhưng cái niệm đó trong những tình cảnh như vậy vẫn không bị ngoại cảnh làm mê muội. Chân như tự tính vĩnh viễn tự tại đối với tất cả mọi cảnh giới, cho nên Kinh Duy Ma Cật mới nói: "Khéo léo phân biệt chư pháp tướng, nơi đệ nhất nghĩa không dao động".



Pháp môn tọa thiền này tuy cũng nói đến việc đình chỉ tất cả tư lự, chuyên tâm soi xét tâm tính, nhưng không thể nhân đây mà gán ghép vào đó những cái tên như quán tâm, quán tịnh, bất động, v.v... Nếu nói quán tâm, như vậy cái tâm đang quán sát tâm đó là vật gì? Chẳng lẽ lại có

hai cái tâm? Nên biết rằng, cái tâm mà mình đang dùng quán sát đó, xưa nay vốn là huyền hóa không thực, vì thế không nên chấp trước, lại càng không nên quan tâm đến nó!

Kế đó nói đến quán tịnh. Tự tính của chúng ta xưa nay vốn thanh tịnh không nhiễm, bởi vì có vọng tưởng cho nên mới che lấp chân như tự tính. Chỉ cần không còn vọng tưởng, thì chân như bản tính tự nhiên sẽ thanh tịnh. Giả sử các vị khởi một vọng niệm, cho rằng nhờ quán tịnh sẽ làm cho chân như Phật tính trở nên thanh tịnh, điều này chỉ là vọng tưởng, chấp trước vào cái tịnh. Vọng niệm sinh ra không có thời gian hoặc nơi chốn nào cố định, chỗ nào mà chúng ta chấp trước, thì chỗ đó vọng niệm sinh ra. Điều rất đáng buồn cười là sự thanh tịnh xưa nay vốn không có hình tướng, nhưng vì chúng ta muốn quán tịnh, cho nên ngay tạo ra cái một tướng tịnh (hình tướng của sự tịnh), mà lại còn cho rằng quán tịnh để cầu cái tướng thanh tịnh là công phu của sự tu hành. Sự hiểu biết cùng đường lối tu hành như vậy, không những chướng ngại chân như tự tính, mà đồng thời lại bị cái tướng tịnh trói buộc.

Các vị thiện tri thức! Kẻ tu thiền ngồi yên bất động, phải làm thế nào mới là đúng cách? Trước hết, bất động có nghĩa gì? Bất động không có nghĩa là thân thể ngồi yên không lay động, mà có nghĩa là tự tính xưa nay vốn không lay động. Khi nhìn thấy kẻ khác, không thấy sự đúng sai, mà cũng không chê khen sự thiện ác, được mất, v.v..., của họ. Làm sao cho tất cả những sự vật ở ngoài không vướng mắc vào tâm mình, cũng giống như ánh trăng trên mặt sóng, mặt trăng là mặt trăng mà sóng là sóng. Đây mới gọi là tự tính của mình như như bất động. Còn kẻ ngu si tuy có thể giữ cho thân thể họ ngồi cứng đờ không động, nhưng mỗi khi mở miệng lại bắt đầu bàn chuyện thị phi của người khác. Tu hành như thế hoàn toàn đi ngược với chánh đạo,

giống như phần trên tôi đã nói về quán tịnh, cả hai đều đi ngược với chánh đạo.

Lục tổ lại nói:

- Các vị thiện tri thức! Tọa thiền có nghĩa là gì? Học tập pháp môn này phải làm sao cho tất cả đều tự tại không ngại. Đối với ngoại cảnh, bất luận là thiện ác, đẹp xấu, đều không khởi tâm động niệm, một mực điềm tĩnh an hòa, đây gọi là tọa. Trong tâm, làm sao thấy được tự tính xưa nay vốn không động, đây gọi là thiền. Còn thế nào gọi là thiền định? Đối với ngoại cảnh, không chấp trước vào tất cả hình tướng, đây gọi là thiền, trong tâm không khởi vọng tưởng, tạp niệm, đây gọi là định. Nếu đối với ngoại cảnh mà còn chấp trước thì trong tâm chắc chắn sẽ không có định. Chỉ khi nào đối với ngoại cảnh không còn chấp trước thì trong tâm mới không còn bị động loạn. Tự tính của chúng ta xưa nay vốn thanh tịnh không nhiễm, tự nó có thể sinh ra định, chỉ vì khi nhìn thấy ngoại cảnh, tâm liền so đo nghĩ ngợi, bởi thế mới bị cảnh làm loạn. Nếu khi thấy ngoại cảnh mà có thể giữ cho tâm mình không loạn thì đây mới thực là chân định. Cho nên mới nói: "Đối ngoại, tâm không chấp gọi là thiền; đối nội, tâm không loạn gọi là định". Ngoài có thiền, trong có định, đây mới là thiền định chân chính. Kinh Bồ Tát Giới nói: "Bản tính của chúng ta xưa nay thanh tịnh". Chỉ cần các vị trong bất cứ lúc nào đều có thể thấy được bản tính vốn thanh tịnh của mình, sau đó siêng năng tu tập, thực hành, tự nhiên sẽ có thể thành Phật đạo!



Một hôm, Lục tổ thấy một số đông Phật tử từ các nơi tụ tập về, thỉnh cầu được nghe thuyết pháp, ngài bèn lên tòa khai thị cho đại chúng:

- Các vị thiện tri thức! Sự kiện quan trọng nhất của sự tu hành Phật pháp là phải bắt đầu từ cái tự tính giác ngộ của mình. Bất luận lúc nào, niệm niệm đều phải giữ gìn chính niệm, không được sinh khởi tà niệm, như vậy mới có thể làm tâm mình thanh tịnh. Cái pháp môn này, phải tự mình tu, tự mình hành, không ai có thể thế cho mình được. Nếu như các vị không biết cách nào độ thoát chính mình, không thấy được tự tính pháp thân của mình, không thấy được Đức Phật trong tâm của mình, như thế thật uổng phí công lao của các vị đã từ xa đến đây nghe tôi nói pháp. Hôm nay, các vị có thể từ những nơi xa xăm đến đây, cùng tham dự buổi thuyết pháp này, tức là các vị đã có duyên lành. Bây giờ mời tất cả đều quỳ xuống, trước hết tôi sẽ truyền cho các vị "tự tính ngũ phần pháp thân hương", kế đó sẽ truyền cho các vị "vô tướng sám hối".

Mọi người nghe xong đều quỳ xuống chấp tay. Lục tổ bèn giải thích ý nghĩa của ngũ phần pháp thân hương, ngài nói:

- Thứ nhất là giới hương, tức là trong tâm mình không còn nghĩ đến những việc thị phi, ghen ghét, thiện ác, bòn sẻn, sân hận, nhân đến những việc cướp giạt, giết hại, đây gọi là giới hương.

Thứ hai là định hương, tức là khi nhìn thấy tất cả cảnh giới, dù thiện dù ác, trong tâm đều không động dao, tán loạn, đây gọi là định hương.

Thứ ba là trí tuệ hương, nghĩa là không nên tự làm chướng ngại chính mình. Phải thường dùng trí tuệ quán soi chân như tự tính của mình, không làm việc ác. Ngay chính khi làm những việc thiện, trong tâm cũng không chấp trước, lưu luyến. Đối với bậc trên như cha mẹ, sư trưởng phải cung kính tôn trọng, đối với kẻ dưới phải thương xót, lo lắng, gặp kẻ nghèo khổ, cô độc phải nên giúp đỡ cứu vớt, đây gọi là trí tuệ hương.

Thứ tư là giải thoát hương, nghĩa là tự tâm không bám víu vào ngoại cảnh, đối với việc thế gian không tham cầu, không nghĩ thiện, không nghĩ ác, an nhiên tự tại, không còn bị chướng ngại, trói buộc, đây là giải thoát hương.

Thứ năm là giải thoát tri kiến hương, tuy tự tâm không còn bám víu vào thiện ác, nhưng vẫn không vì thế mà rơi vào cảnh giới "trầm không thủ tịch"⁵⁰, ngồi yên một chỗ, việc gì cũng không chịu học, không chịu làm, và cho đấy là "Không". Phải nên tìm cầu sự tiến bộ, học rộng nghe nhiều, tìm cầu các bậc thầy hướng dẫn, nhận thức bản tâm

⁵⁰ Trầm không thủ tịch: Câu này vốn chỉ cho các vị Thanh Văn cầu mau được chứng Niết Bàn, không nghĩ đến việc độ sinh; còn ở đây muốn nói là không nên lấy ít làm đủ, thỏa mãn với hiện tại mà không mong cầu sự tiến bộ. (Người dịch)

mình, thông đạt giáo lý. Lúc tiếp xúc với người thế gian, phải bỏ tâm ích kỷ, tâm phân biệt nhân ngã. Một mục cho đến khi viên mãn Bồ đề, quyết giữ cho chân như tự tính này hào ly không biến đổi. Đây gọi là giải thoát tri kiến hương.



Các vị thiện tri thức! Điều mà tôi vừa giảng về "ngũ phần pháp thân hương", các vị phải tự mỗi người từ tâm mình, bắt đầu tu hành, huân tập. Chớ nên bỏ tự tâm tự tính của mình mà hướng ra ngoài tìm cầu.

Bây giờ tôi sẽ truyền cho các vị pháp "vô tướng sám hối", diệt trừ nghiệp chướng của ba đời, làm cho

thân khẩu ý của các vị được rớt ráo thanh tịnh. Các vị hãy cùng nhau lặp lại những lời mà tôi nói:

- Đệ tử chúng con, nguyện cho tất cả tâm niệm, từ quá khứ, hiện tại cho đến vị lai, niệm niệm đều không bị

ngu si, mê chấp làm nhiễm ô. Hiện nay chúng con xin sám hối tất cả những ác nghiệp mà chúng con đã tạo, cùng những nghiệp ngu si, mê chấp, ... Nguyện cho tất cả tội chướng này, trong một sát na đều bị tiêu diệt. Từ đây cho đến tận vị lai, không còn sinh trở lại.

- Đệ tử chúng con, nguyện cho tất cả tâm niệm, từ quá khứ, hiện tại cho đến vị lai, niệm niệm đều không bị kiêu mạn, gian dối làm nhiễm ô. Hiện nay chúng con xin sám hối tất cả những ác nghiệp mà chúng con đã tạo, cùng những nghiệp kiêu mạn, gian dối, ... Nguyện cho tất cả tội chướng này, trong một sát na đều bị tiêu diệt. Từ đây cho đến tận vị lai, không còn sinh trở lại.

- Đệ tử chúng con, nguyện cho tất cả tâm niệm, từ quá khứ, hiện tại cho đến vị lai, niệm niệm đều không bị ghen ghét làm nhiễm ô. Hiện nay chúng con xin sám hối tất cả những ác nghiệp mà chúng con đã tạo, cùng những nghiệp ghen ghét, ... Nguyện cho tất cả tội chướng này, trong một sát na đều bị tiêu diệt. Từ đây cho đến tận vị lai, không còn sinh trở lại.

Kế đó, Lục tổ giải thích cho mọi người về ý nghĩa của chữ sám hối:

- Các vị thiện tri thức! Vừa rồi là phần vô tướng sám hối. Thế nhưng ý nghĩa của sám hối là gì? Sám có nghĩa là tự mình nói rõ (Hán: phát lộ) cho người khác biết tất cả tội ác mà mình đã tạo từ trước. Đem những tội ác mà mình đã tạo ra như ngu mê, kiêu mạn, ghen ghét, ..., đến trước sư trưởng, bạn đồng tu, nói hết ra cho họ biết, đồng thời bày tỏ sự ăn năn của mình, và thệ nguyện cương quyết sẽ không bao giờ tái phạm, đây gọi là sám. Còn hối có nghĩa là quyết

đoạn trừ những tội ác trong tương lai. Từ hôm nay cho đến mai sau, đối với tất cả mọi hành vi như ngu mê, kiêu mạn, lừa dối, ghen ghét, ..., con nay đã giác ngộ, xin quyết tâm đoạn trừ, nguyện chúng vĩnh viễn không còn phát sinh. Đây gọi là hối. Hai sự kiện này hợp lại gọi là sám hối. Thế nhưng chúng sinh ngu mê, tuy biết sám những tội lỗi đã phạm về trước, nhưng lại không biết phải quyết tâm vĩnh viễn đoạn trừ những lỗi lầm của mình, điều này đưa đến hậu quả là tội ác đã phạm về trước không thể nào hoàn toàn được tiêu trừ, một mặt lại tiếp tục phạm thêm tội ác. Như vậy làm sao có thể gọi là sám hối?

Sau khi giải thích ý nghĩa của sự sám hối, Lục tổ bèn hướng dẫn mọi người phát bốn hoàng thế nguyện:⁵¹

Tự tâm chúng sinh vô biên, thế nguyện độ;

Tự tâm phiền não vô tận, thế nguyện đoạn;

Tự tính pháp môn vô lượng, thế nguyện học;

Tự tính vô thượng Phật đạo, thế nguyện thành.

Kế đến, Lục tổ giải thích ý nghĩa của bốn thế nguyện này:

- Các vị thiện tri thức, tuy hiện nay tôi hướng dẫn các vị phát nguyện "chúng sinh vô biên thế nguyện độ", nhưng các vị không nên hiểu lầm là nương cậy vào tội cứu độ các vị. Các vị thử nghĩ, trong quá khứ có vô lượng vô biên chư Phật xuất thế, tại sao các Ngài không thể độ hết chúng sinh? Bởi vì nếu đã là tự tính thì phải tự độ, cho nên các vị phải tự độ chính mình. Không nên cho rằng chỉ có chúng sinh ngoài tâm mình mới là vô biên, mà chúng sinh trong tâm chúng ta cũng là vô biên, chẳng hạn như tâm tà

kiến, tâm lừa dối, tâm ác độc, tâm ghen ghét, tâm ngu mê, ..., tức là vô lượng vô biên chúng sinh ở trong tâm chúng ta. Nếu muốn độ những chúng sinh này, chỉ có sự tự nương tựa vào chính mình, còn người khác không thể nào giúp mình được. Tự tính tự độ có nghĩa là đem chính kiến độ tà kiến, đem giác ngộ độ mê chấp, đem trí tuệ độ ngu si, đem niệm thiện độ niệm ác, ... Đem đại trí tuệ Bát nhã ra phá trừ những chúng sinh mê muội trong tâm này, làm cho mỗi chúng sinh đều có thể đạt đến trình độ là mỗi người đều tự độ mình, đây mới gọi là sự cứu độ chân thực.

Lại nữa, "phiền não vô tận thế nguyện đoạn" có nghĩa là gì? Tức là đem tự tính trí tuệ Bát nhã của mình trừ diệt cái tâm hư vọng điên đảo. Nếu được như vậy, tức là vô tận phiền não tự nhiên sẽ bị đoạn trừ.

Còn "pháp môn vô lượng thế nguyện học" là thế nào? Tức là chúng ta phải tự mình quán soi cái tự tính của mình, lúc nào cũng y theo chính pháp mà hành động. Đây mới gọi là sự tu học Phật pháp chân chính.

Nếu các vị có thể thực hành ba điều trên một cách xác thực, hơn nữa thường y theo Phật pháp mà thực hành, đối với sự mê muội, cùng sự giác ngộ đều không chấp trước, làm cho trong tâm thường tràn đầy trí tuệ Bát nhã, không chỉ trừ khử vọng tưởng, mà cũng không chấp trước "chân thực" (chân, vọng đều không chấp), bởi vì Phật tính không chấp trước vào bất cứ vật nào. Như vậy, không bao lâu sẽ thấy được Phật tính, và khi đó có thể thành tựu Vô thượng Phật đạo. Cho nên phải biết, các vị hôm nay phát nguyện "Vô thượng Phật đạo thế nguyện thành", không thể chỉ nói

⁵¹ Bốn hoàng thế nguyện: bốn lời thế nguyện lớn.

bằng miệng, mà lúc nào cũng phải nhớ đến thệ nguyện của mình, và theo đó mà nỗ lực thực hành.

Sau khi hướng dẫn mọi người phát bốn hoàng thệ nguyện xong, Lục tổ kể đó truyền giới "vô tướng tam qui y". Giới "vô tướng tam qui y" là thế nào? Tức là qui y Giác (Phật), lưỡng túc tôn; qui y Chánh (Pháp), ly dục tôn; qui y Tịnh (Tăng), chúng trung tôn. Lục tổ không những khuyến khích mọi người nên lấy sự giác ngộ (Phật) làm thầy, mà còn khuyến dụ họ nên dùng sự qui y tự tính Tam bảo này để chứng nghiệm rằng mình có quyết tâm đoạn trừ sự mê tín vào tà ma ngoại đạo hay không.

Lục tổ giải thích như sau:

- Tự tính Tam bảo có nghĩa gì? Tức là chỉ cho tự tính Phật bảo, tự tính Pháp bảo, và tự tính Tăng bảo. Phật có nghĩa là sự giác ngộ, Pháp có nghĩa là sự chân chính, Tăng có nghĩa là sự thanh tịnh. Một người, nếu tâm mình đã qui y Giác (Phật), tức không còn tà vạy mê muội, mà muốn ít biết đủ (thiếu dục tri túc), do đây mà rời xa sự dục dõ, mê hoặc của tài sắc danh vọng, đạt được phúc tuệ đầy đủ cho nên gọi là lưỡng túc tôn. Nếu tâm mình đã qui y Chánh (Pháp), tự nhiên không còn tà niệm, không những xa rời tà kiến, mà cũng không còn những sự chấp trước như ích kỷ, ngã mạn, tham ái, ... Nhân vì sự qui y chính là một phương pháp quý báu để xa lìa sự tham dục cho nên gọi là ly dục tôn. Nếu tâm mình đã qui y Tịnh (Tăng) thì tất cả những việc trần tục thế gian, nguyên nhân sinh ra những phiền não, ái dục, ..., sẽ không còn trói buộc mình được nữa. Tự tính không ô nhiễm, có thể nhận được sự tôn trọng, cung kính của chúng sinh cho nên gọi là chúng trung tôn. Nếu có thể y

theo những phương pháp vừa nói trên mà tu hành thì đây là ý nghĩa của sự tự qui y.

Rất tiếc, những kẻ phàm phu không hiểu cái ý nghĩa này và đều cho rằng Tam bảo Phật Pháp Tăng là những hình thức bên ngoài mà chúng ta thấy được, biết được⁵², mà quên mất cái tự tính Tam bảo trong tâm của mình. Kết quả là có rất nhiều người đi khắp nơi thọ qui y Tam bảo, rốt cuộc chỉ qui y cái hình thức bề ngoài mà quên mất sự qui y quan trọng nhất là qui y tự tính Tam bảo trong tâm mình. Nếu như chúng ta chỉ qui y Tam bảo trên hình thức thế gian, thử hỏi các vị, Đức Phật mà các vị qui y đó đang ở chỗ nào? Ngay đến Phật ở chỗ nào cũng không biết, như vậy chúng ta đang qui y với ai? Đây không phải là đã phạm tội vọng ngữ rồi hay sao? Bởi thế, các vị phải nên dụng tâm quán sát kỹ lưỡng, tuyệt đối không nên hiểu lầm ý nghĩa này. Trong kinh nói rõ ràng là muốn chúng ta qui y tự Phật (Phật của chính mình), chứ không muốn chúng ta qui y tha Phật (Phật ở ngoài mình). Nếu ngay cả Đức Phật tự tính của mình mà mình không biết qui y thì còn chỗ nào để mình qui y? Cho nên từ đây về sau, xin các vị qui y Tam bảo trong tự tâm mình. Quay vào, phải điều phục tự tâm mình; quay ra, phải tôn trọng người khác. Như thế mới có thể gọi là tự qui y.

Sau khi đã qui y tự tính Tam bảo rồi, bây giờ các vị lắng nghe, tôi sẽ giảng cho các vị ý nghĩa của "nhất thể tam thân tự tính Phật", giúp cho các vị có thể nhìn thấy tự tính

⁵² Tức là Trụ trì tam bảo: Phật (hình tượng, xá lợi ...), pháp (kinh điển ...), tăng (tức là các vị xuất gia thọ giới ...).

tam thân, hiểu rõ tự tính giác ngộ của mình. Xin các vị lặp lại lời tôi nói:

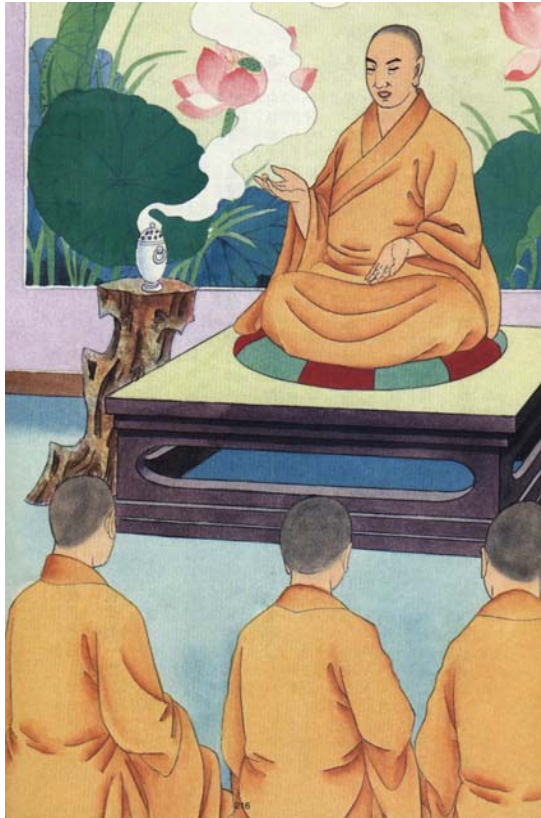
Từ sắc thân mình, qui y thanh tịnh pháp thân Phật

Từ sắc thân mình, qui y viên mãn báo thân Phật

Từ sắc thân mình, qui y thiên bách ức hóa thân Phật.

Các vị thiện tri thức, cái sắc thân (thân thể) này, giống như cái nhà của chúng ta, cho nên không thể nói là qui y sắc thân. Còn ba thân Phật: pháp thân, báo thân, hóa thân, xưa nay vẫn có sẵn trong tự tính của chúng ta. Mọi người trên thế gian đều có Phật tính này, chỉ vì họ mê chấp không hiểu,

không biết trong thân mình vốn đã có Phật, cho nên mới chạy đi tìm Đức Phật ở ngoài. Sự thực, ba thân Phật này là từ tự tâm của chúng ta hiển hiện, không thể tìm được từ bên ngoài.



Kể đến, các vị nên chú ý nghe tôi giải thích, các vị sẽ biết rằng tự mình có thể tìm được ba thân Phật này trong tự tâm của mình. Trước hết, thế nào là Thanh tịnh Pháp thân Phật? Tâm tính của chúng ta xưa nay vốn thanh tịnh không nhiễm, tất cả các pháp đều do cái tự tính này tùy nhân duyên sinh ra. Ví như, tâm nếu nghĩ việc ác, kể đó liền sinh ra hành động ác; nếu mà nghĩ đến việc thiện, thì sẽ sinh ra hành động thiện. Các pháp thiện ác tồn tại trong tự tính như vậy, cũng giống như bầu trời xưa nay vốn quang đãng, mặt trời mặt trăng xưa nay vốn sáng soi, nhưng vì bị mây đen che lấp, mà tạo thành hiện tượng trên sáng dưới tối (ví cho tự tính trong sáng, còn tâm thì nhiễm ô). Nếu bỗng nhiên có một trận gió thổi ngang làm mây tan đi thì bầu trời sẽ trở lại tình trạng trên dưới đều sáng (ví cho sự giác ngộ). Trí tuệ của chúng ta cũng giống như mặt trời mặt trăng; nếu chúng ta đắm mê cảnh vật thế gian, thì tự tâm sẽ bị mây đen vọng niệm che lấp, làm cho trí tuệ bị bao phủ bởi sự đen tối. Giả sử lúc đó có thiện tri thức đến khuyên răn dẫn dắt, giảng cho nghe chân lý chánh pháp, trừ khử vọng niệm mê chấp trong tâm, thì mây đen sẽ bị thổi tan, và tự nhiên trong ngoài đều sáng suốt, tất cả các pháp trong tâm sẽ hiện ra một cách rõ ràng. Kể kiến tính cũng giống như vậy, cho nên gọi là Thanh tịnh Pháp thân Phật.

Vì thế, qui y tự tâm là muốn chỉ đến sự qui y Phật tính vốn có của mình, đây mới là sự qui y chân thực. Ý nghĩa của chữ "tự qui y" là sự trừ diệt những sự bất thiện trong tâm tính của mình, chẳng hạn như tâm ghen ghét, tâm dua nịnh, cùng những hành vi bất thiện khác. Thường



thường nên kiểm điểm những lỗi lầm của chính mình, không bàn chuyện thị phi của người khác, nên tỏ ra khiêm tốn, nhân nhượng, hơn nữa, đối với bất cứ kẻ nào cũng đều phải cung kính, tôn trọng. Như thế mới xứng đáng với sự qui y tự tính của chính mình.

Còn Viên mãn Báo thân Phật là gì? Ví như một

ngọn đèn có thể chiếu sáng bóng tối đã từng hiện diện cả ngàn năm; dù chúng ta có bị chìm đắm trong bóng tối của sự ngu si đến cả ngàn năm đi chăng nữa, chỉ cần một luồng ánh sáng trí tuệ chiếu đến, thì bóng tối này sẽ tức thời bị tiêu diệt. Bởi thế, việc gì đã qua hãy để cho nó qua, việc gì chưa xảy ra, thì cũng không nên mơ tưởng hão huyền. Nên để mỗi niệm trong tâm lúc nào cũng viên mãn sáng suốt. Lúc nào cũng có thể thấy được Phật tính vốn có của mình. Thiện và ác tuy khác biệt nhau như trời với đất, nhưng xét kỹ, bản tính của chúng đều không có sai khác. Cái bản tính không khác biệt này gọi là thực tính. Cái thực tính này

không bị thiện ác làm cho nhiễm ô, cho nên gọi là Viên mãn Báo thân Phật. Và lại, thiện ác cũng chỉ trong một niệm. Nếu như trong tâm khởi lên một niệm ác, tuy nhỏ như sợi tơ, cũng đủ tiêu diệt tất cả các phúc báo nhân duyên mà chúng ta đã từng gây tạo từ hàng vạn kiếp. Ngược lại, nếu như trong tâm hiện ra một niệm thiện, dù nhỏ như sợi tơ, thì cũng có thể làm cho tội ác mà chúng ta đã tích tụ nhiều như hàng hà sa bị tiêu diệt không còn dấu vết, một mực cho đến khi chúng ta chứng đắc Vô thượng Bồ đề. Nếu có thể làm sao cho mình trong mỗi niệm đều thấy được tự tính, không còn mê muội mà làm mất đi cái niệm kiến tính này, thì gọi là báo thân.

Còn Thiên bách ức hóa thân là gì? Nếu chúng ta không bám víu vào những việc tạp nhiễm của thế gian, thì tâm tính của chúng ta xưa nay cũng giống như hư không. Nếu như chúng ta khởi lên một niệm suy nghĩ đắn đo thì sẽ sinh ra sự biến hóa. Ví như chúng ta nghĩ đến việc ác thì tự tâm chúng ta biến thành cảnh giới địa ngục. Nếu như chúng ta nghĩ đến việc thiện, thì tự tâm biến thành cảnh giới thiên đường. Lúc suy nghĩ việc độc hại thì tự tâm biến thành cảnh giới của rùng rợn. Suy nghĩ việc từ bi thì tự tâm biến thành cảnh giới Bồ tát. Lúc chúng ta phát sinh trí tuệ thì tự tâm biến thành cảnh giới cõi trời. Lúc chúng ta ngu si mê chấp thì tự tâm biến thành cảnh giới của ba đường ác. Tự tính của chúng ta biến hóa vô cùng. Người ngu si không biết tự phản tỉnh, tự giác ngộ, cho nên thường thường sinh khởi niệm ác, từ niệm ác sinh ra hành động ác. Nếu như biết quày đầu hướng thiện thì trí tuệ Bát nhã sẽ sinh ra, đây gọi là tự tính biến hóa Phật.

Cho nên phải biết, Pháp thân xưa nay vốn có sẵn đủ trong tự tính của mình. Chỉ cần niệm niệm có thể quán soi tự tâm của mình, thì gọi là Báo thân Phật. Từ Báo thân Phật này, không ngừng suy tư, vận dụng trí tuệ, đây gọi là Hóa thân Phật. Tự mình giác ngộ, tự mình tu hành, đây gọi là tự tính công đức, đây gọi là chân thực qui y. Còn thân thể chỉ là sắc thân, giống như cái nhà mà chúng ta đang ở. Nay đã ở trong nhà, tại sao lại còn gọi là qui y? Chỉ cần có thể hiểu rõ ràng trong tự tính mình có đủ ba thân, tức là thấy được tự tính Phật của mình.

Tôi có một bài tụng vô tướng, tặng cho các vị. Nếu mọi người có thể nhớ kỹ trong tâm, y theo đây mà tu hành thì có thể làm cho ác nghiệp từ vô thủy đến nay nhất thời tiêu diệt. Bài tụng như sau:

Người mê tu phúc, không tu đạo
Cho rằng tu phúc là tu đạo
Bố thí, cúng dường, phúc vô biên
Trong tâm ba ác vẫn còn tạo.
Nghĩ rằng tu phúc để diệt tội
Đời sau được phúc, vẫn còn tội
Trừ gốc tội, nên hướng vào tâm
Nơi tự tính, siêng cầu sám hối.
Nếu gặp pháp sám hối Đại thừa
Trừ tà, cải chánh sẽ hết tội
Học đạo, thường nên quán tự tâm
Tức là có thể đồng chư Phật.
Chư tổ chỉ truyền pháp đốn giáo
Nguyện được kiến tánh, đồng một thể
Nếu muốn tương lai chứng pháp thân

Phải lia hình tướng, rửa nội tâm.
Cần phải nỗ lực, đừng biếng nhác
(Vi) Nếu hơi thở dứt, đời sẽ dứt
Nên hiểu Đại thừa, thấy tâm tính
Chỉ thành cung kính, chấp tay cầu.

Các vị thiện tri thức, các vị nên nhớ kỹ bài tụng vô tướng này, và phải y theo đây mà tu hành. Nếu như có thể nhân đây mà đại ngộ, thấy được chân như bản tính, thì dù các vị có cách xa tôi ngàn dặm, cũng như đang ở bên cạnh tôi. Còn nếu không thể lĩnh ngộ, thì dù các vị có ở trước mặt tôi, cũng giống như đang cách xa tôi ngàn dặm. Nếu mà lĩnh ngộ được như thế, các vị cần gì phải lao khổ từ những nơi xa xăm tìm đến đây học tập Phật pháp. Chúc các vị ra về trong thân tâm an lạc.

Mọi người nghe Lục tổ nói xong, không ai mà không khai ngộ. Tất cả đều vui mừng, y giáo phụng hành.



Thiền Ngữ Lục

Pháp Hải hỏi đạo Lục tổ

Thầy Pháp Hải, người huyện Khúc Giang, đất Thiều Châu, đến ra mắt Lục tổ, hỏi:

- Xin ngài chỉ rõ ý nghĩa của câu “Tức tâm tức Phật.”

Lục tổ nói:

- Niệm trước không sinh tức là tâm, niệm sau không diệt tức là Phật; hiện khởi tất cả hình tướng tức là tâm, xa lìa tất cả hình tướng tức là Phật. Nếu ta nói đầy đủ thì không bao giờ hết. Hãy nghe ta nói kệ:

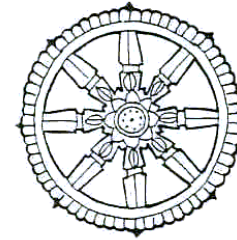
Tức tâm là huệ
Tức Phật là định
Định huệ quân bình
Tâm ý thanh tịnh
Ngộ pháp môn này
Là do tập tính
Dụng vốn không sinh
Song tu là chính⁵³.

Thầy Pháp Hải nghe xong liền khai ngộ, bèn làm kệ tán thán:

Tức tâm vốn là Phật

⁵³ Tức tâm tức Phật nghĩa là tức định tức huệ. Tâm Phật và định huệ là một thể, lìa tâm không có Phật, lìa Phật không có tâm, lìa định không có huệ, lìa huệ không có định, do đó hành giả cần phải định huệ song tu.

Không ngộ nên chịu khuất
Biết định huệ nguyên nhân
Song tu lìa cảnh tướng.



Lạy không sát đất

Thầy Pháp Đạt, người đất Hồng Châu, xuất gia lúc bảy tuổi, thường trì tụng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Một hôm đến ra mắt Lục tổ, lúc lạy xuống đầu không chạm đất. Lục tổ thấy thế liền quở trách:

- Lạy mà đầu không chạm đất thì cũng chẳng khác gì không lạy. Ta biết chắc là thầy đang có một tâm sự khiến cho thầy tỏ vẻ rất tự phụ. Chung quy, việc gì đã khiến thầy tự phụ như vậy?

Pháp Đạt trả lời:

- Tôi đã tụng được ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa!

Lục tổ nghe xong, cười nói:

- Giả như thầy tụng đến một vạn bộ, lĩnh ngộ được ý chỉ của kinh, mà không tỏ ra tự phụ thì mới có thể đến đây học Phật pháp. Hiện nay thầy chẳng qua chỉ tụng được ba ngàn bộ mà đã cống cao ngã mạn, mà lại cũng chẳng hề tự biết lỗi mình. Hãy nghe ta nói kệ:

Lạy để trừ ngã mạn
Sao đầu không chạm đất
Chấp ngã ắt tội sinh

Quên ngã, phước vô lượng.⁵⁴

Lục tổ hỏi tiếp:

- Thầy tên gì?

- Pháp Đạt.

Lục tổ nói:

- Tên Pháp Đạt nghe rất hay. Pháp Đạt nghĩa là thông đạt vạn pháp, nhưng thầy đã thông đạt được pháp gì, nói ta nghe thử?

Kế đó, Lục tổ bèn nói kệ:

Thầy tên là Pháp Đạt

Tuy tụng không ngừng nghỉ

Nhưng chỉ theo âm thanh

Ngộ mới là Bồ tát

Thầy nay có duyên lành

Mới nghe ta nói pháp

Nếu tin Phật vô ngôn⁵⁵

Lời Phật từ miệng phát.

Sau khi xong nghe bài kệ, Pháp Đạt vội vàng sám hối tạ tội, nói:

- Đa tạ Đại sư chỉ điểm, từ đây về sau, con sẽ thay đổi thái độ, dùng tâm khiêm hư cung kính mà đối đãi mọi người. Lúc trước, tuy mỗi ngày con đều đọc tụng Kinh Pháp Hoa, nhưng rất tiếc chưa hiểu rõ nghĩa lý của nó, cho nên trong tâm lúc nào cũng chật chứa nghi ngờ. Đại sư là bậc trí tuệ cao minh, không biết ngài có thể giảng giải ý nghĩa trong kinh cho con được rõ?

Nghe xong, Lục tổ nói:

- Pháp Đạt! Pháp vốn thông đạt, chỉ vì tâm thầy không thông đạt; kinh vốn không có chỗ đáng nghi, chỉ vì

tâm thầy tự sinh nghi. Thầy từ xưa nay chỉ y vào mặt chữ mà tụng niệm, có biết tông thú của kinh là gì hay không?

Pháp Đạt trả lời:

- Căn tính con ám độn, xưa nay chỉ y vào mặt chữ đọc tụng, đâu biết tông thú là gì!

Lục tổ nói:

- Ta không biết chữ, thầy hãy đem quyển kinh ra tụng một lần, ta sẽ giải thích nghĩa lý của kinh.

Pháp Đạt bèn lớn tiếng đọc kinh, đến phẩm Thí Dụ, Lục tổ bảo:

- Ngừng lại! Kinh này vốn dùng nhân duyên xuất thế làm tông thú, dù có nêu lên nhiều thí dụ, nhưng cũng không ngoài ý nghĩa này. Nhân duyên thế nào? Kinh nói: “Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một nhân duyên lớn mà xuất hiện trên đời, đó là tri kiến Phật.” Người đời, ngoài thì chấp tướng, trong thì chấp không. Nếu có thể không chấp vào tướng cũng không chấp vào không thì trong ngoài đều sẽ không bị mê lầm. Nếu thể ngộ được pháp môn này thì trong một niệm tâm sẽ khai mở, đây tức là khai tri kiến Phật. Phật có nghĩa là giác, phân làm bốn môn: khai giác tri kiến, thị giác tri kiến, ngộ giác tri kiến và nhập giác tri kiến. Nếu nghe khai thị mà có thể ngộ nhập tức là giác tri kiến, nghĩa là chân tính vốn có xưa nay sẽ hiển hiện. Thầy phải cẩn thận, không nên hiểu lầm ý nghĩa của kinh, nghe người khác nói ‘khai thị ngộ nhập’ thì liền nghĩ rằng đó là tri kiến của Phật, mà mình không có phần. Nếu hiểu sai như vậy tức là phi báng kinh điển và chur Phật. Chư Phật đã là Phật, đã đầy đủ tri kiến, cần gì đến khai thị? Hiện nay thầy nên hiểu rằng tri kiến của Phật tức là tự tâm của mình, chứ không phải là Phật nào khác. Đại khái là vì tất cả chúng sinh tự che lấp ánh sáng của bản tâm, tham mê trần cảnh, bên ngoài thì bôn ba, bên trong thì rối loạn, cam phận để cho nghiệp duyên lôi kéo, làm phiền chur Phật phải

⁵⁴ Ý Tổ muốn nói sự lễ lạy vốn có mục đích tiêu trừ tập khí cống cao ngã mạn, tăng trưởng tâm khiêm tốn, nhưng tại sao lúc lễ lạy, đầu lại không chạm đất?

⁵⁵ Phật vô ngôn: Đức Phật chưa từng nói lời nào (Kinh Kim Cương).

ra khỏi tam muội, thị hiện thế gian, ân cần khuyên nhắc chúng ta phải nên dứt trừ phiền não, chớ nên tìm cầu bên ngoài thì sẽ chẳng khác gì Phật, cho nên gọi là khai tri kiến Phật. Ta thường khuyên mọi người nên khai tri kiến Phật trong tự tâm mình. Người đời tâm tưởng tà vạy, ngu mê tạo nhiều tội chướng, ngoài miệng thì ngọt ngào, trong tâm thì tà ác, tham sân, ghen ghét, đua nịnh, ngã mạn, hiếp đáp người khác, tổn hại sinh vật, tự khai tri kiến chúng sinh; nếu có thể cải đổi tự tâm, thường phát sinh trí tuệ, quán chiếu tự tâm, dứt ác làm thiện, thì đây là tự khai tri kiến Phật. Thầy nên niệm niệm khai tri kiến Phật, chớ đừng nên khai tri kiến chúng sinh. Khai tri kiến Phật tức là xuất thế, còn khai tri kiến chúng sinh tức là thế gian. Nếu thầy chỉ biết bo bo chấp vào sự tụng niệm, cho rằng đó là tu hành, thì có khác gì con trâu mao mấn tiếc cái đuôi của nó?

Pháp Đạt trả lời:

- Nếu vậy thì chỉ cần hiểu nghĩa mà không cần tụng kinh hay sao?

Lục tổ nói:

- Kinh có lỗi gì, chẳng lẽ nó làm chướng ngại thầy hay sao? Mê ngộ là do người, tổn ích là do mình. Nếu miệng tụng niệm mà tâm làm theo, thì đây tức là mình chuyển kinh. Hãy nghe ta nói kệ:

Tâm mê Pháp Hoa chuyên
Tâm ngộ chuyên Pháp Hoa
Tụng lâu không hiểu ý
Nghĩa lý thành oan gia
Vô niệm là chánh niệm
Hữu niệm, niệm thành tà
Hữu vô đều xả bỏ
Được ngồi bạch ngưu xa.

Pháp Đạt nghe nói, bất giác ứa nước mắt. Lục tổ vừa đọc xong bài kệ, thì thầy ấy liền được đại ngộ, bèn nói với Lục tổ:

- Con từ xưa đến nay chưa từng chuyển Kinh Pháp Hoa mà bị Kinh Pháp Hoa chuyển.

Kể đến hỏi:

- Kinh nói: “Các vị đại Thanh văn, nhần đến các Bồ tát cùng nhau suy lường, cũng không trắc lượng được trí tuệ của Phật.” Hiện nay khiến cho phạm phu chỉ liễu ngộ được tự tâm thì gọi là tri kiến Phật. Nếu không phải bậc thượng căn mà nghe được lời này ắt sẽ sinh tâm nghi ngờ hủy báng. Hơn nữa, kinh nói đến ba loại xe, xe dê, xe trâu và xe trâu trắng lớn (đại bạch ngưu xa) có gì khác biệt hay không. Cúi xin Hòa thượng chỉ dạy.

Lục tổ nói:

- Ý kinh rõ ràng, chỉ vì ông bị mê mờ. Các hành giả ba Thừa không thể trắc lượng trí tuệ Phật, lý do là vì dùng sự suy lường. Suy lường càng nhiều thì càng không trắc lượng được trí tuệ Phật. Đức Phật vốn vì phạm phu chớ không phải vì chư Phật. Nhiều hành giả không hiểu rõ ý này nên đành phải thoái lui khỏi pháp hội. Họ không biết rằng mình đang ngồi trên xe trâu trắng mà vẫn cứ tiếp tục đi tìm ba loại xe kia. Huống chi kinh vẫn có nói rõ: “Chỉ có một Phật thừa, không có các thừa khác, hoặc hai hoặc ba, nhần đến chư Phật dùng vô số phương tiện, các loại nhân duyên, thí dụ, ngôn từ đều là vì muốn diễn đạt một Phật thừa mà thôi.” Tại sao thầy lại không hiểu. Ba xe là giả, chỉ là phương tiện, Nhất thừa là thật, hiện nay hiển bày. Kinh chỉ rõ phương pháp bỏ cái giả quay về cái thực, sau khi đã quay về cái thực, thì tên cái thực cũng không còn. Nên biết tất cả tài sản của ông trưởng giả đều thuộc về thầy, thầy tha hồ hưởng dụng, mà cũng không cần tưởng nghĩ đến cha, hoặc tưởng nghĩ đến con, mà cũng không cần đến

sự tưởng nghĩ, đây gọi là thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Từ kiếp này qua kiếp khác, tay không rời quyển kinh, ngày đêm sáng tối không lúc nào là không trì tụng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Pháp Đạt nghe được lời khai thị của Lục tổ, cảm tháy vô cùng hoan hỷ, bèn đọc kệ tán thán:

Tụng kinh ba ngàn bộ
Một lời Tổ liên quân
Chưa rõ đạo xuất thế
Kiếp nào dứt lụy phiền
Ba xe là quyền biến
Ba thời khéo tuyên dương
Ai ngờ trong nhà lửa
Vốn đã có Pháp vương.

Lục tổ nói:

- Thầy từ nay trở đi có thể được gọi là người khéo tụng kinh.

Sau khi lĩnh thọ ý chỉ thâm sâu của Lục tổ, Pháp Đạt vẫn tiếp tục siêng năng tụng kinh không dứt.



Ba thân bốn trí

Thầy Trí Thông, người vùng An Phong, đất Thọ Châu, đã đọc qua Kinh Lăng Già hơn ngàn lần mà vẫn

chưa hiểu rõ ý nghĩa của ba thân bốn trí bèn tìm đến thỉnh cầu Lục tổ giải thích. Lục tổ nói:

- Ba thân tức là pháp thân, báo thân và hóa thân. Trong đây, Thanh tịnh pháp thân tức là Phật tính vốn có của chúng ta, Viên mãn báo thân tức là trí tuệ, còn Thiên bách ức hóa thân tức là hành vi. Ba thân này chỉ là những danh từ giả lập, mục đích là để chỉ dẫn cho những người chưa hiểu rõ. Nếu chúng ta xa lìa bản tính để bàn về ba thân thì chẳng khác gì có thân mà không có trí; chỉ cần hiểu rõ ba thân này đều từ một tự tính phát sinh, chứ không phải mỗi thân đều có tự tính riêng biệt, thì có thể liễu ngộ bốn trí Bồ đề, tức là đại viên kính trí, bình đẳng tính trí, diệu quán sát trí và thành sở tác trí. Hãy nghe ta nói kệ:

Tự tính đủ ba thân
Phát sinh thành bốn trí
Không lìa duyên thấy nghe
Siêu nhiên lên Phật địa
Ta nay nói thầy nghe
Tin sâu dứt mê hoặc
Đừng học kẻ truy cầu
Chỉ bàn suông Bồ đề.

Trí Thông nghe xong, hỏi tiếp:

- Xin ngài giải thích thêm về ý nghĩa của bốn trí.

Lục tổ nói:

- Chẳng phải ta đã nói với thầy rồi hay sao? Chỉ cần thầy lĩnh hội ý nghĩa của ba thân, thì tự nhiên sẽ hiểu rõ ý nghĩa của bốn trí, tại sao thầy lại còn hỏi ta về ý nghĩa của bốn trí. Lý khai ba thân mà bàn bốn trí thì gọi là có trí mà không có thân. Giả như thầy có miễn cưỡng làm ra vẻ hiểu rõ, cũng không được lợi ích gì cả. Tuy nói có trí nhưng so với kẻ vô trí cũng không có gì khác biệt.

Lục tổ bèn nói kệ:

Đại viên kính trí tính thanh tịnh

Bình đẳng trí tâm không bệnh
Diệu quán sát trí không phân biệt
Thành sở tác trí không chấp trước
Các thức làm nhân quả cho nhau
Chỉ là tên gọi, không thực tính
Nếu như không chấp vào cảnh giới
Bất cứ nơi nào đều vô ngại.

Trí Thông nghe xong bài kệ, thể ngộ được trí tuệ
trạm nhiên nơi bản tính, liền làm một bài kệ dâng lên Lục
tổ:

Ba thân là bốn thể
Bốn trí là tâm sáng
Thân trí đều vô ngại
Tùy cảnh mà hiển hiện
Mông tâm đều là vọng
Trụ tâm cũng chẳng chân
Nhờ Tổ mà hiểu đạo
Bỏ việc bàn luận xuống.



Trí Thường hỏi đạo Lục tổ

Thầy Trí Thường, người huyện Quý Khê, đất Tín Châu (tỉnh Giang Tây), xuất gia từ nhỏ, một lòng mong cầu khai ngộ. Một hôm, Trí Thông đến hỏi đạo, Lục tổ bèn hỏi:

- Thầy từ nơi nào đến, muốn cầu điều gì?

Trí Thường trả lời:

- Gần đây con có đến chỗ Hòa thượng Đại Thông ở núi Bạch Phong, đất Hồng Châu, khẩn cầu giải thích ý nghĩa của việc kiến tính thành Phật, thế nhưng trong tâm vẫn còn nhiều nghi vấn chưa được giải quyết. Hôm nay con từ xa đến đây đánh lễ Đại sư, cốt mong ngài từ bi khai thị để con hiểu rõ vấn đề này.

- Hòa thượng Đại Thông đã nói gì với thầy, hãy nói lại cho ta nghe.

- Con đến chỗ Hòa thượng Đại Thông, ở đó ba tháng, nhưng vẫn chưa được nghe Hòa thượng khai thị hoặc dạy dỗ điều gì. Sau đó vì tâm cầu đạo tha thiết, không thể nhẫn nại thêm được, một hôm con bèn một mình tìm đến phương trượng để thỉnh cầu Hòa thượng chỉ bảo đạo lý về tâm tính. Hòa thượng bảo con:

- Thầy có thấy hư không hay không?

- Dạ có.

Hòa thượng Đại Thông lại hỏi:

- Thầy thấy hư không cũng có hình tướng, phải không?

Con trả lời:

- Hư không vô hình, làm gì có hình tướng?

Hòa thượng Đại Thông bèn nói với con:

- Đúng vậy, bản tính của thầy cũng giống như hư không, không có vật gì có thể thấy được, cũng không có vật gì có thể nhận biết, điều này mới là sự hiểu biết chân chính. Không có sự phân biệt màu sắc dài ngắn mà chỉ thấy bốn nguyên thanh tịnh, giác thể tròn đầy trong sáng, đây gọi là kiến tánh thành Phật, cũng gọi là tri kiến Như Lai.

Con tuy nghe Hòa thượng Đại Thông khai thị như vậy, nhưng rốt cuộc vẫn không hiểu rõ ý nghĩa của ngài

muốn nói, thành thử hôm nay con khẩn cầu Đại sư từ bi khai thị cho con được rõ.

Lục tổ Đại sư nghe xong bèn nói:

- Cái mà Hòa thượng Đại Thông nói vẫn còn bao hàm tri kiến, cho nên mới khiến cho thầy khó hiểu. Bây giờ ta đọc cho thầy nghe một bài kệ:

Không thấy pháp, còn cái “vô kiến”
Giống như mây che khuất mặt trời
Không biết pháp, nhưng vẫn “biết không”
Giống như bầu trời sinh điện chớp
Chỉ cần tạm khởi tri kiến đó
Nhận lầm, chưa từng biết phương tiện
Nếu như tự biết mình thấy sai
Trí tuệ linh quang sẽ hiển hiện.

Trí Thường nghe xong bài kệ của Lục tổ, liền buông bỏ tất cả nghi ngờ, đồng thời làm một bài kệ:

Vô có sinh tri kiến
Chấp tướng cầu Bồ đề
Tâm còn một niệm “ngộ”
Làm sao vượt khỏi “mê”
Tự tánh giác xưa nay
Uông theo dòng sinh tử
Nếu như không gặp Tổ
Vẫn còn chấp hai đầu⁵⁶.

Một hôm, Trí Thường hỏi Lục tổ:

- Lúc Đức Phật giảng Kinh Pháp Hoa đã từng ví dụ Thanh văn thừa như xe dê, Duyên giác thừa như xe hươu, Bồ tát thừa như xe trâu, thế nhưng sau đó lại còn thêm xe trâu trắng lớn để ví dụ cho Tối thượng thừa. Con thực sự vẫn chưa hiểu rõ, cúi xin Tổ sư từ bi khai thị.

Lục tổ nói:

⁵⁶ Hai đầu, tức là “vô kiến” và “biết không (không tri)”.

- Thầy nên hồi quang phản chiếu bản tâm của chính mình, không nên hướng ngoại tìm cầu, chấp trước pháp tướng bên ngoài. Phật pháp xưa nay vốn không có sự phân biệt bốn thừa như vậy, chỉ do tâm người tu khởi lên những sự phân biệt mà thành ra có (bốn thừa). Chỉ biết thấy nghe tụng niệm, đó là hạng Thanh văn thừa; có thể liễu ngộ, giải nghĩa Phật pháp, đó là hạng Duyên giác thừa; có thể xác thực y vào pháp tu hành, đó là hạng Bồ tát thừa; còn hạng Tối thượng thừa phải là những bậc thấu rõ vạn pháp, đầy đủ vạn pháp, không bị nhiễm ô, lia các pháp tướng, không bị dính mắc vào bất cứ pháp nào. Hành giả Tối thượng thừa chuyên trọng thực hành, chứ không phải chỉ đấu khẩu tranh luận nghĩa lý. Bởi vậy thầy cần phải y vào pháp mà hành động, siêng năng tu hành, không cần phải hỏi nhiều, mà ta cũng không tu thể cho thầy được. Trong bất cứ lúc nào, tự tính như như bất động, phải biết rõ ràng tâm thái của mình đang chuyển biến như thế nào.

Trí Thường nghe xong, vô cùng hoan hỷ, từ đó theo làm thị giả cho Lục tổ mãi đến trọn đời.



Chí Đạo hỏi đạo Lục tổ

Thầy Chí Đạo, người huyện Đông Hải, tỉnh Quảng Đông, đến thỉnh giáo Lục tổ:

- Con từ lúc xuất gia đến nay nghiên cứu Kinh Niết Bàn cũng đã mười mấy năm, nhưng vẫn chưa hiểu rõ đại ý

của kinh, ngưỡng mong Đại sư từ bi khai thị cho con được rõ.

Lục tổ nghe xong bèn hỏi:

- Thầy không hiểu chỗ nào?

Chí Đạo trả lời:

- Trong kinh có một bài kệ nói: “Các hành vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là lạc.” Đây là chỗ con không hiểu.

Lục tổ hỏi lại:

- Mấy câu kệ này ý nghĩa rất rõ ràng, tại sao thầy vẫn còn nghi ngờ không hiểu?

Chí Đạo trả lời:

- Tất cả chúng sinh đều có hai thân, tức là sắc thân và pháp thân. Chúng ta đều biết rằng sắc thân không trường tồn, là vật vô thường, có sinh có diệt, nhưng pháp thân thì vĩnh viễn tồn tại, vô tri vô giác. Kinh nói: “Sinh diệt diệt rồi, tịch diệt là lạc”, không biết có phải là chỉ cho sắc thân tịch diệt và pháp thân thọ lạc, hay là chỉ cho pháp thân tịch diệt và sắc thân thọ lạc? Nếu nói pháp thân thọ lạc, thì lúc sắc thân do tứ đại hòa hợp bị phân tán, trên nguyên tắc chỉ toàn thống khổ, làm gì có sự khoái lạc? Hơn nữa, lúc pháp thân tịch diệt, chúng ta biến thành tựa hồ cỏ cây gỗ đá, làm gì có thể thọ lạc? Có thể nói như vậy: pháp tính là bản thể của sắc thân sanh diệt, bản thể này xuyên qua tác dụng của ngũ uẩn (sắc thọ tưởng hành thức) mà hiển bày hiện tượng sanh diệt. Nói cách khác, bản thể làm nhân cho năm loại tác dụng của ngũ uẩn, mà phát sinh hiện tượng sinh diệt không ngừng. Sinh là do bản thể nương vào sắc thân mà khởi động tác dụng của ngũ uẩn, còn diệt tức là sau khi sắc thân bị diệt vong, năm uẩn ngừng dứt các hoạt động. Giả như có đời sau, thì các chúng sinh hữu tình tuy sinh nhưng không phải là vĩnh viễn sinh, tuy diệt cũng không phải là vĩnh viễn diệt. Như

vậy sinh diệt không ngừng chẳng phải cũng đồng như không ngừng không diệt hay sao? Lúc đó làm sao có thể giải thích ý nghĩa “tịch diệt là lạc”? Nếu như không có chúng sinh, thì lúc sắc thân tịch diệt, ngũ uẩn sẽ vĩnh viễn ngưng bất tác dụng, bản thể sẽ cũng đồng như vật vô tình, không còn bất cứ cảm giác nào. Nếu vậy, sau khi các pháp tịch diệt, sẽ không còn tái sinh, và như thế, cái lạc của “tịch diệt là lạc” sẽ do kẻ nào cảm thọ?

Lục tổ trả lời:

- Thầy là đệ tử Phật, lại là một người xuất gia, làm sao lại có thể học tập cái luận thuyết tà kiến đoạn thường của ngoại đạo, rồi dùng nó để phê phán Phật pháp Tối thượng thừa? Theo như lời thầy nói thì thầy công nhận rằng ngoài sắc thân có pháp thân, ngoài sự sinh diệt có sự tịch diệt, rồi từ đây suy tưởng rằng Niết bàn là một cõi khoái lạc vĩnh hằng, và phải có một cái thân thọ dụng sự khoái lạc này. Thế nhưng sự thực nào có phải như vậy? Thầy nói lên điều này là vì còn đắm mê khoái lạc thế gian, từ quan điểm sinh tử của người thế tục mà đưa ra kiến giải lầm lạc. Đức Phật đã sớm biết sự kiện này sẽ xảy ra, cho nên ngài đã tiên đoán rõ ràng là các phàm phu mê muội đều nhận lầm rằng cái hiện tượng sinh khởi bởi sự hòa hợp của ngũ uẩn sắc thọ tưởng hành thức là hình tướng sắc thân của mình, đồng thời phân biệt những sự vật ngoài thân đều là tướng mạo của tất cả trần duyên bên ngoài, do đây mà tham sống sợ chết, tâm niệm lúc nào cũng tùy theo sự vật bên ngoài mà thi vi tạo tác, mà hoàn toàn không hiểu rằng cuộc đời đều chỉ là giấc mộng, là huyễn hóa, là bèo bọt, là ảo ảnh, cho nên đã oan uổng thọ nhận sự đau khổ trong sáu nẻo luân hồi mà không tự biết. Tệ hơn nữa, lại còn nhân đây mà cho rằng Niết bàn là một sự kiện thống khổ, do đó mà hướng ngoại bấn rộn tìm cầu những khoái lạc thế gian.

Đức Phật chính vì thương xót những chúng sinh mê muội này cho nên mới thị hiện cho chúng ta biết sự chân lạc của niết bàn, trong sự chân lạc Niết bàn, dù trong một sát na, chúng ta cũng không thấy được tướng sinh hoặc tướng diệt, huống hồ là có sự sinh diệt. Lúc đó, cảnh giới hiện tiền tức là sự tịch diệt Niết bàn, mà hơn nữa cảnh giới hiện tiền đó cũng không thể nào trắc lượng, không có sự phân biệt không gian lớn nhỏ, thời gian dài ngắn, đây mới có thể gọi là cảnh giới thường tịch. Cảnh giới thường tịch này không có kẻ tiếp thọ, cũng không có kẻ không tiếp thọ, và đương nhiên sẽ không xuất hiện tác dụng của năm uẩn sắc thọ tướng hành thức. Còn như thầy cho rằng Niết bàn là một pháp khiến cho tất cả pháp ngưng bật, khiến cho sinh mệnh không còn sinh khởi trở lại, thì đó là sự sai lầm của phàm phu, trên căn bản đó là sự hủy báng Phật pháp. Hãy nghe ta đọc kệ:

Đại niết bàn vô thượng
 Tròn sáng thường tịch chiếu
 Phàm phu cho là chết
 Ngoại đạo cho là đoạn
 Còn hành giả Nhị thừa
 Cho đó là vô tác
 Đều là sự chấp trước
 Gốc của mọi kiến chấp
 Vọng lập tên hư giả
 Nào phải nghĩa chân thực
 Chỉ có bậc đại nhân
 Thông đạt, không thủ xả
 Vì biết pháp năm uẩn
 Và ngã trong năm uẩn
 Các sắc tướng ở ngoài
 Tất cả tướng âm thanh
 Đều giống như huyễn mộng

Không khởi mọi kiến giải
 Dứt kiến giải Niết bàn
 Cùng nhị biên, tam tế
 Tuy khởi các diệu dụng
 Không chấp vào công dụng
 Tuy phân biệt các pháp
 Cũng không chấp phân biệt
 Dù kiếp hỏa thiêu tận
 Gió thổi sập Tu di
 Chân thường tịch diệt lạc
 Tướng Niết bàn vẫn thế
 Nay miễn cưỡng nói năng
 Khiến cho bỏ tà kiến
 Chớ chấp vào ngôn từ
 Sẽ biết được ít phần.

Chí Đạo nghe Lục tổ đọc xong bài kệ liền được đại khai ngộ, vui mừng hơn hờ cúi lạy Lục tổ rồi cáo lui.



Thiền sư Hành Tư

Thiền sư Hành Tư, họ Lưu, người huyện An Phúc, tỉnh Giang Tây, xuất gia từ nhỏ. Nghe đồn Lục tổ đang ở Tào Khê hoảng dương Phật pháp rất hưng thịnh, không tiền khoáng hậu, cho nên đã tìm đến hỏi đạo. Hành Tư hỏi Lục tổ:

- Làm thế nào để không rơi vào giai cấp?

Lục tổ nghe xong bèn hỏi ngược lại:

- Thầy trước khi đến đây đã làm những sự việc gì?

Hành Tư trả lời:

- Ngay cả Tứ thánh đế tôi cũng không làm.

Lục tổ bèn hỏi:

- Như vậy, thầy nghĩ là rơi vào giai cấp nào?

Hành Tư trả lời:

- Ngay cả tứ thánh đế tôi còn không làm, làm sao có giai cấp nào?

Lục tổ nghe câu trả lời, biết Hành Tư là một người có tài năng bản lãnh, bèn vô cùng quý trọng, phong cho Hành Tư làm thủ tòa, phụ trách việc giảng giải giáo lý cho đại chúng.

Một hôm, Lục tổ nói với Hành Tư:

- Thầy nên đến một nơi khác hoằng dương Phật pháp, tuyệt đối không nên để cho Phật pháp đoạn tuyệt.

Sau khi được truyền tâm ấn, Hành Tư trở về núi Thanh Nguyên ở Cát Châu để hoằng dương Phật pháp, hóa độ không biết bao nhiêu chúng sinh. Đến đời Đường Hy Tông, vua phong cho Hành Tư húy hiệu là Thiền sư Hoằng Tế.



Thiền sư Hoài Nhượng

Thiền sư Hoài Nhượng, họ Đỗ, người huyện An Khang, tỉnh Thiểm Tây. Thoạt tiên, Hoài Nhượng đến yết

kiến Quốc sư Huệ An ở núi Tung Sơn, nhưng Quốc sư lại muốn ngài đến Tào Khê học với Lục tổ Huệ Năng. Hoài Nhượng bèn đến Tào Khê ra mắt Lục tổ, thành kính đánh lễ. Lục tổ hỏi:

- Thầy từ đâu đến?

Hoài Nhượng trả lời:

- Từ Tung Sơn đến.

Thế nhưng Lục tổ lại đưa ra một câu hỏi kỳ quái:

- Vật gì? Làm thế nào đến?

Thiền sư Hoài Nhượng là một người căn cơ cao, vừa nghe xong câu hỏi liền hiểu ý của Lục tổ, bèn trả lời:

- Nếu ngài nói đó là một vật thì không trúng.

Lục tổ hỏi tiếp:

- Có thể tu hành chứng đắc Phật quả không?

Hoài Nhượng trả lời:

- Tu chứng thì chẳng phải không, nhiễm ô thì không thể được.

Lục tổ nói:

- Nói rất hay! Chỉ có cái không bị nhiễm ô thì mới được chur Phật hộ niệm. Thầy cũng như thế, mà ta cũng như thế. Tổ Ấn Độ thứ hai mươi bảy Bát Nhã Đa La đã từng dự đoán: “Ngày sau trong các học trò của thầy (Hoài Nhượng) sẽ có một nhân vật kiệt xuất (Mã Tổ Đạo Nhất), biện tài vô ngại, trí tuệ rộng lớn, trong tương lai khi hoằng pháp sẽ chiết phục nhiều pháp sư khác làm cho họ bội phục.” Thầy nên tạm thời cất giữ lời tiên đoán này trong tâm, và không nên cho ai biết.

Hoài Nhượng nghe xong, do tức căn trí tuệ từ đời trước, liền lãnh hội thấu triệt lời Tổ nói. Từ đó ngài theo bên hầu hạ Lục tổ trước sau khoảng mười lăm năm, thể ngộ đạo lý Thiền tông càng ngày càng tinh thâm. Sau đó, Hoài Nhượng rời Tào Khê đến núi Hành Sơn Nam Nhạc, phát huy rộng rãi Thiền tông. Vào tháng tám năm Thiên

Bảo thứ ba (744), Hoài Nhượng viên tịch tại Hành Sơn. Triều đình truy phong húy danh ngài là Đại Tuệ Thiên Sư.



Huyền Giác hỏi đạo Lục tổ

Thiền sư Huyền Giác, họ Đái, người đất Ôn Châu, từ nhỏ đã nghiên cứu kinh luận, đặc biệt tinh thông pháp môn Thiên Thai Chỉ quán; sau đó nhân đọc Kinh Duy Ma Cát mà thấu rõ pháp môn tâm địa (được khai ngộ). Toàn vùng Giang Tô Triết Giang, không ai sánh kịp học vấn và công phu tu trì của ngài. Một hôm, trong một dịp ngẫu nhiên, một đệ tử của Lục tổ là Huyền Sách đến thăm, hai người cùng nhau đàm đạo Phật pháp. Trong lúc trao đổi quan điểm, Huyền Sách cảm nhận những điều mà Huyền Giác trình bày khế hợp với tông chỉ Thiên tông, bèn hỏi:

- Thầy học Phật pháp ở đâu, đắc pháp với vị nào?

Huyền Giác trả lời:

- Lúc trước, tôi học kinh điển Đại thừa đều là nghe các vị pháp sư giảng giải, không phải tự học. Sau khi đọc Kinh Duy Ma Cát, tôi mới sáng tỏ tông chỉ của Phật pháp, hiểu rõ yếu chỉ “chỉ thẳng vào tâm, kiến tánh thành Phật” của Thiên tông. Nhưng đó chỉ là cảm nhận cá nhân, chưa biết đúng hay sai, hiện nay cũng chưa gặp được vị thiện tri thức thích đáng để ấn chứng.

Huyền Sách nói:

- Trong kinh nói vào thời cổ sơ, có đức Uy Âm Vương Như Lai thành Phật. Nhân vì trước đó chưa có Phật cho nên người tu hành chỉ có thể tự mình thể ngộ chân lý của Phật pháp, nhưng từ đó về sau, người tu hành nếu tự cho mình thể ngộ mà không có minh sư ấn chứng, thì có thể rơi vào cảnh giới thiên ma ngoại đạo, mà chẳng rõ đó không phải là Phật pháp.

Huyền Giác nghe xong liền nói:

- Vậy thì phiền thầy ấn chứng cho tôi.

Huyền Sách nói:

- Không được. Tôi chưa đủ trình độ ấn chứng cho thầy, nhưng tôi biết Đại sư Huệ Năng ở Tào Khê là vị kế thừa y bát của chư vị Tổ sư. Có rất nhiều người cầu đạo đã đến cầu pháp với ngài. Nếu như thầy có ý muốn cầu ngài ấn chứng thì tôi xin phép đi chung.

Huyền Giác bèn theo Huyền Sách đến Tào Khê, lên giảng đường yết kiến Lục tổ Huệ Năng. Chẳng ngờ, khi thấy Lục tổ, Huyền Giác tỏ ra dửng dưng, không hề thi lễ, không cất tiếng chào, mà chỉ đi nhiễu quanh ngài ba vòng, sau đó chống tích trượng đứng một bên. Lục tổ thấy Huyền Giác có thái độ ngạo mạn, bèn nói:

- Theo như tôi biết, người xuất gia cần phải có đủ ba ngàn uy nghi, tám muôn tế hạnh. Xin hỏi thầy từ đâu đến mà có thái độ ngạo mạn như vậy?

Huyền Giác trả lời:

- Sinh tử là việc lớn, vô thường lại mau đến. Thời gian tu hành còn không đủ, làm gì có thời gian đánh lễ?

- Thầy đã rõ việc lớn sanh tử, tại sao không lo tu chứng đạo lý vô thường, liễu ngộ sự mau đến này?

- Nếu có thể nhận rõ tự tánh bản lai không có sanh tử, sau khi đã rõ điều này thì sanh tử cũng chẳng có sự nhanh chậm nào đáng nói.

Lục tổ nghe xong, biết Huyền Giác đối với chân lý đã có một sự nhận thức đáng kể, bèn ấn chứng, nói:

- Quả đúng như vậy! Quả đúng như vậy!

Sau một phen đối đáp, Huyền Giác tin rằng Lục tổ đích thực là một bậc minh sư sẵn lòng ấn chứng cho mình, bèn chấn chỉnh uy nghi đỉnh lễ Lục tổ, sau đó từ biệt. Lục tổ thấy thế bèn hỏi Huyền Giác:

- Thầy không có cảm giác là đi nhanh quá hay sao?

Huyền Giác bèn trả lời một cách khéo léo:

- Tự tính xưa nay vốn bất động, làm gì có nhanh chậm?

Lục tổ lại hỏi:

- Ai biết tự tính của thầy là động hay không động?

Huyền Giác trả lời:

- Đây là do ngài còn sinh tâm phân biệt.

Lục tổ nói:

- Thầy quả thật hiểu rõ ý nghĩa vô sinh.

Huyền Giác hỏi ngược:

- Nếu đã là vô sinh, làm gì còn phát sinh ra ý?

Lục tổ trả lời:

- Nếu không có ý, cái gì phân biệt ý nghĩa vô sinh?

Huyền Giác trả lời:

- Tuy có sự phân biệt, nhưng không phải ý phân biệt.

Lục tổ nghe Huyền Giác giảng ý nghĩa vô sinh một cách thấu triệt như vậy, vô cùng hoan hỷ, bèn tán thán:

- Lành thay, lành thay! Thầy giảng thật hay.

Sau đó Lục tổ mời Huyền Giác ở lại chùa Bảo Lâm một đêm. Giai thoại này được lưu truyền rộng rãi, mệnh danh là “nhất túc giác”, nghĩa là “ở một đêm thì được giác ngộ”.

Hôm sau, Huyền Giác trở về Vĩnh Gia, rộng giảng dương Phật pháp, và đã sáng tác một tác phẩm nổi tiếng là Vĩnh Gia Chứng Đạo Ca. Sau khi viên tịch, Huyền Giác

được triều đình ban tặng húy hiệu là Vô Tướng Đại Sư, còn người đời tôn xưng ngài là Chân Giác Thiền Sư.



Thiền sư Trí Hoàng

Thiền sư Trí Hoàng, ban đầu học Phật pháp với tổ Hoàng Nhãn, tự cho rằng đã đắc được chân truyền của ngài, bèn dựng một am tranh sơ sài để dụng công tọa thiền. Tương truyền Trí Hoàng thường ngồi không nằm khoảng thời gian hai mươi năm. Khi ấy, một đệ tử của Lục tổ là ngài Huyền Sách đang đi du phương, đến vùng Hà Sóc, nghe tiếng của Trí Hoàng bèn đến thăm hỏi. Huyền Sách hỏi:

- Nghe nói thầy ở đây nhập định, xin hỏi sự nhập định là do tâm có ý niệm mà nhập, hay là do tâm không có ý niệm mà nhập? Nếu như không có ý niệm mà nhập thì tất cả các loài vô tình như cỏ, cây, ngói, đá, v.v..., cũng đều đã đắc định, còn nếu có ý niệm mà nhập thì tất cả các loài hữu tình đều đã đắc định.

Trí Hoàng trả lời:

- Đang lúc nhập định, tôi không thấy có ý niệm hay không có ý niệm.

Huyền Sách liền nói:

- Thầy đã không thấy mình có ý niệm “có” hoặc “không”, điều này chứng tỏ thầy đang ở trong trạng thái “định”, thế nhưng tại sao thầy lại có tình trạng nhập định

hoặc xuất định. Nếu có trạng thái nhập định hoặc xuất định phát sinh, chứng tỏ thầy chưa đạt đến trạng thái thiền định mà Đức Thế Tôn đã đề cập đến.

Trí Hoàng nghe xong không biết phải trả lời thế nào, bèn hỏi Huyền Sách:

- Những điều mà thầy vừa trình bày là đã học từ vị Đại sư nào?

Huyền Sách trả lời:

- Thầy của tôi là Lục tổ Huệ Năng, phương trượng chùa Nam Hoa ở Tào Khê.

Trí Hoàng lại hỏi:

- Pháp thiền định của Lục tổ là thế nào?

Huyền Sách trả lời:

- Giáo nghĩa của Lục tổ huyền diệu sâu xa, viên mãn thanh tịnh, bản thể và tác dụng viên dung tự tại, cho rằng năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức tuy tiếp thọ cảnh giới, nhưng pháp đó chỉ là huyền, bản chất là không; sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp cũng đều do tâm hiển hiện, lìa tâm không còn hiện hữu. Cái tâm này xưa nay chưa hề có sự xuất nhập, mà cũng không có sự phân biệt giữa định và loạn. Sau khi hiểu rõ diệu dụng của bản thể thì sẽ hiểu rõ bản tính của thiền là không sinh không diệt, hơn nữa, không thể khởi tâm vọng tưởng về bản tính của thiền. Ví như tâm chúng ta giống như hư không, nhưng không thể nhận đây mà cho rằng tâm này đồng như hư không, rồi chấp trước vào không.

Trí Hoàng nghe nói chí lý, bèn theo Huyền Sách đến bái kiến Lục tổ. Lục tổ vừa gặp mặt liền hỏi:

- Thầy từ đâu đến?

Trí Hoàng đem đầu đuôi câu chuyện thuật lại cho Lục tổ nghe. Nghe xong, Lục tổ bèn nói:

- Những lời thầy Huyền Sách nói hoàn toàn không sai, chỉ cần tâm thầy có thể như hư không, mà cũng không

chấp vào không, thì có thể ứng dụng vô ngại. Thiền định chân chính là bất cứ trong lúc nào, đi đứng nằm ngồi đều bảo trì sự vô tâm này, mà trong tâm cũng không nên khởi lên ý tưởng “minh là phạm phu, làm thế nào để có thể trở thành thánh nhân.” Đem tâm đang thấy, vật bị thấy, v.v..., đều gác qua một bên, khiến cho bản tính và tướng trạng dung thông vô ngại, mà trong tâm cũng không vướng mắc một ảnh hưởng nào. Nếu được như vậy, tính tướng đều như như, mới có thể được gọi là thường ở trong định.

Trí Hoàng nghe xong lời khai thị của Lục tổ liền khai ngộ, hồi tưởng hơn hai mươi năm qua ôm chặt kiến chấp “hiểu đạo”, đi ngược với chân lý vô tướng, làm chướng ngại sự ngộ đạo của chính mình, hiện nay nhờ vào sự chỉ điểm của Lục tổ mới có thể hoàn toàn sáng tỏ. Vào đêm đó, tại Hà Bắc, quê nhà của Trí Hoàng, có rất nhiều người nghe trên không trung có tiếng nói rằng: “Hôm nay, thầy Trí Hoàng đã khai ngộ.”

Ít lâu sau, Trí Hoàng từ giả Lục tổ trở về Hà Bắc nỗ lực hoằng dương Phật pháp, tiếp độ giáo hóa rất nhiều người tại gia cũng như xuất gia.



Tranh đoạt y bát

Một hôm, có một thầy tăng đến hỏi Lục tổ:

- Rốt ráo, ai là người được kế thừa y bát của Ngũ tổ Hoàng Mai?

Lục tổ trả lời:

- Người hiểu Phật pháp được.

Vị tăng hỏi tiếp:

- Nếu vậy, có phải Đại sư là người được kể thừa y

bát?

Lục tổ trả lời:

- Ta không hiểu Phật pháp.



Thiền sư Ngoạ Luân

Một hôm, có một thầy tăng đọc bài kệ của thiền sư Ngoạ Luân:

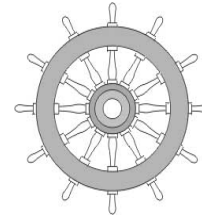
Ngoạ Luân có tài năng
Đoạn trừ mọi vọng tưởng
Đối cảnh tâm không động
Bồ đề ngày tăng trưởng.

Lục tổ Huệ Năng ngẫu nhiên nghe được bài kệ bèn nói với thầy ấy:

- Bài kệ này chưa thấy được đạo (minh tâm kiến tánh), nếu theo bài kệ này tu tập, chỉ e tăng thêm phiền não, tự mình trói buộc chính mình.

Kể đến, ngài bèn đọc một bài kệ:

Huệ Năng không tài năng
Chẳng trừ mọi vọng tưởng
Đối cảnh tâm thường động
Bồ đề chẳng tăng trưởng.



Giặt y bên suối

Một hôm, Lục tổ muốn đem giặt tấm y mà Ngũ tổ truyền trao, thế nhưng những chỗ gần chùa đều không có một con suối sạch để giặt, ngài bèn đi tìm, mãi đến một nơi cách chùa khoảng năm dặm thì thấy một vùng hoa lá xum xuê, tàng ẩn một vàng thụy khí. Lục tổ lấy tích trượng chống xuống đất, tức thời từ nơi đó phụt ra một dòng nước, dần dần tạo thành một cái ao nhỏ. Ngài bèn đến ngồi nghỉ trên một tảng đá để chuẩn bị giặt y.

Lúc ấy, có một vị tăng đến đánh lễ Lục tổ và nói:

- Tôi là Phương Biện, người đất Tây Thục. Đạo trước tại Nam Ấn Độ bái kiến Tổ sư Đạt Ma, ngài bảo tôi mau đến Trung Quốc, bởi vì y bát của Thiền tông mà ngài trao truyền đã đến Tổ đời thứ sáu, hiện nay đang ở Tào Khê, đất Thiều Châu, cho nên ngài muốn tôi đến đánh lễ. Tôi đã không quản đường xa ngàn dặm đến đây, hy vọng được nhìn thấy y bát mà Tổ Đạt Ma đã trao truyền.

Lục tổ bèn đem y bát ra đưa cho Phương Biện xem, đồng thời hỏi thầy ấy có được sở trường nào. Phương Biện trả lời:

- Tôi chuyên tạc tượng Phật.

Lục tổ nghe xong, nghiêm nghị nói:

- Nếu thế xin thầy tạc một bức tượng để tôi xem.

Phương Biện nghe thế cảm thấy bối rối không biết phải làm thế nào. Qua mấy ngày sau, Phương Biện đã tạc



xong một bức tượng của Lục tổ cao khoảng bảy thốn (ba tấc), trông rất tượng hình, ngay những nét vi tế nhất cũng được hoàn thành một cách tỉ mỉ, rõ ràng. Lục tổ sau khi nhìn thấy bức tượng bèn nói với Phương Biện:

- Té ra, thầy chỉ biết rõ cách tạc tượng mà không hiểu rõ Phật tính của mình.

Nói xong, Lục tổ lấy tay xoa đầu Phương Biện và nói:

- Nguyện thầy trong những đời sau vĩnh viễn sẽ làm bậc thầy của trời người, làm nơi bồi dưỡng phước điền cho chúng sanh.

Sau đó, Lục tổ tặng cho Phương Biện một tấm y để thưởng công. Phương Biện bèn phân tấm y làm ba mảnh, một mảnh đắp lên bức tượng, một mảnh giữ lại, còn một mảnh thì chôn xuống đất, nguyện rằng:

- Ngày sau nếu có người được tấm y này thì đó là lúc tôi tái sinh tại nơi này hoàng dương Phật pháp.

Quả nhiên, vài trăm năm sau, vào đời Triệu Tống, năm Gia Hựu thứ sáu (1066), có pháp sư Duy Tiên ở tại nơi đó kiến lập tự viện. Khi đào đất thì tìm được mảnh pháp y mà Phương Biện đã chôn. Tương truyền, khi tắm y được đào lên thì vẫn còn mới tinh nguyên. Đây là chứng cứ cho lời thệ nguyện linh ứng của Phương Biện. Còn bức tượng mà Phương Biện đã tạc cho Lục tổ, sau này được tôn trí tại chùa Cao Tuyền để Phật tử đến tham quan lễ bái, và nghe nói những người đến cầu nguyện đều được rất nhiều sự linh ứng.



Nam Năng Bắc Tú

Đang lúc Lục tổ Huệ Năng tại phương Nam hoàng dương pháp môn Đốn giáo, Đại sư Thần Tú cũng đang hoàng dương Tiệm giáo tại chùa Ngọc Tuyền, vùng Kinh Nam ở phương Bắc. Như thế, vào thời đó Thiên tông bị chia làm hai tông, Nam tông và Bắc tông. Nam tông giảng pháp tu đốn ngộ, Bắc tông giảng pháp tu tiệm ngộ, cả hai đều rất thịnh hành, người đời xưng là Nam Năng Bắc Tú.

Từ lúc phân thành hai tông Nam Bắc về sau, nhiều người muốn học đạo phần lớn không biết phải theo học với tông nào. Theo học Lục tổ? Tuy ngài là người chính thức kế thừa y bát Thiên tông nhưng lại không biết chữ, vả lại những đạo lý mà ngài giảng không hoàn toàn phù hợp với ý nghĩa trong kinh, điều này làm dao động lòng tin của nhiều người; trái lại, ngài Thần Tú ở phương bắc tuy

không được chính thức kế thừa y bát nhưng lại là người học vấn uyên bác, những đạo lý mà ngài giảng đều y cứ vào kinh điển. Vì lý do này nhiều người học đạo trở nên phân vân không biết chọn tông nào.

Đối với vấn đề này, Lục tổ khai thị cho đại chúng, nói:

- Phật pháp xưa nay chỉ có một tông phái, nhưng vì có những người bị quan niệm địa phương hẹp hòi không chế, cho nên mới khởi tâm phân biệt Bắc tông, Nam tông. Hơn nữa, Phật pháp xưa nay cũng chỉ có một loại, tức là pháp môn Bất nhị, nhưng vì kiến giải mỗi người có nhanh, chậm, lợi, độn khác nhau, cho nên phân thành hai loại. Thế nào gọi là độn, tiệm? Phật pháp là pháp môn Bất nhị cho nên không có phân biệt độn, tiệm. Chỉ vì mỗi người căn tính khác nhau, hoặc thông minh, hoặc ngu si, hoặc nhanh nhẩu, hoặc chậm chạp, cho nên thiết lập độn giáo, tiệm giáo khác biệt.

Nhưng những đệ tử của ngài Thần Tú, vì không hiểu đạo lý độn tiệm khác biệt này, nên xem thường Lục tổ Huệ Năng, phê bình rằng:

- Lẽ nào có lý này! Chỉ biết được mấy chữ mà lại làm Tổ là thế nào?

Lời phê bình này chẳng bao lâu được truyền đến tai Thần Tú, ngài liền quở trách đệ tử:

- Tuyệt đối không nên nói như vậy. Tổ Huệ Năng là người đã khai ngộ, thông đạt vô sư trí. Tuy chưa nghe kinh điển, nhưng chỗ chứng đắc của Huệ Năng đã đến cảnh giới Tối thượng thừa. Hơn nữa, tổ Hoằng Nhẫn đã đem y bát truyền trao cho Huệ Năng, chả lẽ ngài đã chọn làm người hay sao? Chắc chắn không có điều này. Ta chỉ hận là không thể tự thân đến Tào Khê học pháp với Huệ Năng. Tuy triều đình phong ta làm quốc sư, nhưng các thầy cũng

không nên lưu luyến nơi này, hãy mau đến Tào Khê thân cận Lục tổ để học hỏi Phật pháp.

Một hôm, Thần Tú bảo đệ tử Chí Thành:

- Con là người thiên tư đỉnh ngộ, thông minh tài trí. Nay ta phải con thay ta đến Tào Khê nghe pháp. Đến đó, bất luận nghe được điều gì đều nên nhớ ghi chép, rồi đem về đây cho ta xem.

Chí Thành theo lời dặn của Thần Tú bèn đến Tào Khê, lẫn vào đại chúng thỉnh cầu Lục tổ khai thị. Chí Thành không tiết lộ thân phận, cũng không cho ai biết là mình từ đâu đến. Nào ngờ Lục tổ ở trước đại chúng lên tiếng:

- Hôm nay có một người đến nghe trộm pháp đang ẩn núp trong đại chúng.

Chí Thành nghe xong kinh hoảng, bèn vội vàng đứng dậy bước ra, đỉnh lễ Lục tổ tạ tội, trình bày lý do đến nghe pháp. Lục tổ bèn nói với Chí Thành:

- Thầy từ chùa Ngọc Tuyền đến, có thể gọi là mật thám.

Chí Thành hoảng hốt giải thích:

- Không phải.

Lục tổ hỏi:

- Tại sao không phải?

Chí Thành trả lời:

- Trước khi đệ tử nói với Tổ mục đích đến đây thì có thể nói là đúng. Còn bây giờ đệ tử đã thẳng thắn phát lộ sám hối, cho nên không thể gọi là mật thám.

Lục tổ gật đầu, nói với Chí Thành:

- Bình thường sư phụ của thầy giảng những gì?

Chí Thành trả lời:

- Sư phụ thường dạy mọi người nên trụ tâm một chỗ để quán tịnh, thường ngồi tĩnh tọa, không nằm.

Lục tổ nghe xong, hướng về đại chúng nói:

- Trụ tâm quán tịnh, đây là thiên bệnh, không phải thiên định, thường ngồi không nằm chỉ là tự mình câu thúc thân tâm, đối với việc tọa thiền đâu có lợi ích gì? Hãy nghe ta nói kệ:

Lúc sống ngồi không nằm
Khi chết nằm không ngồi
Chỉ là bộ xương thối
Làm sao mà dụng công?

Chí Thành nghe xong bài kệ, trong lòng hoan hỷ, hướng Lục tổ lễ tạ, nói:

- Con học với sư phụ Thần Tú đã hơn chín năm, nhưng chưa hề khai ngộ, không ngờ hôm nay chỉ nghe Đại sư đọc vài câu kệ khai thị liền được khế hợp bốn tâm, lãnh hội Phật pháp. Con biết vô thường nhanh chóng, sinh tử là việc lớn, kính thỉnh Tổ sư phát lòng từ bi giảng giải và chỉ dẫn thêm cho con.

Lục tổ bèn nói:

- Ta nghe Đại sư Thần Tú ở phương Bắc dạy về pháp giới định tuệ, nhưng chưa rõ nội dung, xin thầy hãy nói lại cho ta biết.

Chí Thành trả lời:

- Thầy con nói rằng “không làm các điều ác gọi là giới, làm các điều thiện gọi là tuệ, tự tịnh tâm ý gọi là định.” Sư phụ con dạy như thế, nhưng không biết Tổ sư dạy pháp thế nào? Kính mong Tổ sư khai thị cho con được biết những điều mà ngài đã dạy bảo đệ tử.

Lục tổ nói:

- Thật ra ta chẳng có pháp nào hết. Nếu như nói có một pháp cố định nào đó để dạy dỗ, thì đây là lừa dối người khác. Ta chẳng qua là tùy theo tài năng mà chỉ dẫn, tùy theo căn cơ của mỗi người mà dùng các phương pháp khác nhau để dẫn đạo, khiến cho họ buông bỏ sự chấp trước, tháo gỡ sự trói buộc mà thôi. Cái phương pháp này

làm gì có tên gọi? Chỉ có thể tạm gọi nó là tam muội – chánh định hoặc chánh thọ - mà thôi. Những lời dạy về giới định tuệ của Đại sư Thần Tú bất khả tư nghì, nhưng ta đối với giới định tuệ lại có một lối nhìn khác.

Chí Thành nghe xong cảm thấy kỳ quái, tại sao giới định tuệ lại có hai lối giảng khác nhau, bèn hỏi Lục tổ:

- Giới định tuệ là giới định tuệ, tại sao lại có hai lối giảng giải khác biệt?

Lục tổ nói:

- Sư phụ thầy giảng giới định tuệ là dành cho những người căn tánh Đại thừa, còn ta giảng giới định tuệ là dành cho những người căn tánh Tối thượng thừa. Cảnh giới thể ngộ của ta và sư phụ thầy có chỗ khác biệt, cho nên kiến giải có đốn, tiệm, nhanh, chậm không giống nhau. Hiện nay thầy nghe pháp ta đang giảng có giống sư phụ thầy giảng hay không? Pháp ta đang giảng không phải là pháp bên ngoài, mà là tất cả pháp không lìa tự tánh. Xa lìa tự tánh mà thuyết pháp thì gọi là trước tướng, là chấp ngã. Nếu trước tướng chấp ngã thì tự tính sẽ bị điên đảo mê hoặc, không thể hiển hiện. Thầy nên nhớ kỹ rằng tất cả các pháp đều phải từ tự tánh mà sanh khởi tác dụng, đây mới chính là tam học giới định tuệ. Kế đến, ta sẽ nói cho thầy một bài kệ:

Tâm không mê lầm là tự tánh giới
Tâm không mê muội là tự tánh tuệ
Tâm không mê loạn là tự tánh định
Không tăng không giảm tựa như kim cương
Thân đến thân đi đều là tam muội.

Chí Thành nghe xong, một mặt sám hối, một mặt lễ tạ, nhưng trong tâm vẫn chưa quyết chắc sự thể ngộ của mình là đúng hay sai bèn trình lên tổ Huệ Năng một bài kệ:

Thân huyền năm uẩn
Nào phải cứu cánh

Quay về chân như
Chấp là bất tịnh.

Lục tổ gật đầu mỉm cười nói:

- Không sai, kiến giải của thầy là đúng. Sư phụ thầy giảng giới định tuệ là dành cho những người có căn khí tiếp thọ giáo pháp Tiểu thừa, còn ta giảng giới định tuệ là dành cho những người đã đầy đủ căn tánh Đại thừa, đầy đủ đại trí tuệ. Nếu như đã thấu triệt tự tánh thì không có Bồ đề Niết bàn, không có cái gọi là giải thoát, cũng không có cái gọi là tri kiến. Đem tất cả cái này buông bỏ, không bám víu thì mới có thể thành lập vạn pháp. Tuy không có pháp nào, nhưng vạn pháp vẫn hiển nhiên. Nếu có thể thấu rõ đạo lý này thì gọi là đồng với chư Phật, cũng có thể gọi là chứng đắc Bồ đề Niết bàn, lại cũng có thể gọi là giải thoát tri kiến. Nói tóm, thầy gọi nó là gì cũng tốt, chỉ cần hiểu rõ là được. Nếu như không hiểu rõ điều này, thì bất luận gọi nó là gì cũng đều là sai lầm. Những người đã khai ngộ (minh tâm kiến tánh) kiến lập pháp môn để độ chúng sinh cũng được, mà không kiến lập pháp môn cũng được. Bởi vì những người chân chánh khai ngộ đã đạt được sự tự do tự tại đối với sanh tử, đến đi vô ngại, việc cần phải làm, cần phải nói đều tùy duyên hóa độ, tùy cơ nghi mà thuyết pháp, không có một hình thức nhất định. Lúc ấy, có thể nói rằng nơi nào cũng có hóa thân, thế nhưng đi đứng nói năng tất cả đều không lìa chân như tự tánh, mà cũng đã đạt đến thần thông tự tại, du hý tam muội, đây gọi là kiến tánh.

Chí Thành nghe Lục tổ nói xong nhưng vẫn chưa hoàn toàn hiểu rõ bèn hỏi tiếp:

- Con vẫn chưa hiểu rõ ý nghĩa của việc không kiến lập pháp môn, kính xin Tổ giải thích thêm cho rõ.

Lục tổ trả lời:

- Trong tự tánh, không có thị phi, không có si mê, không có thác loạn, mỗi niệm đều là trí tuệ chiếu soi tự

tánh, không chấp trước tất cả pháp tướng, tự do tự tại, tung hoành vô ngại. Trong cảnh giới như vậy thì còn gì để kiến lập pháp môn. Hướng chỉ tự tánh phải do tự mình thể ngộ, chỉ cần tức khắc thể ngộ thì có thể tức khắc tu hành, như vậy còn gì để thuyết pháp theo thứ tự. Căn cứ trên lý do này cho nên ta nói không kiến lập tất cả pháp, tất cả đều là không, làm sao nói đến thứ tự.

Chí Thành nghe xong cảm thấy vô cùng bội phục, gập đầu cúi lạy, phát nguyện ở lại làm người hầu hạ, ngày đêm siêng năng phục dịch cho Lục tổ.



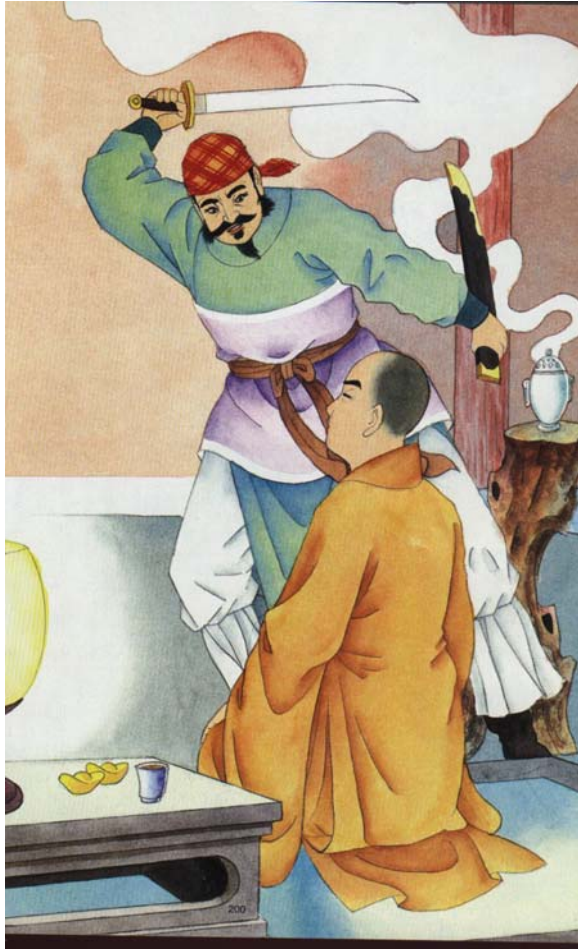
Chánh kiến bất tà

Từ lúc Thiên tông bị phân làm hai phái Nam Bắc, tuy hai ngài Huệ Năng và Thần Tú không có tâm phân biệt, nhưng những đệ tử của Thần Tú đối với Lục tổ khởi tâm đố kỵ và bất mãn. Nhóm đệ tử của Thần Tú có khoảng hơn ngàn người, xưa nay vẫn âm thầm suy tôn Thần Tú là tổ Thiên tông đời thứ sáu, nhưng họ sợ bị thiên hạ phê bình, bởi vì mọi người đều biết rằng y bát Thiên tông đã được truyền trao cho Lục tổ Huệ Năng, vì thế họ đã mượn một thích khách đi đến Tào Khê hành thích ngài.

Gã thích khách này tên Trương Hành Xương, từ nhỏ thường ưa can thiệp vào những việc bất công, tuy giỏi võ, trọng nghĩa, nhưng tánh ưa sát hại. Chỉ vì nghe lời vu

không rằng ngài Huệ Năng là kẻ tiểu nhân đắc chí, chuyên làm việc đối địch với Thần Tú, cho nên Hành Xương đã nhận tiền từ các đệ tử của Thần Tú để đi hành thích Lục tổ.

Lúc ấy, Lục tổ đã có tha tâm thông, biết trước sẽ có người đến hành thích, cho nên đã chuẩn bị món tiền mười lượng bạc để bên cạnh và ngồi chờ.



Đến tối, Hành Xương lén vào phòng Lục tổ. Đang lúc ông ta gơ kiếm định giết, Lục tổ chẳng những không né tránh mà lại còn đưa cổ ra cho Hành Xương chém. Hành Xương sừng sốt, luống cuống quơ đao ba lần liên tiếp, chỉ thấy Lục tổ ngồi an nhiên,

nơi cổ của ngài không hề lưu lại một vết tích nào. Hành Xương thấy sự việc kỳ quái xảy ra, bao nhiêu dũng khí đều tiêu tán, đôi chân mềm nhũn, ngã quỵ trên mặt đất. Lúc ấy, Lục tổ điềm tĩnh nói với ông ta:

- Dùng kiếm chánh nghĩa hành hiệp không nên lưu giữ tâm tà, nếu có tâm tà, tự nhiên sẽ không thể dùng kiếm hành hiệp chánh đáng. Đời trước ta chỉ thiếu nợ tiền chứ không thiếu nợ mạng, cho nên ông không thể làm tổn thương thân mạng của ta.

Trương Hành Xương là kẻ đã từng qua lại chốn giang hồ nhiều năm, trong việc hành thích chưa từng thất bại, đừng nói chi đến gặp việc kỳ quái như ngày hôm nay. Ông ta cảm thấy kinh hãi quá mức bèn ngã lăn trên mặt đất bất tỉnh nhân sự, một hồi lâu mới tỉnh lại.

Sau khi tỉnh lại, Hành Xương bèn sám hối với Lục tổ, bày tỏ sự cải quá tự tâm, phát tâm muốn xuất gia. Lúc ấy, Lục tổ đem mười lượng bạc đã dự bị sẵn đưa cho Hành Xương, dặn:

- Nay ông tạm thời trở về chốn cũ, nếu đệ tử ta phát giác việc này ắt sẽ không tha thứ cho ông. Qua một đoạn thời gian, ông hãy cải trang rồi trở lại đây, lúc đó ta sẽ thu ông làm đệ tử.

Hành Xương theo lời căn dặn, thừa lúc đêm tối tẩu thoát, sau đó đến một ngôi chùa xin xuất gia thọ giới tỳ kheo, tinh tiến tu hành. Một hôm, Hành Xương nhớ lại lời dặn của Lục tổ, bèn từ phương xa trở lại Tào Khê để bái kiến ngài. Lục tổ thấy Hành Xương bèn nói:

- Ta đã đợi rất lâu, sao thầy đến nay mới trở lại?

Hành Xương trả lời:

- Đạo trước nhờ ơn sư phụ mở lòng từ bi tha thứ lỗi lầm của con. Hiện nay tuy con xuất gia tu hành khổ hạnh, nhưng vẫn cảm thấy chưa báo đáp được ân đức của ngài. Con nghĩ rằng chỉ có hoàng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh mới có thể báo đáp thâm ân này. Thế nhưng, con tụng Kinh Đại Niết Bàn đến nay vẫn chưa hiểu rõ ý nghĩa của thường và vô thường. Kính thỉnh sư phụ từ bi khai thị cho con được rõ.

Lục tổ liền giải thích:

- Vô thường là chỉ cho Phật tánh, còn thường là chỉ cho tâm phân biệt tất cả thiện ác.

Hành Xương nghe xong có cảm tưởng như rơi vào đám sương mù mờ mịt, trong lòng hồ nghi bèn hỏi:

- Những điều sư phụ nói rất trái nghịch với kinh văn.

Lục tổ hỏi ngược:

- Ta là người truyền thọ pháp truyền tâm của Phật, lẽ nào dám trái nghịch kinh Phật?

Hành Xương nói:

- Trong kinh rõ ràng nói Phật tánh là thường, sư phụ lại nói là vô thường; các pháp thiện ác cho đến tâm giác ngộ Bồ đề đều là vô thường, sư phụ lại nói là thường. Hai điểm này rõ ràng trái nghịch, khiến cho đệ tử càng thêm khó hiểu.

Lục tổ thấy thế bèn giải thích:

- Lúc trước ta đã từng nghe tỳ kheo ni Vô Tận Tạng đọc Kinh Đại Niết Bàn qua một lần, sau đó giải thích cho bà ấy nghe, không một chữ một nghĩa nào trái nghịch kinh văn, cho đến hiện nay giảng cho thầy nghe, cũng không có chỗ nào trái nghịch ý kinh.

Hành Xương nghe xong vội vàng lạy xuống, nói:

- Con là người ngu muội, kiến thức thô lậu, kính phiền sư phụ giảng lại.

Lục tổ nói:

- Thầy nên hiểu rõ, đức Phật nói Phật tánh thường hằng là đối với những người tầm thường mà nói. Nếu thầy nói Phật tánh thường hằng thì làm sao còn có thể nói đến các pháp thiện ác? Nếu Phật tánh là thường hằng thì tất cả chúng sinh đã sớm thành Phật, có sao hiện nay chúng ta chẳng tìm được mấy người chân chánh phát tâm Bồ đề? Vì lý do này nên ta nói Phật tánh là vô thường. Nếu Phật tánh là thường hằng thì tất cả chúng sanh không cần tu hành mà

vẫn có thể thành Phật. Bởi thế ta nói Phật tánh vô thường tức là phù hợp với ý Phật nói về đạo lý chân thường bất diệt.

Lại nữa, tại sao ta nói tất cả các pháp thiện ác là thường hằng? Bởi vì tất cả mọi vật đều có tự tánh, mà tự tánh thì bất sanh bất diệt, không thọ sanh tử. Nếu nói các pháp là vô thường, mà đã là vô thường, ắt có sự biến hóa sanh tử, và như vậy, chẳng phải là trước sau mâu thuẫn hay sao? Cho nên ta nói tất cả các pháp thiện ác là thường hằng, trên thực tế muốn nói rằng chúng có tự tánh, đây là chính là ý nghĩa mà đức Phật muốn nói về sự vô thường. Thật ra đức Phật đã sớm biết phạm phu ngoại đạo đều nhận thức lầm lạc rằng tất cả sự vật đều là chân thực thường tồn, mà sanh khởi bốn loại tà kiến chấp trước, tức là cho khổ là lạc, cho vô thường là thường, cho vô ngã là ngã, và cho bất tịnh là tịnh. Hơn nữa, một số người tu hạnh Thanh văn, Bích chi Phật nhận xét lầm lẫn, sanh khởi bốn kiến giải điên đảo, cho Phật tánh chân thường là vô thường, cho sự chân lạc là khổ, cho chân ngã là vô ngã, cho sự chân tịnh là bất tịnh. Trong Kinh Đại Niết Bàn, đức Phật đặc biệt nêu rõ cách nào để phán quyết rốt ráo giáo lý chân thật, hiển thị trung đạo, phá trừ thiên kiến của phạm phu và ngoại đạo, đồng thời phát huy bốn đức thường lạc ngã tịnh mà những người tu học Đại thừa cần phải viên mãn: không biến chuyển gọi là thường, an ổn gọi là lạc, tự tại gọi là ngã, và vô ngã gọi là tịnh. Nếu có thể y vào bốn đức này mà tu hành thì Phật tánh sẽ lập tức hiển hiện. Hiện nay thầy y theo lời kinh mà giải thích ngu ngơ, nhận lầm sự đoạn diệt là vô thường, những sự vật bất động là thường, đem cái tri kiến phạm phu để hiểu lầm những lời dạy thâm diệu viên mãn cuối cùng của đức Bổn Sư. Nếu như thế, dù có xem Kinh Đại Niết Bàn ngàn lần cũng chẳng ích lợi gì?

Sau khi nghe Lục tổ giải thích tường tận, Hành Xương thốt nhiên đại ngộ, bèn nói bài kệ:

Vì người chấp vô thường
Phật nói tánh là thường
Người không khéo tu hành
Giống như lượm sỏi đá
Con nay không dụng công
Phật tánh vẫn hiện tiền
Không phải do thầy dạy
Cũng chẳng do sức mình.

Lục tổ nói với Hành Xương:

- Thầy hiện nay đã triệt ngộ, thông đạt giáo pháp, ta sẽ đặt cho thầy pháp danh Chí Triệt.
Chí Triệt bèn lễ tạ cáo lui.



Chỉ học danh tướng

Thần Hội, họ Cao, người huyện Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, từ nhỏ đã xuất gia với ngài Thần Tú ở chùa Ngọc Tuyên. Sau đó nghe danh Lục tổ Huệ Năng đang ở Tào Khê truyền thọ pháp môn đốn ngộ, bèn lặn lội đường xa tìm đến chùa Bảo Lâm, khi ấy Thần Hội mới được mười ba tuổi.

Từ Hồ Bắc đến Quảng Đông phải trải qua một lộ trình hơn ngàn dặm, nghe nói lúc Thần Hội đến chùa Bảo

Lâm, quần áo lam lũ, thân thể cẩu bần, giống như một dân cư vùng rừng núi. Lục tổ thấy Thần Hội tuổi tác còn trẻ mà đã có tâm thành cầu pháp như thế bèn nảy lên ý tưởng muốn thử xem trình độ Phật pháp của Thần Hội đến đâu, ngài liền dùng phương pháp song quan (hai cửa) để hỏi:

- Chú từ chốn xa xăm, hành trình gian khổ đến đây, không biết có còn nhận rõ bản lai diện mục của mình không? Nếu có thì đã nhận thức được chủ nhân ông của chính mình (Phật tính), chú hãy nói ta xem thử!

Thật ra, Thần Hội đối với Phật pháp chưa lĩnh ngộ được gì, bất quá ở bên cạnh ngài Thần Tú nghe các thiền sư đối đáp mà thôi. Thế nhưng, Thần Hội là một đứa trẻ ranh mãnh, nhất định không thừa nhận mình không hiểu rõ Phật pháp, chỉ lập lại những lời đối đáp của các thiền sư, nhưng vẫn tỏ vẻ thông thái:

- Con dùng vô sở trụ làm bản lai diện mục, mà kiến tánh tức là chủ nhân.

Lục tổ nghe xong liền chinh Thần Hội:

- Nay, tiểu sa đi! Chú chỉ tùy tiện học lại lời người khác, như vậy tốt sao?

Thần Hội nghe xong, trong lòng không vui, nhưng vẫn hỏi ngược Lục tổ:

- Lúc ngồi thiền, Hòa thượng thấy hay không thấy?

Lục tổ không trả lời, vươn tay lấy gậy đánh Thần Hội ba cái, sau đó hỏi:

- Ta đánh chú ba cái, chú đau hay không đau?

Thần Hội nhin đau, ngoan cố trả lời:

- Dạ đau, mà cũng không đau.

Lúc đó, Lục tổ bèn trả lời câu hỏi trước đó của Thần Hội:

- Ta cũng vậy, thấy mà cũng không thấy.

Thần Hội cảm thấy háo kỳ, hỏi Lục tổ:

- Làm thế nào vừa thấy vừa không thấy?



Lục tổ trả lời:

- Cái thấy của ta là thấy lỗi lầm của chính mình mà không thấy sự thị phi tốt xấu của kẻ khác, cho nên gọi là thấy mà cũng không thấy. Còn chú nói vừa đau vừa không đau là sao? Ta đánh chú, nếu chú không đau thì giống như cây cỏ đá sỏi, còn nếu đau thì cũng giống như

những người bình thường khác, sanh khởi tâm sân hận, đây cũng chẳng phải là khai ngộ. Chú nên biết, khi chú hỏi ta thấy hay không thấy là nêu lên đạo lý nhị biên (đôi đũa), còn khi ta hỏi chú đau hay không đau, đây là pháp sanh tử. Chú chưa thấy được tự tánh, mà dám ở trước mặt ta lộng ngôn, bắt chước luận điệu của kẻ khác?

Thần Hội nghe xong, biết mình có lỗi, bèn thành tâm kính phục, đánh lễ sám hối.

Lục tổ thấy Thần Hội có tâm hối cải, bèn khai thị:

- Nếu như trong tâm chú còn chấp mê, chưa thể kiến tánh thì phải nên tìm thiện tri thức cầu mong chỉ dạy

phương pháp tu hành. Giả như chú đã khai ngộ, tự nhiên có thể minh tâm kiến tánh, y vào pháp mà tu tập. Hôm nay chú vẫn còn mê chấp chưa thấy tự tâm mà dám chạy đến đây hỏi ta kiến tánh hay chưa. Ta kiến tánh hay chưa chỉ tự mình ta biết rõ, lẽ nào bị chú hỏi vài ba câu liền mê hoặc hay sao? Tương tự, nếu như chú đã kiến tánh thì hôm nay đã không bị vài câu hỏi của ta làm cho mê hoặc. Tại sao chú không tự mình hồi quang phản chiếu, lại chạy tìm bên ngoài, mà còn dám đến đây đối đáp cơ phong với ta, hỏi ta kiến tánh hay chưa?

Thần Hội nghe xong, càng cảm thấy hổ thẹn, bèn xi xụp lạy Lục tổ hơn một trăm lạy, thỉnh cầu ngài từ bi tha tội. Từ đó về sau, để bày tỏ sự sám hối và lòng chân thành khâm phục, Thần Hội luôn túc trực bên cạnh Lục tổ để hầu hạ sớm hôm.

Một hôm, Lục tổ nói với đại chúng:

- Ta có một vật không có đầu, không có đuôi, không có tên (danh) cũng không có chữ (tự), không có phía trước cũng không có phía sau, các thầy có biết là vật gì không?

Thần Hội thấy mọi người đều im lặng, bèn từ đám đông bước ra nói:

- Cái này đơn giản, không phải nó là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội hay sao?

Thần Hội tuy giải thích rất hay, nhưng y nhiên vẫn là học lóm từ người khác, lại thích khoa trương, do đó Lục tổ bèn nói với thầy ấy:

- Ta đã nói không có danh tự, tại sao thầy lại còn gọi nói là bản nguyên Phật tánh? Nếu cứ như vậy thì rất cuộc thầy chỉ là một người thông hiểu văn tự xuông. Ta thấy ngày sau thầy cũng chỉ có thể là người giải thích kinh điển Thiên tông mà thôi.

Sau khi Lục tổ viên tịch, Thần Hội đến kinh đô Lạc Dương hoằng dương pháp môn đốn giáo. và có sáng tác

quyển Hiền Tông Ký truyền bá rất rộng rãi. Nhân vì Thân Hội trú ngụ tại vùng Hà Trạch, huyện Tào Châu, tỉnh Sơn Đông, cho nên người đời thường gọi ngài là thiền sư Hà Trạch.

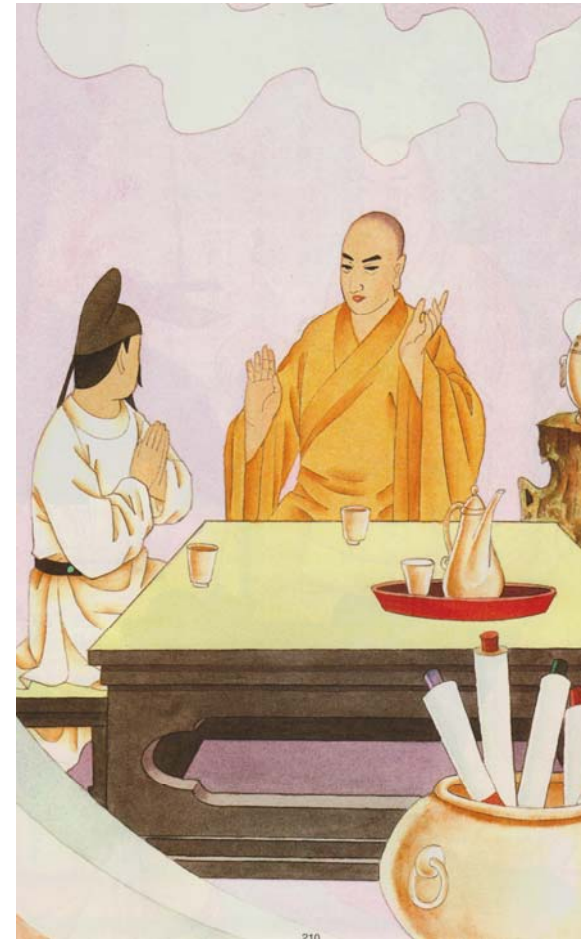


Từ chối không lên Kinh đô

Vào tiết Nguyên tiêu, ngày rằm tháng giêng năm Thân Long thứ nhất (705), hoàng hậu Võ Tắc Thiên và vua Trung Tông hạ chiếu thư nói:

- Trẫm nghinh thỉnh hai vị Đại sư Huệ An và Thần Tú đến Trường An, vào cung tiếp thọ cúng dường. Hơn nữa, nhân rảnh rỗi việc triều chánh, cũng cầu hai vị thuyết giảng đạo lý về Nhất Phật Thừa. Thế nhưng, hai vị Đại sư đều rất khiêm nhường nói: “Tài đức chúng tôi đều không bằng Thiền sư Huệ Năng ở phương Nam. Ngài Huệ Năng đã từng được Ngũ tổ Hoảng Nhẫn mật truyền y bát, và là người truyền Tâm ấn của Phật. Hoàng thượng nếu có nghi vấn, xin hãy nghinh thỉnh ngài Huệ Năng về triều để hỏi đạo.” Vì thế hôm nay trẫm phái nội thị trong cung là Tiết Giản đem thư này đến phương Nam dâng lên cung thỉnh Đại sư, hy vọng ngài từ bi đến kinh thành ban bố pháp nhũ.

Thế nhưng Lục tổ viện lý do bị bệnh để dâng sớ thoái từ. Tiết Giản không có cách nào hơn là thỉnh Lục tổ ban bố Phật pháp để tiện trở về triều phục mệnh. Tiết Giản hỏi Tổ:



- Tôi nghe các thiền sư nơi kinh thành nói nếu muốn lĩnh ngộ Phật pháp nhất định phải tọa thiền tập định, nếu không tọa thiền mà muốn được giải thoát thì đây là điều bất khả. Không biết đường lối tu hành của Đại sư thế nào, giống hay không giống các vị ấy?

Lục tổ trả lời:

- Phật pháp là từ tâm mà thể ngộ, làm sao lại chỉ có tọa thiền? Chỉ tọa thiền không chưa đủ, mà còn phải hiểu rõ giáo lý đạo Phật mới được. Hiểu rõ giáo lý là giải, tọa thiền là hành. Nếu chỉ hành mà không giải, đây gọi là ngu si; nếu chỉ giải mà không hành, ắt trở thành “khâu đầu thiền.” Cho nên phải hiểu rõ đạo lý rồi mới nỗ lực thực hành, chứ không phải cứ ngồi từ sáng đến tối, ngồi mấy mươi năm cũng chẳng hiểu giáo lý, mà tự mình cũng chẳng thể khai ngộ. Kinh Kim Cương nói: “Nếu có người cho rằng Như Lai có đi, có đến, có ngồi, có nằm,

người đó không hiểu những điều ta nói. Vì sao? Như lai không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai.” Nếu có người cho rằng Phật ngồi hoặc nằm, người này là bàng môn tả đạo. Tại sao? Bởi vì Phật không từ chỗ nào đến, cũng không đi đến chỗ nào, vốn chẳng sanh mà cũng chẳng diệt, đây mới là thanh tịnh thiên, tất cả Phật pháp xưa nay không tịch, đây mới là thanh tịnh tọa. Giải thoát cứu cánh xưa nay không có một pháp nào có thể chứng đắc, có thể nắm giữ, hướng chỉ chỉ y vào pháp tọa thiên.

Tiết Giản nói:

- Tôi trở về kinh thành, Hoàng thượng nhất định sẽ hỏi tôi về yếu chỉ Phật pháp. Xin Đại sư từ bi chỉ rõ yếu điểm, để tôi về kinh thành có thể trình lên Hoàng thượng, Hoàng hậu; hơn nữa, cũng có thể truyền đạt đến các người tu thiên, lễ Phật nơi kinh thành. Đây giống như một ngọn lửa có thể thắp sáng trăm ngàn ngọn đèn, khiến cho bóng tối được bùng sáng không cùng tận.

Lục tổ nói:

- Bản thể của đạo không phân biệt sáng tối, bởi vì sự chuyển biến giữa sáng và tối cũng giống như sự chuyển biến giữa mới và cũ. Ánh sáng đến thì bóng tối đi, bóng tối đến thì ánh sáng đi. Tuy ông nói ánh sáng không cùng tận, nhưng thật sự ánh sáng cũng có sự cùng tận. Vì sao? Bởi vì sáng và tối là pháp tương đối, mà đã là pháp tương đối thì nếu không là bên này thì là bên kia. Cho nên Kinh Duy Ma Cật nói: “Pháp không thể nghĩ bàn, không còn sự đối đãi, là tuyệt đối chứ không phải tương đối.”

Tiết Giản hỏi tiếp:

- Mọi người chẳng phải đem ánh sáng ví dụ cho trí tuệ, đem bóng tối ví dụ cho phiền não hay sao? Người tu Phật pháp nếu không đem trí tuệ chiếu phá phiền não thì làm sao giải thoát khỏi sanh tử?

Lục tổ trả lời:

- Phiền não tức là Bồ đề. Ông muốn đem phiền não và Bồ đề phân làm hai, nhưng chúng không thể bị phân biệt. Đem trí tuệ chiếu phá phiền não, đó là quan điểm của hai thừa Thanh văn và Duyên giác, là cảnh giới xe dê xe hươu. Người có đại trí tuệ chân chánh không làm theo lối này.

Tiết Giản hỏi:

- Thế nào là kiến giải Đại thừa?

Lục tổ nói:

-Sáng và tối, theo lối nhìn phàm phu, quả nhiên hoàn toàn khác biệt, nhưng người có đại trí tuệ ắt biết rằng bản tánh của cả hai không có sai khác. Cái tánh vô nhị tức là thật tánh. Thật tánh là gì? Nghĩa là nó không vì ở nơi kẻ phàm mà giảm bớt, hoặc ở nơi bậc thánh mà tăng thêm. Trong cảnh giới phiền não nó không loạn, trong cảnh giới thiên định nó cũng không tịch tĩnh. Nó vừa động vừa tĩnh, không đoạn không thường, không đến không đi, không ở giữa, cũng không ở mé ngoài, không sanh không diệt, tánh tướng nhất như, không dòi không đôi, đây tức là đạo.

Tiết Giản lại hỏi:

- Đại sư nói bất sanh bất diệt, so với ngoại đạo có chỗ nào không đồng?

Lục tổ nói:

- Ngoại đạo nói bất sanh bất diệt là đem cái diệt ngăn chặn cái sanh, dùng cái sanh hiển bày cái diệt; nhân đây cái diệt của họ giống như không diệt, cái sanh của họ giống như không sanh. Còn ta nói bất sanh bất diệt là chỉ cho Phật tánh xưa nay vốn không sanh cũng không diệt, cho nên không giống với ngoại đạo. Nếu ông muốn biết yếu chỉ của pháp “đem tâm truyền tâm” thì chỉ cần đối với tất cả pháp thiện ác đều không khởi tâm suy lường phân biệt, tự nhiên sẽ đạt đến bản thể tâm linh trong sạch sáng

suốt, đây là sự vĩnh viễn thanh tịnh, chứ không phải tạm thời. Tuy tâm tánh trạm nhiên thường tịch (chân không), nhưng lại ứng khởi tác dụng nhiều như cát sông Hằng (diệu hữu).

Nghe xong lời khai thị của Lục tổ, Tiết Giản thể ngộ được ý nghĩa sâu xa, bèn lạy tạ. Sau khi trở về kinh thành, Tiết Giản đem những lời dạy của Lục tổ trình lên nhà vua và hoàng hậu. Vào tháng chín năm đó, Hoàng đế hạ chiếu thư phong thưởng Lục tổ, đồng thời ban cho ngài một tấm cà sa ma nạp và một cái bình bát bằng thủy tinh, lại còn mệnh lệnh thứ sử Thiều Châu trùng tu ngôi chùa cũ của ngài ở Tân Châu và đồng thời sắc phong là chùa Quốc Ân.



Nói pháp đối đãi

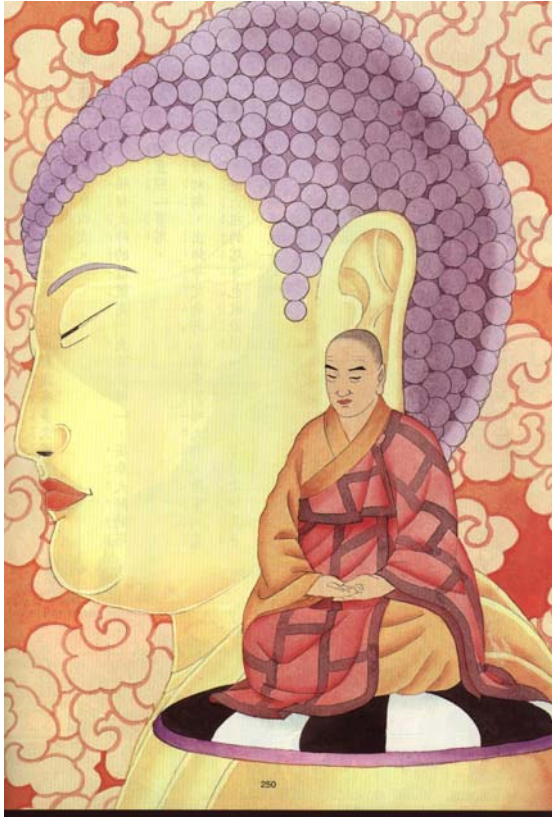
Một hôm Lục tổ triệu tập các đệ tử Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như, v.v... đến, ngài nói:

- Các thầy không như các đệ tử khác, sau khi ta viên tịch, các thầy đều sẽ trở thành những bậc đạo sư, mỗi người giáo hóa một phương. Hôm nay ta muốn chỉ dạy cho các thầy một phương cách hoằng dương Phật pháp. Các thầy phải thuyết pháp thế nào? Hãy nhớ, lúc thuyết pháp

tuyệt nhiên không nên quên tông chỉ của pháp môn Đốn giáo. Trước tiên phải nêu lên ba khoa, dùng ba khoa này làm pháp môn căn bản, kể đến dùng ba mươi sáu pháp đối đãi, nhưng phải khéo léo không để bị vướng mắc vào hai bên, mà cũng không thể chấp vào trung đạo. Điều quan trọng nhất là không được xa lìa tự tánh. Nếu có người đến hỏi thì dùng những pháp đối đãi để trả lời, mỗi pháp đều phải thích ứng với đầu mối của câu hỏi; sau cùng trừ khử ý niệm đối đãi, cho đến khi không còn chỗ chấp trước mới thôi.

Thế nào là ba khoa? Tức là âm, giới, nhập. Âm tức là năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nhập tức là sáu trần bên ngoài: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cộng với sáu căn bên trong: nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, ý, tổng cộng là mười hai nhập; giới tức là sáu căn, sáu trần cộng thêm sáu thức: nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân và ý, thành mười tám giới. Tự tánh có thể bao hàm vạn pháp, còn gọi là hàm thức tạng, tất cả tác dụng của ý thức đều bao hàm trong đây. Nếu trong tâm chúng ta khởi lên một niệm suy lường, đây gọi là chuyên thức, sẽ sinh ra sáu thức, xuyên qua sáu căn, tiếp xúc với sáu trần. Đây tức là mười tám giới, đều là tác dụng xuất phát từ chân như tự tánh. Nếu tự tánh là tà thì sẽ sinh khởi mười tám tà; nếu tự tánh là chánh thì sẽ sinh khởi mười tám chánh. Nếu tác dụng không đúng, đây là tác dụng của chúng sanh; nếu tác dụng là thiện, là viên mãn, đây là tác dụng của chư Phật. Thế nhưng, bất luận những tác dụng này xuất phát từ đâu, chúng đều là pháp đối đãi. Các vật vô tình thiên nhiên bên ngoài thuộc về năm cặp đối đãi: trời đối với đất, mặt trời đối với mặt trăng, sáng đối với tối, âm đối với dương, nước đối với lửa. Đây là năm cặp đối đãi của loài vô tình. Về phương diện pháp tướng và ngữ ngôn có mười hai cặp đối đãi: ngữ đối với pháp, hữu đối với vô, sắc đối với vô sắc, hữu tướng đối với vô tướng,

hữu lậu đối với vô lậu, sắc đối với không, động đối với tĩnh, thanh đối với trược, phàm đối với thánh, tăng đối với tục, già đối với trẻ, lớn đối với nhỏ. Đây là mười hai cặp đối đãi của pháp tướng và ngữ ngôn. Chân như tự tánh sinh khởi tác dụng có mười chín cặp đối đãi: dài đối với ngắn, tà đối với chánh, si đối với tuệ, ngu đối với trí, loạn đối với định, từ (ái) đối với (ác) độc, giới đối với phi (phá giới), ngay thẳng (trực) đối với cong vạy (khúc), thực đối với hư, hiểm (hóc) đối với bình (phẳng), phiền não đối với bồ đề, thường đối với vô thường, bi (mẫn) đối với (hãm) hại, hỷ đối với sân, xả đối với san (keo kết), tiền đối với thoái, sinh đối với diệt, pháp thân đối với sắc thân, hóa thân đối với báo thân. Đây là mười chín cặp đối đãi của tự tánh sinh khởi tác dụng.



Lục tổ nói tiếp:

- Nếu có thể hiểu rõ thâm ý và vận dụng thích đáng ba mươi sáu pháp đối đãi này thì có thể quán thông và hiểu rõ tất cả kinh điển, tâm ý xa lìa sự chấp trước vào hai bên,

không bị trói buộc. Lúc chân như tự tánh tùy duyên sanh khởi tác dụng, đàm luận với người khác, tuy duyên cảnh tướng bên ngoài nhưng không chấp trước vào cảnh tướng. Nếu chuyên chấp vào tướng thì sẽ sanh khởi tà tri tà kiến, nếu chuyên chấp vào không thì sẽ sanh khởi tâm thức ngu si. Những người chấp vào không, thường hủy báng kinh điển rằng: “Truyền đạt Phật pháp không cần nương vào văn tự.” Các thầy hãy nghĩ xem, nếu thật sự không cần văn tự thì mọi người cũng không cần phải nói năng, bởi vì ngữ ngôn cũng là một hình tướng khác của văn tự. Những người đó còn cho rằng chân lý là “bất lập văn tự.” Mỗi khi thấy có người giảng kinh thuyết pháp bèn phê bình người giảng chấp trước vào văn tự giải thích. Nhưng các thầy hãy nghĩ xem, hai chữ “bất lập” này có phải là văn tự hay không? Các thầy phải cẩn thận, tuyệt nhiên không được hủy báng kinh pháp. Tội chướng báng pháp này nặng không thể tưởng được.

Ngoài ra, nếu có người chấp vào hình tướng bên ngoài, dùng đủ mọi biện pháp để truy cầu chân lý; hoặc đi khắp nơi kiến lập đạo trường, hoặc nói “có” nói “không”, những người như vậy, bất luận trải qua bao nhiêu thời gian, cũng không cách nào minh tâm kiến tánh. Các thầy chỉ cần ghi nhớ những lời ta dạy, y vào pháp mà tu hành là được. Thế nhưng, chớ nên việc gì cũng không tưởng nghĩ đến, điều này sẽ sanh khởi sự chướng ngại đối với việc lãnh ngộ chân lý. Lại cũng không nên chỉ biết giảng thuyết mà không chịu tu hành, khiến cho mọi người sanh khởi tà niệm. Cho nên các thầy phải nương vào pháp mà tu tập, không chấp vào hình tướng, mà làm tất cả Phật sự lợi ích chúng sanh. Nếu các thầy hiểu những gì ta nói, y vào đây mà thuyết pháp, vận dụng, tu trì, tạo tác sự nghiệp, thì sẽ không bị thất lạc tông chỉ của Thiền tông.

Giả sử có người đến hỏi các thầy chân đế của pháp tu thiền, nếu họ hỏi “hữu” thì dùng “vô” mà giải đáp, nếu họ hỏi “vô” thì dùng “hữu” mà giải đáp, hỏi “phàm” thì nói “thánh”, hỏi “thánh” thì nói “phàm.” Dùng đạo lý đối đãi này, hai bên làm nhân cho nhau, thì có thể làm sáng tỏ ý nghĩa Trung đạo. Tương tự như trường hợp hỏi đáp, các vấn đề khác cũng y chiếu vào đây mà hành xử, thì cũng không đánh mất ý nghĩa Trung đạo. Giả như có người hỏi: “Thế nào gọi là bóng tối”, thì nên trả lời: “Ánh sáng là nhân, bóng tối là duyên, khi ánh sáng biến đi thì bóng tối hiện ra, dùng ánh sáng để nêu rõ bóng tối, dùng bóng tối để phô bày ánh sáng, hai bên làm nhân quả cho nhau, đây là ý nghĩa chân thật của Trung đạo.” Những vấn đề khác cũng giải đáp tương tự như vậy. Trong tương lai khi các thầy hoàng dương giáo pháp Thiền tông đều phải y chiếu vào đạo lý này mà truyền thọ cho nhau, không nên đánh mất tông chỉ của Thiền tông.



Lục tổ viên tịch

Tháng bảy năm Thái Cực thứ nhất đời Đường Duệ Tông (712), Lục tổ Huệ Năng phân phó các đệ tử đến chùa Quốc Ân ở Tân Châu xây tháp, lại còn dặn mọi người phải

nhANH chóng hoàn thành. Đến mùa hạ năm sau (713), việc xây cất được xem như hoàn tất. Ngày mùng một tháng bảy, Lục tổ triệu tập tất cả đệ tử, nói:

- Đến tháng tám này ta sẽ rời khỏi thế gian, các thầy nếu còn những thắc mắc gì hãy sớm đến hỏi, ta sẽ giải đáp để các thầy không còn bị mê hoặc. Nếu không, đến lúc ta mất rồi, e rằng sẽ không còn ai dạy dỗ chỉ dẫn các thầy.

Các đệ tử nghe Lục tổ nói thế đều cảm thương rơi lệ, chỉ có Thần Hội là nghiêm nhiên không tỏ vẻ xúc động. Lục tổ thấy thế bèn lên tiếng:

- Các thầy có thấy Thần Hội không, thầy ấy tuy tuổi còn trẻ, nhưng lại là người thông đạt yếu chỉ Phật pháp. Chẳng những bất động đối với sự khen chê, mà còn bất động đối với sự thương ghét. Quả thật hiếm có. Ngược lại, các thầy tự quán sát mình xem, bao nhiêu năm nay tu hành cái gì, tại sao mới vừa nghe ta sắp viên tịch lại lớn tiếng khóc lóc như vậy! À, thật là vô dụng, chẳng bằng vị thầy trẻ tuổi này. Các thầy hiện nay khóc lóc là vì ai vậy? Các thầy hãy an tâm, ta đã biết rõ mình sẽ đi về đâu. Nếu ta không biết mình sẽ đến nơi nào thì hiện giờ ta đâu có gọi các thầy lại để dặn dò. Có phải các thầy hiện nay bị thương là vì không biết ta sẽ đi về đâu? Còn như các thầy biết ta sẽ đi về đâu, thì không nên tỏ vẻ bị thương mới đúng. Nên biết pháp tánh không sanh không diệt, không đến không đi. Bây giờ các thầy hãy ngồi xuống nghe ta nói bài kệ “Chân giả động tĩnh.” Hãy nhớ thuộc lòng bài kệ này. Nếu các thầy cùng ý hướng với ta thì hãy y vào bài kệ mà tu hành, ắt sẽ không đánh mất tông chỉ của Thiền tông.

Mọi người nghe xong bèn đánh lễ thỉnh cầu Lục tổ đọc kệ:

Tất cả pháp đều không chân thật
Không nên điên đảo thấy là chân
Nếu như thấy pháp là chân thật

Đây chỉ là “thấy”, không phải “chân”
 Nếu tự tâm đạt đến cảnh “chân”
 Xa lìa giả tướng tức là chân
 Tự tâm không thể lìa giả tướng
 Tâm đã không chân, đâu là chân
 Hữu tình xưa nay vốn là động
 Cây đá vô tình mới bất động
 Nếu chỉ chuyên tu “bất động hành”
 Cũng giống cây đá thường bất động
 Nếu tìm tự tâm “chân bất động”
 Trong sự động ắt có bất động
 Bất động nếu là sự “cứng đờ”
 Vô tình ắt không có “giống Phật”
 Nên khéo phân biệt các pháp tướng
 Đối “đệ nhất nghĩa” không dao động
 Chỉ cần có lối nhìn như vậy
 Đó là tác dụng của chân như
 Nay xin dặn các người học đạo
 Khi dụng công phải nên chú ý
 Không nên trong pháp môn Đại thừa
 Vẫn chấp vào cái thấy phàm phu
 Hai bên bàn luận, nếu hợp ý
 Thì mới luận bàn nghĩa Phật pháp
 Nếu như hai bên không hợp ý
 Hãy nên chấp tay, tâm hoan hỷ
 Tông môn xưa nay vốn vô tranh
 Nếu tranh, e mất “chân đạo nghĩa”
 Những người cố chấp ưa tranh luận
 Tâm tánh bị buộc trong sanh tử.

Sau khi Lục tổ nói xong bài kệ, tất cả mọi người
 kiền thành cúi đầu đánh lễ, đều thể ngộ tâm ý của ngài,
 nguyện nhiếp tâm, y vào pháp tu hành, không dám tranh
 cãi.

Mọi người biết rằng Lục tổ sẽ không còn trụ thế bao
 lâu nữa, cho nên thương toạ Pháp Hải bèn lạy Lục tổ, hỏi:

- Sau khi sư phụ diệt độ, y bát sẽ truyền thọ cho ai?

Lục tổ nói:

- Các thầy nên ghi lại tất cả lời dạy của ta từ lúc ở
 chùa Đại Phạm đến nay, đề tên là Kinh Pháp Bảo Đàn.
 Phải nên cẩn thận giữ gìn pháp bảo này, triển chuyển lưu
 truyền đời sau để độ tất cả chúng sanh. Nếu y vào đây mà
 truyền dạy thì gọi là chánh pháp. Hôm nay ta vì các thầy
 thuyết pháp, nhưng không truyền thọ y bát, lý do là vì tín
 tâm của các thầy đã thuần thực, quyết định không còn nghi
 ngờ, có thể đảm nhiệm việc lớn. Y cứ vào bài kệ phó chúc
 của tổ Đạt Ma, thời cơ không còn thích hợp để truyền thọ y
 bát. Bài kệ của tổ Đạt Ma nói:

Một hoa sanh năm cánh

Kết quả tự nhiên thành ⁵⁷.

Lục tổ lại nói:

- Các thầy hãy lắng nghe ta nói. Nếu muốn thành
 tựu Phật trí phải nên thông đạt Nhất tướng tam muội và
 Nhất hành tam muội. Nếu ở bất cứ nơi nào đều không trụ
 vào tướng, đối với các tướng cũng không khởi tâm thương,
 ghét, cũng không giữ, không bỏ, không màng đến các việc
 lợi ích, thành hoại, mà nên an nhàn, tự tại, bao dung, đàm
 bạc, đây gọi là Nhất tướng tam muội. Nếu ở tất cả mọi nơi,
 đi đứng nằm ngồi, chỉ giữ một tâm “trực”, không rời đạo
 trường, mà thành Tịnh độ, đây gọi là Nhất hành tam muội.
 Người nào đầy đủ hai tam muội này, giống như đất có hạt
 giống, dung chứa nuôi dưỡng, khiến thành hoa trái. Nhất
 tướng Nhất hành tam muội cũng giống như vậy. Nay ta nói

⁵⁷ Tổ Đạt Ma là hoa, năm tổ Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tín, Hoảng Nhẫn và Huệ Năng là năm cánh. Đến đời ngài Huệ Năng thì Thiên tông đã có chỗ đứng vững vàng trên đất Trung Hoa. Lại cũng có thể nói: Lục tổ Huệ Năng là hoa, năm dòng Thiên phát xuất từ ngài (Quy Nguỡng, Lâm Tế, Vân Môn, Tào Động và Pháp Nhãn) là năm cánh.

pháp cũng giống như cơn mưa thấm nhuần mặt đất, còn Phật tánh của các thầy giống như hạt giống, gặp được cơn mưa đều phát triển. Nếu như tuân theo lời dạy của ta, quyết sẽ được Bồ đề, nếu y theo lời dạy mà tu hành, nhất định sẽ chứng diệu quả. Nghe ta nói kệ:

Tâm địa chứa hạt giống
Gặp mưa đều nảy mầm
Các hữu tình đốn ngộ
Đều sẽ chứng Bồ đề.

Tổ lại nói:

- Phật pháp không có hai pháp, tâm cũng vậy, không có hai tâm. Nên nhớ rằng Phật đạo thanh tịnh cũng không có hai tướng. Chớ nên quá chú trọng vào việc quán tịnh, hoặc muốn khiến tâm mình trở thành “không.” Tự tâm xưa nay vốn thanh tịnh, không có chấp chặt hoặc xả bỏ vật nào. Các thầy mỗi người phải tự nỗ lực dụng công, khéo léo trong việc tùy duyên hóa độ chúng sanh.

Nghe xong, mọi người đều đánh lễ Lục tổ mà lui ra. Ngày mồng tám tháng bảy, Lục tổ bỗng nói với mọi người:

- Ta muốn trở về Tân Châu, các thầy hãy mau đi chuẩn bị thuyền.

Mọi người nghe xong lo rằng Lục tổ sắp sửa viên tịch bèn khẩn hoãn thỉnh cầu ngài ở lại. Lục tổ bảo mọi người:

- Chư Phật ứng hiện trên thế gian cũng đều thị hiện nhập Niết bàn, huống gì là ta? Phạm việc gì có đến ắt có đi, có sanh ắt có diệt, đây là một sự kiện hiển nhiên. Cái bực da thôi của ta cũng phải nên có một chỗ an trí thỏa đáng.

- Sư phụ ra đi kỳ này, ắt không phải là từ đây vĩnh biệt, sớm muộn gì sư phụ cũng sẽ trở lại, phải không?

Lục tổ nói:

- Lá rụng về cội, không ngày trở lại.

Các đệ tử lại hỏi:

- Chánh pháp nhãn tạng phải nên truyền trao cho ai kế thừa?

Lục tổ nói:

- Người hiểu đạo sẽ được, kẻ vô tâm (không chấp) sẽ tự nhiên hiểu rõ.

Các đệ tử lại hỏi:

- Trong tương lai sẽ có pháp nạn nào không?

Lục tổ nói:

- Sau khi ta mất khoảng năm, sáu năm sẽ có người đến lấy đầu ta. Hãy nghe ta tiên đoán:

Một người vì phụng thờ
Một người vì miếng ăn
Kẻ phạm tội tên Mãn
Bị Liễu, Dương xử án.

Sau đó, Lục tổ nói tiếp:

- Sau khi ta viên tịch bảy mươi năm, có hai vị Bồ tát từ phương Đông đến, một vị xuất gia, một vị tại gia, sẽ cùng đến để xây cất miếu tự, hoàng dương pháp môn Thiên tông, đem Phật pháp truyền bá rộng rãi.

Mọi người lại hỏi:

- Không biết từ đời Phật Thích Ca đến nay, y bát đã được truyền thọ bao nhiêu đời rồi, kính xin Tổ sư từ bi nói rõ cho mọi người biết.

Lục tổ nói:

- Chư Phật ứng hiện thế gian vô lượng vô biên, nói không thể hết. Hiện nay lấy bảy vị Phật làm khởi đầu: kiếp quá khứ Trang Nghiêm có Phật Tỳ Bà Thi, Phật Thi Khí, Phật Tỳ Xá Phù, kiếp hiện tại Hiền có Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm, Phật Ca Diếp và Phật Thích Ca, tổng cộng là bảy vị Phật.

Đức Thích Ca truyền cho ngài Ca Diếp làm tổ thứ nhất, ngài A Nan làm tổ thứ nhì, ngài Thương Na Hòa Tu làm tổ thứ ba, ngài Ưu Bà Cúc Đa làm tổ thứ tư, ngài Đề

Đa Ca làm tổ thứ năm, ngài Di Già Ca làm tổ thứ sáu, ngài Bà Tu Mật Đa làm tổ thứ bảy, ngài Phật Đà Nan Đề làm tổ thứ tám, ngài Phục Đà Mật Đa làm tổ thứ chín, ngài Hiếp Tôn giả làm tổ thứ mười, ngài Phú Na Dạ Xa làm tổ thứ mười một, ngài Mã Minh làm tổ thứ mười hai, ngài Ca Tỳ Ma La làm tổ thứ mười ba, ngài Long Thọ làm tổ thứ mười bốn, ngài Ca Na Đề Bà làm tổ thứ mười lăm, ngài La Hầu La Đa làm tổ thứ mười sáu, ngài Tăng Già Nan Đề làm tổ thứ mười bảy, ngài Già Da Xá Đa làm tổ thứ mười tám, ngài Cưu Ma La Đa làm tổ thứ mười chín, ngài Xà Đa Đa làm tổ thứ hai mươi, ngài Bà Tu Bàn Đầu (Thế Thân) làm tổ thứ hai mươi một, ngài Ma Noa La làm tổ thứ hai mươi hai, ngài Cưu Lặc Na làm tổ thứ hai mươi ba, ngài Sư Tử làm tổ thứ hai mươi bốn, ngài Bà Xá Tư Đa làm tổ thứ hai mươi lăm, ngài Bất Như Mật Đa làm tổ thứ hai mươi sáu, ngài Bát Nhã Đa La làm tổ thứ hai mươi bảy, ngài Bồ Đề Đạt Ma làm tổ thứ hai mươi tám, ngài Huệ Khả làm tổ thứ hai mươi chín, ngài Tăng Xán làm tổ thứ ba mươi, ngài Đạo Tín làm tổ thứ ba mươi một, ngài Hoằng Nhẫn làm tổ thứ ba mươi hai, còn ta làm tổ đời thứ ba mươi ba. Từ các đời tổ trước đều có truyền thừa. Từ các thầy về sau hãy lần lượt truyền thọ, chớ để thất truyền.

Ngày ba tháng tám năm Tiên Thiên thứ nhì (713), tại chùa Quốc Ân, Lục tổ theo thường lệ cùng mọi người thọ trai. sau khi thọ trai, ngài bảo mọi người ngồi theo thứ tự để ngài nói lời từ giả. Ngài Pháp Hải hỏi:

- Sư phụ lưu lại giáo pháp nào để những người mê lầm đời sau được minh tâm kiến tánh?

Lục tổ nói:

- Các thầy lắng nghe! Những người mê lầm đời sau nếu nhận rõ chúng sinh nơi tự tâm mình thì có thể nhận rõ Phật tánh, nếu như không nhận rõ chúng sinh nơi tự tâm mình, thì dù có trăm ngàn kiếp đi tìm Phật cũng vẫn hoài

công. Hiện nay ta dạy cho các thầy cách nào để nhận rõ chúng sinh nơi tự tâm mình, thấy rõ được Phật tánh nơi tự tâm mình. Muốn thấy được Phật, trước tiên phải nhận rõ chúng sinh. Bởi vì chúng sinh mê muội Phật tánh của chính mình, chứ không phải chư Phật khiến chúng sinh mê muội bỗng tánh. Tự tánh nếu giác ngộ, chúng sinh tức là Phật, tự tánh nếu mê muội, Phật là chúng sinh. Tâm nếu tà vạy thì Phật ẩn trong chúng sinh, tâm nếu bình đẳng chất trực, chúng sinh thành Phật. Tâm ta tự có Phật, tự Phật là chân Phật. Nếu tự mình không có tâm Phật, thì đi tìm chân Phật chỗ nào? Tự tâm các thầy là Phật, nhất định không nên hồ nghi. Ngoại cảnh không có một vật gì có thể tự kiên lập, mà đều là các pháp do bản tâm sanh khởi tác dụng. Kinh nói: “Tâm sanh tất cả pháp sanh, tâm diệt tất cả pháp diệt.” Ta sẽ nói một bài kệ bái biệt, gọi là “Tự tánh chân Phật kệ.” Những người đời sau nếu hiểu ý bài kệ này sẽ tự thấy bản tâm, tự thành Phật đạo.

Chân như tự tánh là chân Phật
Tà kiến, ba độc là ma vương
Đang lúc tà mê, ma hiển hiện
Lúc khởi chánh kiến, Phật hiện tiền
Trong tâm khởi tà kiến, ba độc
Tức là ma vương đến quấy nhiễu
Nếu chánh kiến diệt trừ ba độc
Ma biến thành Phật, thật chẳng giả
Pháp thân, báo thân và hóa thân
Ba thân xưa nay là một thân
Nếu hướng vào tâm thấy được Phật
Tức là nhân Bồ đề thành Phật
Vốn từ hóa thân sanh tịnh tánh
Tự tánh thường ở trong hóa thân
Tánh khiến hóa thân hành chánh đạo
Tương lai viên mãn thật vô cùng

Dâm tánh là nhân của tịnh tánh
 Trừ dâm tức là thân tịnh tánh
 Trong tâm vốn tự lìa ngũ dục
 Kiến tánh ắt thấy Phật là chân
 Đời này nếu gặp pháp đốn ngộ
 Liền ngộ tự tánh thấy Thế Tôn
 Nếu muốn tu hành, muốn thành Phật
 Không biết nơi nào để tìm chân
 Nếu như trong tâm tự thấy chân
 Có “chân” tức là nhân thành Phật
 Không thấy tự tính, tìm bên ngoài
 Khởi tâm như vậy là người ngu
 Nay đã lưu lại pháp đốn ngộ
 Muốn độ người đời, phải tự tu
 Người học Phật đời sau nên biết
 Nếu không thấy đạo, uổng đời tu.

Sau khi đọc bài kệ, Lục tổ nói với mọi người:

- Các thầy khéo an trụ. Sau khi ta diệt độ, không nên bi thương khóc lóc giống như những kẻ ngoài đời, không được mặc đồ tang và cũng không nên thọ nhận sự phúng điệu chia buồn của mọi người. Người nào làm điều này thì không phải là đệ tử của ta, mà cũng không làm đúng chánh pháp. Chỉ cần nhận chân bản tâm của mình không có sự động tĩnh, sanh diệt, tới lui, thị phi, đi ở, là được. Ta chỉ e các thầy hãy còn mê hoặc, chưa thể hiểu rõ những đạo lý mà ta đã dạy. Nếu các thầy có thể y vào những phương pháp ta dạy mà thực hành thì cũng giống như ta vẫn còn trụ tại thế gian. Nếu đi ngược những lời dạy của ta, thì dù ta vẫn còn sinh hoạt tại thế gian, đối với các thầy vẫn chẳng có lợi ích gì.

Kể đó, Lục tổ nói bài kệ:

Bất động, chẳng tu thiện
 Thung dung, chẳng tạo ác

An nhiên, dứt thấy nghe
 Thên thang, tâm không chấp.



Nói bài kệ xong, Lục tổ ngồi nhập định đến canh ba, sau đó nói với mọi người:

- Ta đi đây.

Nói xong, Lục tổ thân nhập diệt. Nghe nói, lúc ấy trong phòng ngài tỏa ngát mùi hương lạ, trên không xuất hiện một cầu vòng trắng, cây cỏ cũng biến thành màu trắng, các loài cầm thú đều cất tiếng bi

thương.

Tháng mười một, năm Khai Nguyên thứ nhất (713), quan liêu của ba quận Quảng Châu, Thiệu Châu, Tân Châu, cùng các đệ tử xuất gia và tại gia đều tranh nhau nghinh thỉnh di thể của Lục tổ đến quận mình để thờ phụng cúng dường. Nhóm Quảng Châu thì muốn nghinh thỉnh về chùa Pháp Tánh (Quang Hiếu), vì đó là nơi Lục tổ xuống tóc xuất gia, nhóm Thiệu Châu thì cho rằng Lục tổ là tổ khai sơn của chùa Bảo Lâm (Nam Hoa), còn nhóm Tân Châu thì muốn nghinh thỉnh về chùa Quốc Ân, vì nơi đó là quê

hương của Lục tổ. Mọi người ai cũng có lý lẽ riêng, không ai chịu nhường ai. Sau đó, có người đưa ý kiến là nên thấp hương cầu Lục tổ quyết định, nếu khói hương bay về hướng nào thì sẽ đưa di thể về nơi đó. Kết quả là sau khi niệm hương, khói hương bay thẳng về hướng Tào Khê. Do đó vào ngày mười ba tháng mười một, mọi người đưa di thể Lục tổ cùng y bát Thiên tông đến chùa Bảo Lâm ở Tào Khê.

Ngày hai mươi lăm tháng bảy năm sau (714), đại chúng thỉnh nhục thân Lục tổ ra khỏi điện thờ để ngài Phương Biện phết bột thơm để giữ cho không bị mục nát. Các đệ tử nhớ lại lời dự đoán trong tương lai sẽ có người đến trộm đầu ngài, bèn lấy thép và vải sơn bao chặt cổ nhục thân rồi đưa vào tháp thờ. Khi ấy có một luồng ánh sáng trắng từ trong tháp phóng ra chiếu thẳng lên trời, đến ba ngày sau mới từ từ tan đi. Thứ sử Thiệu Châu đem sự linh ứng đó tâu lên triều đình, nhà vua bèn ban sắc lệnh lập bia để kỷ niệm đạo hạnh của Lục tổ.

Sau khi Lục tổ viên tịch, ngài Thần Hội lên phương Bắc, tại chùa Đại Vân ở Hoạt Đài (hiện nay là huyện Hoạt, tỉnh Hà Nam), triệu khai Vô già đại hội, tuyên giảng tông chỉ của pháp môn Đốn giáo, phê bình kích bác Thiên tông phương Bắc, xác lập địa vị chánh thống của ngành Thiên đốn ngộ. Từ đó về sau, phái Thiên của ngài Thần Tú dần dần suy vong. Nhân vì Thần Hội làm trụ trì chùa Hà Trạch ở Lạc Dương, tông phái do ngài truyền thọ được gọi là Hà Trạch Tông. Phái này rất hưng thịnh vào thời Trung Đường, nhưng chẳng bao lâu cũng bị suy vong.

Trong các đệ tử của Lục tổ, chánh thức phát triển lớn mạnh vào đời sau là hai hệ phái của ngài Nam Nhạc (Hoài Nhượng) và Thanh Nguyên (Hành Tư).

Ngài Nam Nhạc truyền pháp cho ngài Mã Tổ Đạo Nhất, Đạo Nhất truyền pháp cho ngài Bách Trượng Hoài

Hải. Từ sau ngài Bách Trượng được chia làm hai phái là: (1) chi phái do hai ngài Quy Sơn Linh Hựu và Ngưỡng Sơn Huệ Tịch thành lập gọi là Quy Ngưỡng Tông, (2) chi phái do ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền thành lập gọi là Lâm Tế Tông.

Ngài Thanh Nguyên Hành Tư, một vị đệ tử mà Lục tổ vô cùng quý trọng, có một đệ tử là ngài Thạch Đầu Hy Thiên, truyền qua vài đời thì có ngài Vân Môn Văn Yển thành lập Vân Môn Tông; hai ngài Tào Sơn Bồn Tịch và Động Sơn Lương Giới thành lập Tào Động Tông; còn ngài Thanh Lương Văn Ích thì thành lập Pháp Nhãn Tông.

Như vậy, bắt đầu từ khi đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni cầm nhánh hoa kim sắc đưa lên, ngài Đại Ca Diếp biết ý mỉm cười, pháp môn thiên “đem tâm truyền tâm” được truyền thọ đời này qua đời khác, cuối cùng đã đến Trung quốc khai hoa kết quả. Năm tông Quy Ngưỡng, Lâm Tế, Vân Môn, Tào Động, Pháp Nhãn ứng nghiệm lời huyền ký của tổ Đạt Ma: “Một hoa sanh năm cánh, kết quả tự nhiên thành.”

Lục tổ Huệ Năng hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi, trải qua sáu đời vua, lúc hai mươi bốn tuổi được truyền thọ pháp y, lúc ba mươi chín tuổi xuống tóc xuất gia, thuyết pháp độ hóa chúng sanh ba mươi bảy năm. Số người đắc pháp với ngài được bốn mươi ba vị, còn số người nghe pháp tu tập được khai ngộ nhập đạo, hoặc siêu phàm nhập thánh thì nhiều không kể xiết. Y bát mà tổ Đạt Ma truyền thọ, y bát do triều đình phong tặng, bức tượng do ngài Phương Biện tạc thành, cùng những đạo cụ của tổ Huệ Năng đều được đưa vào tháp để làm pháp bảo trấn giữ đạo trường. Lưu truyền Kinh Pháp Bảo Đàn cùng hiển dương pháp môn Thiên đốn ngộ, cũng đều là việc hưng long Phật pháp Tam bảo, và đây cũng là những điều xác thực làm lợi ích chúng sanh.



Vào lúc nửa đêm ngày mồng ba tháng tám năm Khai Nguyên thứ mười (722), trong chùa Bảo Lâm đột nhiên có tiếng dây xích sắt kéo lê trong tháp, mọi người trong chùa choàng dậy chạy ra thì thấy có một người mặc tang phục đang từ trong tháp chạy ra. Đại chúng vội vàng chạy vào trong tháp thì thấy nơi cổ

của di thể Lục tổ có vết đao chém, bèn đem việc này báo cáo lên quan phủ. Sự kiện này đã làm kinh động mọi người trong vùng. Quan huyện Dương Khoản, thứ sử Liễu Vô Thiêm bèn hạ lệnh giải quyết vụ án này nhanh chóng. Sau vài ngày, quan quân bắt được một người ở thôn Thạch Giác tên Trương Tịnh Mãn, giải lên quận Thiệu Châu thẩm vấn. Tịnh Mãn bèn khai:

- Tôi là người huyện Lương ở Nhữ Châu, lúc ở chùa Khai Nguyên ở Hồng Châu nhận số tiền hai chục ngàn từ một nhà sư Triều Tiên tên Kim Đại Bi, ông ấy muốn tôi đi

trộm thủ cấp của Lục tổ để đem về Triều Tiên cúng dường. Tôi vì đang cần tiền để nuôi gia đình thành thử đã nhận lời.

Thứ sử Liễu Vô Thiêm sau khi nghe xong, chưa vội ra phán quyết, bèn tự mình đi đến Khúc Khê, thỉnh cầu vị sư giữ tháp là Lịnh Thao cho biết ý kiến. Ngài Lịnh Thao nói:

- Nếu theo phép nước, đáng lẽ phải phán tội tử hình, nhưng cửa Phật từ bi, hướng chi người chủ mưu chỉ muốn thỉnh về để cúng dường, cho nên cũng không thể cho rằng họ phạm tội cực ác, thôi thì tha cho họ vậy!

Liễu Vô Thiêm nghe xong vô cùng ca ngợi lòng từ bi khoan thứ của Phật giáo, bèn phóng thích phạm nhân. Điều này ứng nghiệm với lời tiên tri của Lục tổ.

Năm Thượng Nguyên thứ nhất (760), đời Đường Túc Tông, nhà vua phái sứ giả đến Tào Khê nghinh thỉnh y bát của Lục tổ về cung cúng dường. Mãi đến ngày năm tháng năm, năm Vĩnh Thái thứ nhất (765), đời Đường Đại Tông, vua Đại Tông nằm mộng thấy Lục tổ đến yêu cầu trả lại y bát. Vào trưa ngày bảy tháng năm, nhà vua hạ lệnh cho thứ sử Thiệu Châu là Dương Giám nói:

- Trăm năm mộng thấy thiền sư Huệ Năng đến đòi y bát, cho nên hiện nay phái Trấn quốc đại tướng quân Lưu Sùng Cảnh cung kính hộ tống y bát trở về Tào Khê. Ông cần phải đứng như pháp an trí tại chùa Bảo Lâm, và cũng cung thỉnh đại chúng trong chùa phải khéo giữ gìn, không để thất lạc.

Sau đó, mặc dù y bát bị kẻ gian trộm đi, nhưng chẳng bao lâu lại tìm được, như vậy trước sau cả thấy bốn lần.

Đời Đường Hiến Tông, triều đình phong húy hiệu Lục tổ là Đại Giám Thiền Sư, phong tháp của ngài hiệu là Nguyên Hòa Linh Chiếu.

Vào thời Triệu Khuông Dẫn lập nhà Tống, đã từng đem quân đến bình định vùng Nam Hải. Đối thủ của Triệu Khuông Dẫn là Lưu Dự bị đại bại, tàn quân của ông ta tẩu tán khắp nơi, kết quả là chùa tháp của Lục tổ cũng bị thiêu rụi. Rất may di thể của ngài được các vị giữ tháp bảo trì nguyên vẹn, không chút tổn hoại.

Lúc vua Tống Thái Tông lên ngôi, rất tôn sùng Thiền tông, hạ chiếu trùng tu tháp của Lục tổ thành bảy tầng, lại phong húy hiệu cho Lục tổ là Đại Giám Chân Không Thiền Sư.

Năm Thiên Thánh thứ mười đời Tống Nhân Tông (1032), triều đình chuẩn bị xa giá trang nghiêm nghinh thỉnh di thể và y bát của Lục tổ vào cung cúng dường, lại phong húy hiệu cho ngài là Đại Giám Chân Không Phổ Giác Thiền Sư.

Đời Tống Thần Tông lại phong húy hiệu là Đại Giám Chân Không Phổ Giác Viên Minh Thiền Sư.



Lời bạt

Kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn, bộ pháp ngữ tinh túy đầu nguồn của dòng Thiền đốn ngộ, đã gợi niềm cảm hứng khích lệ cho bao nhiêu thế hệ học Phật. Người học Phật dù thuộc về tông phái nào cũng đều công nhận rằng Thiền tông là bảo tàng phát sanh rất nhiều tư tưởng đặc thù của Phật giáo Đông phương.

Lục tổ Huệ Năng, một vị Bồ tát bậc cao thị hiện trong dáng dấp một người miền sơn dã, đã minh chứng cho chúng ta, những người học Phật, tư tưởng bình đẳng tuyệt đối của Phật giáo Đại thừa: Phật tánh không phân biệt Bắc Nam, chủng tộc, tuổi tác, dòng dõi, học vấn, v.v... Sự thị hiện của Ngài đã thể hiện rõ ràng những lời dạy bằng bạc của đức Bổn Sư cũng như của tất cả chư Phật trong những kinh điển Đại thừa, như Bát Nhã, Duy Ma Cát, Thăng Man, Thủ Lăng Nghiêm, và nhiều kinh điển khác. Những lời dạy của Lục tổ, dựa trên văn tự nhưng không vướng mắc vào văn tự, có một năng lực tuyệt vời, với tác dụng vi diệu nâng cao cái nhìn của hành giả, từ cái nhìn của một phàm phu đến cái nhìn của một thánh nhân.

Người dịch, tuy biết rằng bản kinh Pháp Bảo Đàn đã nhiều lần được các vị tôn túc phiên dịch sang tiếng Việt, nhưng vì lòng kính ngưỡng và sùng mộ một bậc đại cao tăng vì pháp quên thân, đã không ngần ngại bỏ nhiều công sức, với một hoài bão duy nhất là làm phong phú thêm cho kho tàng văn hóa Phật giáo Việt nam, và hơn nữa, hy vọng bản dịch này, với một giọng văn bình dị dễ hiểu, không quá câu nệ vào kinh văn, sẽ đem đến cho người đọc một cảm nhận nhẹ nhàng, thanh thoát.

Thư mục tham khảo

Anh

- 1 - **The Platform Sutra of The Sixth Patriarch**, bản Anh dịch Pháp Bảo Đàn Kinh của Phillip B. Yampolsky, http://fodian.yolook.net/world/Platform_Sutra_Yampolsky.pdf
- 2 - **The Sixth Patriarch's Dharma Jewel Platform Sutra**, bản Anh dịch Pháp Bảo Đàn Kinh Lược Giảng của H.T. Tuyên Hoá, <http://www.fodian.net/world/Platform-Sutra.pdf>

Hán

- 1- **Lục Tổ Đại Sư Huệ Năng Cổ Sư** (Lục Tổ Đàn Kinh Bạch Thoại Thiền Dịch), Ngô Trọng Đức biên soạn, Hòa Dự Xuất Bản Xã, Đài Nam, Đài Loan, 1997.
- 2- **Lục Tổ Đại Sư Pháp Bảo Đàn Kinh Hợp Bản** (Tào Khê Bản, Cải Chánh Bản và Đôn Hoàng Bản), Hòa Dự Xuất Bản Xã, Đài Nam, Đài Loan, 1998.
- 3- **Lục Tổ Đàn Kinh**, Thích Tâm Ấn biên tập, Từ Vân Sơn Trang-Tam Tuệ Học Xứ ấn hành, Tân Trang, Đài Bắc, 1994.
- 4- **Lục Tổ Đàn Kinh Tiên Chú**, Đinh Phúc Bảo soạn, Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ấn hành, Đài Bắc, Đài Loan, 2002.
- 5- **Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh Thuật Chỉ**, Vương Tương Lục thuật chỉ, Vô Thượng Phật Gia (Amitabha Buddhist Society) ấn hành, Cơ Long, Đài Loan.
- 6- **Trung Quốc Thiền Tông Sử**, Đại Sư Ấn Thuận biên soạn, Chánh Văn Xuất Bản Xã, Đài Bắc, Đài Loan, tái bản lần thứ 8, 1992.

Việt

- 1- **Kinh Pháp Bảo Đàn**, Hòa Thượng Duy Lực dịch và lược giải, Tủ sách Tổ Sư Thiền, 2003.
- 2- **Kinh Pháp Bảo Đàn** (Bản Đôn Hoàng), Hòa Thượng Mãn Giác dịch, NXBTGHN, 2003. Bản tiếng Việt từ website <http://www.thuvienhoasen.org>.
- 3- **Pháp Bửu Đàn Kinh**, Hòa Thượng Minh Trực Thiền Sư dịch, Phật Bửu Tự ấn hành, 1944. In lại tại Mỹ Quốc, 2001.
- 4- **Kinh Pháp Bảo Đàn Giảng Giải**, Hòa Thượng Thích Thanh Từ giảng, Thiền Đường Tuệ Thông ấn hành tại Hoa Kỳ, California, 1993.
- 5- **Lục Tổ Đàn Kinh**, Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giảng, Buddhist Text Translation Society ấn hành, California, 2004.
- 6- **Lục Tổ Đàn Kinh**, Ni Sư Thích Nữ Trí Hải dịch. Bản tiếng Việt từ website <http://www.buddhismtoday.com>.
- 7- **Thiền Đạo Tu Tập**, Chang Chen Chi soạn, Như Hạnh dịch Anh Việt. Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, 1998.
- 8- **Thiền Luận**, 3 tập, D. T. Suzuki soạn, Trúc Thiên dịch tập 1, Tuệ Sỹ dịch tập 2, 3. Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, 1989.

Phương Danh Ân Tổng

NS. Chúc Phước
NS. Thích Nữ Như Như
Diệu Thủy & Hoàng Lan
Hạnh Châu
Hạnh Lâm, Tín Đình, Brianna Đình
Hạnh Liễu
Hoàng Chi, Hoàng Phi
Hồng Ngân
Hương Nguyễn
Lý Sở Ngọc
Lư Hồng Liên PD Hoàng Liên
Lư Lễ Cường
Nguyễn Trúc
Nguyễn Thùy Trang Jenny, Lâm Tú Hà
Phổ An, Phổ Huệ, Phạm Hiếu Thuận
Phước Ngọc
Quán Diệu
Quán Hạnh
Quán Minh
Quán Nghiêm
Quán Tướng
Thân An
Thân Mai
Trần Thị Kim Hương
Trần Thu Quang
Tuệ Hương
Từ Kim Anh

Quý vị thí chủ trên đây cùng với gia đình quyến thuộc đóng góp tịnh tài để ân tổng kinh điển. Xin hồi hướng công đức cầu nguyện Phật pháp hưng long, Pháp luân thường chuyển, mưa hòa gió thuận, quốc thái dân an, thiên hạ thái bình, chúng sanh an lạc.

Nguyện đem công đức này.
Hương về khắp tất cả.
Đệ tử và chúng sanh.
Đều trọn thành Phật đạo.

- Hoàng Chi & Hoàng Phi xin hồi hướng công đức cho Justin Phạm (PD Hoàng Nhơn) và Ryan Phạm (PD Hoàng Hải)

Cẩn bạch: Nếu phương danh ân tổng còn thiếu sót, xin quý vị đàn na niệm tình tha thứ.